

TRẦN VĂN THẬN

NGUYỄN BÁ LOAN

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỨU NƯỚC



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Quất ngựa, vung gươm, trừ bạo tặc
Anh hùng trải mật cứu giang sơn.

Nguyễn Bá Loan

HO CHI
THƯ VIỆN T. GIAM NG. NG. H.

THƯ VIỆN T. GIAM NG. NG. H.
943
ĐI A CHI

017 018
001 002 003 004 005

Mã số: 9.9 (V) (092)
CTQG.99

017 018
001 002 003 004 005
017 018

TRẦN VĂN THẬN



NGUYỄN BÁ LOAN
CUỘC ĐỜI
VÀ
SỰ NGHIỆP CỨU NƯỚC

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỨC HIỆP
THƯ VIỆN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 1989



CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nhằm giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ và phát huy truyền thống cách mạng hào hùng của nhân dân ta trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Nguyễn Bá Loan - cuộc đời và sự nghiệp cứu nước*, viết về một chí sĩ yêu nước của Quảng Ngãi trong những ngày đầu nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Là một trong những lãnh tụ phong trào Cần Vương của Quảng Ngãi nói riêng, miền Trung nói chung, nhưng tấm gương hy sinh quên mình vì dân, vì nước của Nguyễn Bá Loan chắc chắn có tác dụng giáo dục đồng bào, chiến sĩ cả nước, nhất là thế hệ trẻ nước ta hiện nay - có nhiệt tình cách mạng, có tri thức khoa học, được Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp giáo dục và rèn luyện, - hàng hái di lên trong sự nghiệp cách mạng hiện nay vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 1999

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



LỜI NÓI ĐẦU

Nguyễn Bá Loan là nhà yêu nước nổi tiếng ở Quảng Ngãi. Ông có vị trí nổi bật trong cả hai thời kỳ: thời kỳ Cần Vương những năm cuối thế kỷ XIX đầy bi hùng và thời kỳ tập dượt đi vào cách mạng dân tộc, dân chủ những năm đầu thế kỷ XX rạng ánh bình minh. Sự nghiệp lớn lao của ông đã có ảnh hưởng sâu xa đến các thế hệ sau. Chẳng thế mà khi Cách mạng Tháng Tám thành công tên ông đã được nhân dân trong tỉnh trân trọng đặt tên cho huyện Mộ Đức quê ông. Sau ngày thống nhất đất nước, mồ mả ông, nhà thờ ông được Nhà nước xây dựng, tôn tạo. Con cháu ông sống khắp nơi trên đất nước cũng đã tự hào về sự nghiệp của ông cha mình. Hôm đi thu thập tư liệu điển dã, tôi may mắn gặp một người con cháu ông. Sau khi cung cấp cho tôi một số tư liệu có giá trị, anh còn đọc cho tôi mấy câu thơ ngồn ngộn những tự hào về cha ông mình:

*Nước sông Vệ như gương soi vạn đại,
Bóng tiền nhân in mãi Nguyễn Bá Nghi.
Núi Long Phụng như bia trời hùng vĩ,
Khắc muôn đời chí khí Nguyễn Bá Loan.
Đầu có mưa tuôn hay tuyết phủ,
Núi sông này tâm nguyện nổi tinh hoa.*

Tiểu thay, một nhân vật lịch sử mà nói như Victor Hugo "Những kẻ trung trinh hiến mình vì nước, đáng cho người quý trước linh quan" như Nguyễn Bá Loan lại mới chỉ một vài sách vở nhắc đến tên họ, chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện, đầy đủ. Chúng ta không trách nhiệm người trong nước không biết Nguyễn Bá Loan, mà ngay những người ở Quảng Ngãi, nhất là thế hệ trẻ hôm nay cũng trong tình trạng đáng buồn như vậy. Chúng ta không nghĩ rằng thế hệ trẻ hôm nay không cần tìm hiểu cụ thể mà chỉ cần biết đại khái những nhân vật lịch sử là những ai, nếu vậy thì việc nhắc tên, hoặc có một vài bài viết về nhân vật lịch sử như đã có là đủ rồi. Đọc một công trình nghiên cứu đầy đủ, nghiêm túc về một nhân vật lịch sử, chắc chắn người đọc sẽ được bồi dưỡng không ít về tình cảm yêu nước, về ý chí chiến đấu và bồi dưỡng thêm nhân cách cho mình.

Nghiên cứu và viết Nguyễn Bá Loan- cuộc đời và sự nghiệp cứu nước, tôi luôn luôn tuân thủ nghiêm túc những nguyên tắc khoa học lịch sử đã quy định, đồng thời vẫn mong ước cung cấp cho bạn đọc một cuốn sách bổ ích mà chính cuộc đời, sự nghiệp vẻ vang của Nguyễn Bá Loan đưa lại. Tôi chỉ lo là sức mình có hạn, không khai thác đầy đủ những gì đã có và đáng nói về Nguyễn Bá Loan. Điều đó thể hiện rõ trong cuốn sách. Cả hai quãng đời, hơn 15 năm Nguyễn Bá Loan giao du ở miền Nam; và hơn 15 ngày nằm trong tù ngục, chờ ngày xử chém, hầu như chưa được viết gì. Còn các phần khác, bên những tư liệu có văn bản hẳn hoi, tôi cố gắng dùng tư liệu điển đã bổ sung vào những "khoảng trống" sau khi đã xác minh nhiều lần và chọn lọc kỹ. Dù cố gắng đến đâu, tôi

vấn ngữ là tập sách còn nhiều sai sót, nhược điểm. Tôi xin mạo muội làm người viết đầu tiên còn nhiều thiếu sót, với mong mỏi được bạn đọc góp ý, phê phán, nhất là bổ sung tư liệu để một ngày nào đó có được một công trình nghiên cứu đầy đủ, toàn diện hơn về Nguyễn Bá Loan.

Nhân đây, tôi xin cảm ơn Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Sở Văn hoá-Thông tin Quảng Ngãi, Sở Khoa học công nghệ và môi trường Quảng Ngãi, bà con dòng họ Nguyễn - Bá ở thôn Lạc Phố, xã Đức Nhuận và ở thôn Tình Phú - xã Hành Minh, huyện Mộ Đức, đặc biệt là ông Nguyễn Bút, nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, đã cung cấp tư liệu, điều kiện thuận lợi để cuốn sách này được xuất bản.

Quảng Ngãi, ngày 4 tháng 6 năm 1999

Người viết

Trần Văn Thận



I. TIỂU SỬ

Nguyễn Bá Loan là một trong những chí sĩ yêu nước trong buổi đầu chống thực dân xâm lược Pháp. Tinh thần yêu nước sâu sắc và đức tính kiên trì chiến đấu cứu nước, cứu dân của ông làm xúc động lòng người và là một tấm gương cao đẹp có sức cổ vũ lớn lao đối với mọi thế hệ.

1. Quê hương, gia thế

Ông được sinh ra tại thôn Lạc Phố, tổng Lại Đức, phủ Mộ Đức (nay là xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan lại cao cấp của triều đình nhà Nguyễn. Thôn Lạc Phố còn gọi là vạn Lạc Phố nguyên là tên một làng do chính cha ông - ông Nguyễn Bá Nghi - lúc đang làm Hộ lý Tổng đốc Bình Phú về thăm quê nhà thấy dân phiêu tán, không nơi nương tựa, làm ăn, đã tập hợp họ lại, lập thành xã Lạc Phố, thôn Vinh Phú (đức ông Loan chưa được sinh ra). Xã Lạc Phố nay là một thôn thuộc xã Đức Nhuận, còn thôn Vinh Phú là một thôn thuộc xã Đức Lợi. Xã Lạc Phố nằm gần sát bờ phía nam sông Vệ. Thửa ấy, từ bờ đến sông có một khoảng cách rộng đến hơn 500 m, có rừng cây, chuồng trại nuôi súc vật, có cả bãi tập cưỡi

ngựa, v.v. và dưới sông là một vạn chài tập trung ghe thuyền đông đúc, phía trong sông là đồng ruộng Năng An, một bộ phận của cánh đồng phì nhiêu rộng lớn Mộ Đức - cánh đồng rộng lớn nhất Quảng Ngãi. Theo Lê Văn Quát: "Năng An - Lạc Phố là tụ điểm dân cư vào hạng sớm nhất ở hạ bán nam sông Vệ khi thành lập phủ Tư Nghĩa đời Lê Hồng Đức (1460 - 1497), là đầu mối giao lưu đường thủy qua cửa Cổ Luỹ mà đến các nơi khác trong tỉnh và vào Nam ra Bắc"¹. Chưa nói đến toàn bộ tỉnh Quảng Ngãi được *Đại Nam thực lục* xem là nơi "địa linh nhân kiệt", chỉ tính từ đường quốc lộ số 1 đến sát bờ biển nam sông Vệ dài khoảng 7 km, chúng ta đã đi qua thôn Bồ Đề, quê hương của Tả quân Lê Văn Duyệt, cánh tay phải của vua Gia Long; đến thôn Năng An có nhà thờ họ Trần, thủy tổ của ông Trần Du một lãnh tụ khác của phong trào Cần Vương Quảng Ngãi; rồi đến Lạc Phố, quê hương nhà yêu nước kiệt xuất Nguyễn Bá Loan và cuối cùng đến Long Phụng nơi ông Lê Vinh Quang, người theo vua Lê Thánh Tông vào dẹp giặc ở phương Nam, giặc yên ông ở lại mộ dân, khai khẩn 1.242 mẫu ruộng đất, lập nên xã Long

1. Lê Văn Quát: *Văn thân Cần Vương, kho báu về lòng yêu nước và nghĩa khí của trí thức Nho học Quảng Ngãi - Kỳ yếu Hội thảo khoa học về Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi*, Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Ngãi, 1997, tr. 304 - 305.

Phụng, đặt tên núi Long Phụng, được sắc phong là Vệ Dương Tử Tướng Hậu¹ được tôn vinh là bậc tiên hiền được đời sau tế thờ trọng vọng mãi đến ngày nay. Hiểu sâu về quê hương Nguyễn Bá Loan chúng ta càng hiểu được những đức tính kiên trì, dũng cảm, bất khuất biểu hiện rõ trong cuộc đời ông, phần nào đó đã được hình thành từ truyền thống của mảnh đất đã sinh ra ông.

Thân phụ Nguyễn Bá Loan là ông Nguyễn Bá Nghi (1807-1871). Ông Nguyễn Bá Nghi tự là Sư Phần, nhà nghèo nhưng học giỏi có tiếng. Được bà con họ hàng giúp đỡ học tập, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) khoa Tân Mão ông thi đỗ cử nhân, và năm sau (1832) khoa Hội Nhâm Thìn ông đậu Phó Bảng - khai Đại khoa cho tỉnh Quảng Ngãi. Ông làm quan gần 40 năm, qua ba triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, và lần lượt đi từ tri huyện, tri phủ, rồi án sát, bố chánh đến tổng đốc, thượng thư sung cơ mật viện đại thần, lúc ở miền Nam, lúc ở miền Bắc, lúc ở kinh đô Phú Xuân, có mặt trên cả ba miền của đất nước. Nhưng cuộc đời làm quan của ông cũng ba chìm bảy nổi, hai lần bị giáng chức, hai lần phục chức, hai lần xin từ quan. Ông phê phán lối học khoa cử và tư tưởng sùng bái Tống Nho đương thịnh hành đương thời và ông là người dám mạnh dạn đề xuất sự canh tân giáo dục. Người đương thời xem ông là một danh sĩ, một con người trung thực tiết tháo. Vua

1. Theo Lê Vinh Bốn: *Núi Long Phụng - Chùa Hang*, Tạp chí *Cẩm Thành*, số 1, 8-1994, tr. 31.

Tự Đức nhận xét Nguyễn Bá Nghi là người "thông đạt, mẫn cán". Năm 1863, theo lệnh triều đình, Nguyễn Bá Nghi vào lo việc chống giũ Biên Hoà và thương thuyết với Pháp để lấy lại thành Gia Định (đã bị Pháp chiếm đóng). Chống giũ không được, thương thuyết cũng không thành, ông dâng biểu đề xuất việc tạm hoà. Vì vậy, ông bị giáng chức và dương thời xếp ông vào phái "chủ hoà". Mười năm tiếp theo, con đường hoan lộ của ông cũng không kém phần lận đận. Cuối cùng năm 1871, tháng 4, năm Tự Đức thứ 21, ông lâm bệnh và mất tại lý sở khi đang lĩnh chức Hộ lý Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên (Sơn Tây - Hưng Hoá - Tuyên Quang). Vua cho phục hồi hàm Tổng Đốc và cho đưa linh cữu về chôn tại quê hương Quảng Ngãi. Thân mẫu của Nguyễn Bá Loan là bà chánh thất Trương Thị Liễu Tế, con gái nhà họ Trương ở Mỹ Khê (Sơn Tịnh), cũng thuộc con nhà danh gia vọng tộc. Bà nổi tiếng là con người hiền đức có đầy đủ công, ngôn, dung, hạnh, hiểu thơ văn, giỏi nghề dệt lụa, quán xuyến mọi việc trong gia đình thay chồng nuôi dạy con. Tiếng là vợ một quan đại thần, bổng lộc cao, quyền thế lớn, nhưng không mấy khi chồng về quê ở lâu. Còn bổng cao lộc hậu đều do các bà thứ thất (Ông Nguyễn Bá Nghi có hai bà thứ thất và bốn người con trai ở miền Bắc, đến nay cháu chắt còn lại rất đông) thụ hưởng ở nơi nhiệm sở. Còn gia đình ở quê hương vốn đã nghèo từ trước, nay có thêm được cái danh, một ít lộc diển vua ban, thực chất cũng chẳng thay đổi mấy. Trong lúc ngay tại quê nhà,

ông Nguyễn Bá Nghi còn một thú thất thứ ba người họ Cao (không rõ tên) và bốn người con trai phải lo nuôi nấng. Bà Trương Thị Liễu Tế phải lo toan mọi thứ, lo cho trên dưới thuận hoà, trong ấm ngoài êm, lo cho con chị, con em được học hành, lo cho cơm canh đủ bữa, lo cho danh giá chóng rạng rỡ với quê hương. Bà tổ chức việc dệt lụa ngay ở nhà để bán, gở bớt phần khó khăn. Hiếu kỳ gia đình họ Nguyễn Lạc Phố, chúng ta thấy Nguyễn Bá Loan chịu ảnh hưởng của mẹ nhiều hơn cha. Mặc dù đã có thời ông được cha lúc làm Thượng thư Bộ Hộ (1859-1861) đưa ra Huế nuôi dạy gần ba năm, nhưng lúc đó ông còn quá nhỏ. Đức tính cương trung, tháo vát, quyết đoán mà ông có được, chắc một phần ông thừa kế của mẹ.

2. Vài nét về cuộc đời

Nguyễn Bá Loan sinh năm Đinh Tỵ (1857) và là con trai thứ hai trong số tám người con trai của Nguyễn Bá Nghi - một đại thần của triều Nguyễn - nên dù không đỗ đạt vẫn được tập "Ấm sinh" do đó thường được gọi là Ấm Loan. Năm Nguyễn Bá Loan 4 tuổi, Nguyễn Bá Nghi đang nhận chức Thượng thư Bộ Hộ ở kinh thành, muốn con theo đường khoa cử của mình nên đưa Loan ra Huế học tập để tiện việc theo dõi và kèm cặp. Để có người hầu hạ, chăm sóc, mẹ Loan cho một người gia đình tin cậy họ Đỗ¹ đi theo (Người này đã gắn bó suốt cuộc đời lận đận của Nguyễn Bá Loan).

1. Không rõ tên.

Loan sáng dạ, thông minh, học khá nhanh. Nhưng chỉ hai năm sau, ông Nguyễn Bá Nghi được lệnh vào công cán miền Nam, rồi ra miền Bắc với bao nhiêu lận đận trên chôn quan trường. Loan mất chỗ dựa ở Huế, nhưng trước khi đi Nguyễn Bá Nghi đã gửi gắm Loan cho bạn bè nên Loan vẫn tiếp tục học đến mười tuổi mới quay về quê hương theo quyết định của mẹ. Về quê, ông được gửi học ông cử Nguyễn Duy Cung ở Vạn Tượng (thuộc xã Nghĩa Dũng, Từ Nghĩa hiện nay) được mấy năm. Được tin cha mất và được nhà vua cho phép, ông cùng gia đình ra Sơn Tây đưa linh cữu cha về chôn cất ở quê nhà. Chịu tang cha một thời gian và trước đó không lâu, thầy Nguyễn Duy Cung lại di nhận một chức quan ở Triều đình Huế, Loan buồn bã vì tang tóc, buồn thương mất cha, xa thầy liên tiếp xảy ra, nên xin mẹ được trở ra Huế dựa vào chỗ quen cũ để tiếp tục việc học. Lúc này ở tuổi 15, 16, ông đã chú ý nhiều đến các diễn biến của thời cuộc. Thực dân Pháp đã chiếm trọn sáu tỉnh Nam Kỳ. Thành Hà Nội đã một lần bị hạ (1873). Bọn tướng tá Pháp ra vào kinh thành Huế như cơm bữa, vừa hống hách đe dọa, vừa ra sức phân hoá mua chuộc triều đình Huế. Nội bộ vua quan nhà Nguyễn lục đục, "chiến" hay "hoà" rối rắm như tơ vò. Dân chúng ở kinh thành sống trong nơm nớp lo âu. Vẫn tiếp tục theo học, nhưng ông bắt đầu hình thành quyết định không theo con đường khoa bảng của cha. Trước thời cuộc nhiều dữ hơn lành, ông thấy phải có một con đường đi khác cho đời mình, nên bắt đầu nghiên cứu thêm binh thư, binh pháp. Hàng năm, dù quan san

g(v)(042)
539



Mộ chi nhà yêu nước Nguyễn Bà Loan
tại thôn Tinh Phú, xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành,
tỉnh Quảng Ngãi

TRƯỞNG TIÊU HOC ĐỨC HẠP
943
ĐỊA CHỈ

~~TRƯỞNG TIÊU HOC ĐỨC HẠP~~
~~THƯ VIỆN~~

cách trở, ông vẫn giữ đúng nghĩa vụ về quê cúng lễ tổ tiên trong ngày Tết, ngày giỗ cha và giữ đạo thần hôn đối với mẹ. Năm ông 18 tuổi, mẹ ông nhờ mai mối đã hỏi Trịnh Thị Tuyết Anh, con gái quan Trịnh Hữu Thế, người làng Vân Hà (thuộc xã Đức Phong, huyện Mộ Đức hiện nay) đang làm Đề Đốc tại tỉnh Khánh Thuận¹ cũng là môn đăng hộ đối. Hai gia đình đã nhất trí hứa hôn và đi lại vài lễ. Cả Loan và Tuyết Anh cũng có thư đi, thư về, kèm thơ xướng hoạ khá tâm đầu ý hợp... Nhưng rồi Nguyễn Bá Loan vẫn tiếp tục đi Huế học tập. Thời thế diễn biến nhanh chóng, làm choáng váng mọi người, cả Nguyễn Bá Loan. Hà Nội bị đánh chiếm lần thứ hai, Tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết², Hầu như toàn Bắc Kỳ đã nằm trong tay Pháp. Biến cố xảy ra liên tiếp trong triều đình Huế. Vua Tự Đức già cả, bất lực, thực dân Pháp ra sức mua chuộc và làm hậu thuẫn phía sau cho bọn gian thần, kể cả một số không nhỏ trong hoàng tộc để thâu tóm quyền lực và lung đoạn triều đình. Lo lắng trước cảnh đất nước trong thế bại vong, nhân tâm bất định, Nguyễn Bá Loan hai năm liền không về quê với quyết tâm mai danh ẩn tích dồn sức nghiên cứu đạo thương, súng đạn, binh thư, binh pháp với quyết tâm đánh Pháp cứu nước. Qua đó, sau

1. Theo Nguyễn Hồng Sinh trong *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Sđd*, tr. 229. Khánh - Thuận là hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Thuận.

2. Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, Hoàng Diệu tử tiết vào năm 1882.

này ông quen thân với Tôn Thất Dạm, Tôn Thất Thiệp, là hai con trai của Phụ chính đại thần, Binh bộ Thượng thư Tôn Thất Thuyết, trụ cột của phái "chủ chiến" từ năm 1881. Trong lúc đó ở quê nhà có tin bàn tán xôn xao về việc (1881) Nguyễn Bá Loan - con trai Nguyễn Bá Nghi thuộc phái "chủ hoà" đã bị bè đảng phái chủ chiến giết chết. Cả gia đình họ Nguyễn Lạc Phố đang hoang mang trước tin đồn không rõ thực hư, thì Nguyễn Thân - con trai của Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa - Định Nguyễn Tấn (quê ở Thiết Trường, thuộc xã Đức Lân - Mộ Đức ngày nay) - cho người đến xin cưới Trịnh Thị Tuyết Anh. Thực ra Nguyễn Thân khi nghe Trịnh Thị Tuyết Anh đẹp đẽ, nét na, giỏi giang nhiều mặt đã rất thèm muốn nhưng biết Nguyễn Bá Loan đã đi hỏi nên chỉ còn biết tiếc nuối vì đã chậm chân. Đến nay, nhân lúc Nguyễn Bá Loan có tin đã chết, Nguyễn Thân cho người phao tin và bằng áp lực từ mọi phía buộc gia đình họ Trịnh phải gả Tuyết Anh cho mình. Gia đình họ Nguyễn Lạc Phố không có cách gì để ngăn cản nên đành chấp nhận việc từ hôn. Gia đình họ Trịnh cũng không có cách gì từ chối cũng đành chấp nhận gả Tuyết Anh cho Nguyễn Thân. Về phần Tuyết Anh, cô đang phấn khởi chuẩn bị về làm dâu nhà họ Nguyễn Lạc Phố thì nghe tin như sét đánh bên tai và tỏ thái độ không đồng tình với thú duyên nợ ép ổng như vậy. Trong lúc đang mang nặng tâm trạng buồn đau cho số kiếp tình duyên trắc trở của mình, gia đình lại tăng thêm sức ép, cô đành nhắm mắt đưa chân và trở thành hôn thê của Nguyễn Thân đang hành tiến.

Cuối năm 1881, Nguyễn Bá Loan được tin mẹ ốm nặng, ông vội vã về quê chăm sóc mẹ và biết Tuyết Anh đã có chồng gần nửa năm. Hầu hạ và thuốc men cho mẹ bình phục thì cũng gần đến Tết Nguyên đán. Ông ở lại ăn Tết với gia đình. Sau Tết ông trở lại Huế với nỗi buồn không dứt được. Theo lời kể của con cháu người gia đình họ Đỗ (không rõ tên)¹ thì ra Huế lần này Nguyễn Bá Loan đã cưới một cô gái (không rõ tên họ), con một viên quan nhỏ, quê ở huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên làm việc ở kinh thành làm vợ và sinh được hai con trai.

Tình hình đất nước diễn ra ngày càng xấu hơn. Sau khi vua Tự Đức mất (16-6 Quý Mùi, tức 19-7-1883), triều đình Huế thực sự rơi vào hỗn loạn. Các phe phái tranh giành với nhau, buộc tội nhau, bốn tháng thay đổi ba vua² và chém giết nhau liên tục. Thực dân Pháp mượn cớ này, cớ khác buộc triều đình Huế nhượng bộ hết bước này đến bước khác, đến cả việc chấp nhận ký hai hàng ước Quý Mùi (25-8-1883), rồi Giáp Thân (6-6-1884) bán nốt phần đất Trung Kỳ, cam tâm chấp nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp. Mong cứu vãn được tình thế, Nguyễn Bá Loan ủng hộ việc tăng cường lực lượng của phe "chủ chiến", củng cố binh lực, xây dựng

1. Tức ông Đỗ Tấn là chất người gia đình ấy thuật lại những điều ông đã nghe cha ông kể lại. Ông hiện đã 65 tuổi ở thôn Năng An, xã Đức Nhuận.

2. Là các vua Dục Đức, Hiệp Hoà, Kiến Phúc.

các sơn phòng thành căn cứ chống Pháp lâu dài và đã tham gia làm một số việc, trở thành người "tuỳ tướng" tin cậy của Tôn Thất Thuyết.

Tháng 5-1885, được lệnh Tôn Thất Thuyết, ông vội từ già vợ con lên đường. Không có thì giờ khóc lóc tiễn đưa, nhưng đó là "lần ra đi không hẹn ngày trở lại". Về Quảng Ngãi, sau khi hoàn thành xong việc truyền đạt mệnh lệnh, và được Nghĩa hội văn thân phân công tổ chức đội Đoàn Kiệt¹ và phụ trách cánh Nam, ông về nhà trình bày việc làm với mẹ. Mẹ ông tán thành việc làm của con, nhưng nhà nghèo, không có gì đóng góp, bà đành đi tháo khung cửi lấy tấm lụa đang dệt dở đưa cho ông. Ông đã đem tấm lụa làm cờ tụ nghĩa. Ông tham gia cuộc khởi nghĩa chống bọn quan lại theo phe đầu hàng thời gian đầu do Lê Trung Đình lãnh đạo, rồi sau đó do ông trực tiếp phụ trách trong suốt ba năm 1886 - 1888. Hành động cứu nước của ông đã bị thực dân Pháp và Nam triều² tay sai xem là hành động phản nghịch nên ra sức truy bắt. Vợ con ông ở Huế chạy lánh nạn khi kinh thành thất thủ (5-7-1885), rồi sau đó, vì ông đang bị lên án và bị truy bắt nên vợ con

1. Đội quân được tuyển chọn những người trai trẻ, khoẻ mạnh, sống tập trung, tập luyện và sẵn sàng chiến đấu gần như đội quân thường trực, khác với hương binh.

2. Đến đây, triều đình do thực dân Pháp sắp đặt, thường gọi là Nam Triều, không còn gọi là triều đình Huế nữa.

ông phải thay tên đổi họ, giấu tông tích và không liên lạc được với nhau.

Sự đời lại khá trở trêu, trong cuộc chiến đấu sinh tử với kẻ thù ông gặp lại Trịnh Thị Tuyết Anh - ý trung nhân của ông ngày nào.

Số là Trịnh Thị Tuyết Anh bị bắt buộc phải lấy Nguyễn Thân trong lúc tâm trí còn đầy hoang mang, không phân biệt được tốt xấu. Nhưng khi sống chung, Tuyết Anh càng hiểu tính hiếu danh, hiếu sắc và bụng dạ xấu xa của Nguyễn Thân, nên hết sức đau buồn. Đến khi Nguyễn Thân ra mặt phản bội Nghĩa hội Văn Thân, đàn áp cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, khủng bố những người yêu nước, Tuyết Anh mượn cớ về thăm gia đình, rồi cải nam trang đi thẳng đến căn cứ nghĩa quân và tình nguyện hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước¹. Tuyết Anh là con nhà võ tướng được học chữ Hán biết làm văn thơ, lại còn biết cả đường gươm, thế kiếm và đôi điều binh thư, binh pháp, chủ yếu do nếp sống thói quen của "con nhà dòng dõi". Tuyết Anh đã chiến đấu anh dũng trong bốn năm, và oái oăm thay lại dưới sự chỉ huy đầy dũng lược của vị hôn phu không thành ngày nào. Vừa đau đớn, vừa xấu hổ, Trịnh Thị Tuyết Anh trở nên sống dăm chiêu, ít nói, ít cười, chỉ một lòng lo làm tròn bốn phận được giao. Lúc tham gia đội quân đánh chặn hậu ở Thiết Trường (Mộ Đức), lúc

1. Xin xem thơ của Tuyết Anh ở phần phụ lục, bài *Đệt đường thơ* và bài *Đẹp má đào*.

làm việc biện lương do bà Võ Thị Dệ điều khiển ở mặt trận Đồng Lớn (Bình Sơn), nhiều lúc giáp mặt với Nguyễn Bá Loan nhưng Tuyết Anh cố tránh, vì nàng ngẫm chẳng hay ho gì khi khơi lại vết thương lòng của nhau. Nguyễn Bá Loan biết được nỗi đau lòng của Tuyết Anh nên đã chủ động tổ chức một số lần gặp gỡ nhằm làm nhẹ bớt những mặc cảm trong lòng nàng. Nhưng càng gặp, Nguyễn Bá Loan càng cảm phục nét na đoan chính, ý chí ngoan cường và tình cảm sâu sắc mà Tuyết Anh dành cho ông. Tuy cuộc sống đã bắt buộc phải rẽ đôi, mỗi người có một cảnh ngộ riêng, nhưng họ sống với nhau rất chân tình và quý trọng nhau, ngay cả lúc thất bại phải cùng nhau trốn tránh, lúc thất lạc phải cố tìm nhau. Hình ảnh Tuyết Anh lúc nào cũng hiện lên sáng đẹp ngời ngời trong lòng Nguyễn Bá Loan, ngay cả sau khi biết nàng đã hy sinh¹.

Khởi nghĩa thất bại, mẹ lại qua đời, Nguyễn Bá Loan lánh vào Nam tìm gặp các chí sĩ, trao đổi phương sách cứu nước. Lúc quay ra Bình Thuận (Khoảng 1900 - 1901), luật "Bất hồi tổ" ra đời, lệnh truy nã ông không còn hiệu lực. Người gia đình trung thành suốt đời với ông đã giúp ông ra Huế tìm lại vợ con ông². Tìm mãi đến quê ngoại mới biết vợ ông đã qua đời vì ốm đau, hai

1. Xin xem bài thơ *Ngâm ngùi* ở phần phụ lục.

2. Có tài liệu viết có cả Nguyễn Bá Loan ra Huế (xin ghi lại để tìm hiểu thêm).

con ông ở với gia đình bên ngoài, người gia đình đã trình bày mọi lý lẽ và đưa được người con trai lớn vào Bình Thuận sống với ông. Cũng theo lời kể với những bằng chứng có thể tin là sự thật, chẳng bao lâu, người con ấy và cả người gia đình mà ông hết lòng tin cậy đều qua đời vì bị bệnh đậu mùa - một căn bệnh quái ác, hay lây phổ biến thời ấy.

Năm 1904 ông về Quảng Ngãi¹ với tâm niệm đem quãng đời còn lại lo việc nước, không nghĩ gì đến cuộc đời riêng tư nữa. Nhưng anh em trong gia đình cùng nhau hết lời khuyên dỗ. Ông dần dần cũng tự thấy mình phải có cơ sở tự lập, không thể nhờ vả mãi vào gia đình đồng con, nhiều khó khăn của anh² được. Lại nhân trở lại thăm cơ sở đã nuôi giấu mình trước đây ở Nghĩa Hành, và được ông già che giấu ngày xưa đón tiếp hết sức niềm nở và gợi ý Nguyễn Bá Loan nên mở trường dạy học tại nhà mình, ông vô cùng xúc động trước tấm thịnh tình của người mà ông đã hàm ơn trước đây và nghĩa tình rộng mở ngày hôm nay. Ông mở trường dạy học ở đây và không lâu ông được cụ già

1. Ngày về Quảng Ngãi của Nguyễn Bá Loan các tài liệu nói khác nhau. Xin xem *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđd* và Hồng Sinh, Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản năm 1975. Theo nhiều tư liệu và tài liệu gia đình thì Nguyễn Bá Loan về Quảng Ngãi năm 1904.

2. Anh cả của Nguyễn Bá Loan theo gia phả là Nguyễn Bá Quyên.

gả người con gái lớn cho. Bà vợ Nghĩa Hành đã sinh cho ông được một người con trai tên là Nguyễn Hữu Tự, và đến nay các chất nội của ông có gia đình và sinh sống ở Nghĩa Hành. Cũng cần nói thêm về người con trai còn lại của ông ở Thừa Thiên. Từ khi về Quảng Ngãi, ông tham gia ngay phong trào Duy Tân, sau đó phong trào khất thuế rồi bị bọn thống trị giết hại, chưa rõ vì sao không thấy nói đến việc ông cho người ra Huế tìm kiếm người con còn lại của mình, và cũng không ai biết ông có liên lạc gì không. Nhưng mãi đến khoảng 7, 8 năm sau khi ông đã hy sinh thì một người thường gọi là ông Viên Ba¹ mới tìm về quê cha và năm nào cũng đi về trong những ngày giỗ ngày Tết cho đến mãi năm 1945 nhiều biến cố của đất nước đã xảy ra, việc đi lại bị ngừng tại đó, và không rõ cháu chất của ông hiện nay như thế nào.

Cuộc đời riêng của Nguyễn Bá Loan đã gặp nhiều bất hạnh, buồn đau nhiều hơn mừng vui ngay từ thuở ấu thơ. Tuy được tiếng là con quan đại thân, nhưng sống luôn luôn xa cách, lúc thương nhớ cha, lúc thương nhớ mẹ. Gần cha chẳng được bao nhiêu thì năm 14 tuổi đã mất cha². Lớn lên chứng kiến cảnh mất nước, triều đình tán nát, dân chúng hoảng loạn, và bị buộc phải từ

1. Không rõ tên.

2. Không như Lê Văn Quát đã viết "... Theo cha đi khắp nước" - Bài viết in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học về Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi, Sđđ.*

hôn. Khởi nghĩa cứu nước thất bại, mẹ mất, gia đình ở Huế phiêu linh. Phấn khởi trước phong trào Duy Tân chưa được bao lâu đã chấp nhận hy sinh trong phong trào khất sùu, chống thuế. Cuộc sống hầu như không có lúc nào mỉm cười với ông. Từ cuộc sống nhiều nghịch cảnh đó, ta mới thấy hết con người quả cảm, đầy ý chí của ông, một con người dám vượt qua mọi hoàn cảnh khắc nghiệt của riêng mình để hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cứu nước, rất đáng khâm phục.

II. SỰ NGHIỆP CỨU NƯỚC

Nguyễn Bá Loan đã dành trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước, và sự nghiệp cứu nước của ông có thể chia làm ba thời kỳ chính:

- Thời kỳ đấu tranh vũ trang dưới ngọn cờ Cần Vương

- Thời kỳ liên hệ với các chí sĩ yêu nước tìm đường cứu nước

- Thời kỳ xây dựng lực lượng nhân dân với khẩu hiệu "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" và cùng nhân dân chống sưu, thuế.

THỜI KỲ ĐẤU TRANH VŨ TRANG (1885 - 1888)

Thực dân xâm lược Pháp với chính sách chinh phục "chiếm từng gói nhỏ" (*Conquête par petits paquets*) lần lượt chiếm Nam Kỳ rồi Bắc Kỳ, và bằng mọi thủ đoạn giáo quyết cả chính trị, quân sự và ngoại giao quyết chiếm nốt phần đất Trung Kỳ còn lại. Triều đình Huế càng bị phân hoá sâu sắc hơn. Bộ phận "chủ hoà" nhưng thực chất là đầu hàng đã có lúc thắng thế, nắm cả quyền lực triều đình, đã ký hiệp ước Quý Mùi (25-8-1883) còn gọi là hiệp ước Harmand với những điều khoản

ngặt nghèo thừa nhận quyền thống trị của thực dân Pháp trên toàn đất nước Việt Nam. Triều đình Huế chấp nhận đầu hàng và cam tâm làm tay sai cho chúng.

Dựa vào phong trào cứu nước của nhân dân đang sôi nổi ở Trung Kỳ, phái "chủ chiến" trong triều đình mà Tôn Thất Thuyết là trụ cột, tìm đủ mọi cách để cứu vãn tình thế. Dựa vào quyền lực Thượng thư Bộ Binh mà mình nắm giữ, Tôn Thất Thuyết đã ra sức bí mật thúc đẩy phong trào kháng Pháp trong hàng ngũ các sĩ phu yêu nước ở vùng phụ cận kinh thành Huế. Đến đầu tháng 12-1883 kế hoạch chống Pháp được thực hiện một cách toàn diện mạnh mẽ hơn như:

- Kêu gọi các sĩ phu tại các tỉnh thành trong cả nước củng cố Nghĩa hội Văn Thân¹ vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang, rèn đức khí giới, chuẩn bị căn cứ, chờ lệnh chống giặc.

- Trực tiếp đưa người và tiền bạc đến xây dựng các sơn phòng, nhất là các Sơn phòng Bình - Trị (Quảng Bình và Quảng Trị) Quảng Nam và Nghĩa - Định (Quảng Ngãi và Bình Định) thành những căn cứ vững chắc để phòng mọi bất trắc và làm căn cứ có thể kháng chiến lâu dài.

- Sắp xếp lại tổ chức quân đội, đưa những người có tinh thần quyết chiến nắm giữ các cương vị chủ chốt ở

1. Được thành lập từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, bao gồm các quan lại đương chức và hưu trí, các thân sĩ, trí thức, nho sĩ.

các đơn vị quân đội và ở các sơn phòng, như đưa Trần Văn Dự về làm Tiểu phủ sứ Sơn phòng Quảng Nam, điều Nguyễn Hữu Tạo đang làm quan ở miền Bắc về làm Tiểu Phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định...

- Và đầu năm 1884 ra đạo dụ triệu dụng các tiến sĩ, phó bảng đang sinh sống tại quê quán ra đảm đương việc nước nhằm tăng cường lực lượng kháng chiến.

Các Nghĩa hội Văn Thân và sĩ phu các tỉnh đã hưởng ứng kế hoạch trên một cách tích cực. Nhiều việc đã được thực hiện đạt kết quả khả quan, như hầu khắp các tỉnh đều củng cố được Hương binh, xây dựng được đội Phấn Nghĩa, Đoàn Kiệt; chuyển được nhiều gạo muối lên cất giấu ở vùng rừng núi; vận chuyển an toàn hàng tạ vàng chôn cất ở vùng Cam Lộ¹ đưa 90 gánh, mỗi gánh 2 hòm, cũng có khi một hòm, mỗi hòm 100 thỏi vàng bạc² vào Sơn Phòng Quảng Nam, các Sơn phòng được củng cố tạo nên thế liên hoàn chiến đấu khi hữu sự.

Tất cả những việc làm đó không che mắt được bọn tay sai của bọn xâm lược Pháp được cài cắm ở khắp nơi. Chúng tìm mọi cách để phá hoại, và ngày 6-8-1884 chúng lại buộc triều đình Huế phải ký kết hiệp ước Giáp Thân (còn gọi là hiệp ước Patenôtre) với những

1. Theo bài "Kho vàng của vua Hàm Nghi và những tấm lòng vàng", *An ninh thế giới*, số ra ngày 17-7-1998.

2. Theo *Đại Nam thực lục*, bản dịch, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, t.37, tr.171.

điều khoản nặng nề buộc triều đình Huế phải nghiêm chỉnh chấp hành và để cho quân đội xâm lược Pháp đến đồn trú tại Mang Cá - một địa điểm nằm sát kinh thành Huế. Để đối phó lại, phe chủ chiến buộc phải phế truất vua Kiến Phúc (báo với Pháp là bị trọng bệnh đã băng hà và đưa Ưng Lịch mới 14 tuổi (em Kiến Phúc) lên ngôi vua lấy niên hiệu là Hàm Nghi (ngày 01-8-1884) với sự bảo trợ của Phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết với ý đồ là vua mới không liên quan gì và cũng không có trách nhiệm thực thi các điều khoản của hiệp ước đã ký từ trước. Cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt và ngày càng quyết liệt với triển vọng không tránh khỏi một cuộc xung đột quân sự một mất một còn sẽ nổ ra. Giữa tình thế cực kỳ căng thẳng đó, Nguyễn Bá Loan từ già kinh thành Huế lên đường trở về quê hương Quảng Ngãi mang theo nhiều mật lệnh của Tôn Thất Thuyết.

1. Nguyễn Bá Loan với cuộc khởi nghĩa Cần Vương do Lê Trung Đình lãnh đạo

Nguyễn Bá Loan đã tham gia một số hoạt động của phe chủ chiến và được Tôn Thất Thuyết tin cậy từ trước. Lần này được Tôn Thất Thuyết giao cho nhiều trọng trách nhằm tăng cường thêm người cho lực lượng kháng chiến ở Nghĩa - Định, Nguyễn Bá Loan từ già bạn bè, bà con về Quảng Ngãi vào đầu tháng 5-1885. Đến Quảng Ngãi, Nguyễn Bá Loan gặp ngay những người lãnh đạo Nghĩa Hội và chánh quản Hương binh

Lê Trung Đình và Phó quản Hương binh Nguyễn Tự Tân để truyền đạt mệnh lệnh xúc tiến nhanh chóng việc củng cố Hương binh và xây dựng Đoàn Kiệt, rồi cùng nhau bàn bạc tình hình quan lại và dân chúng trong tỉnh. Ông được phân công xây dựng đội Đoàn Kiệt và phụ trách cánh nam của tỉnh. Ông cũng ghé tỉnh thành thăm dò thái độ các quan tỉnh ở đây theo lời căn dặn của Tôn Thất Thuyết là phải tìm hiểu kỹ lưỡng vì chưa hiểu kỹ thái độ của họ đối với thời cuộc. Nhưng khi nghe Lê Trung Đình cho biết Nguyễn Đăng Ngoạn thường nằm ở Hội An, còn Bố Chánh Lê Duy Thụy, Án Sát Nguyễn Văn Dụ tuy thường xuyên ở nhiệm sở, nhưng tất cả họ đều mập mờ không tỏ rõ thái độ, gió chiều nào ngã theo chiều đó, khó tin tưởng, Nguyễn Bá Loan chỉ chuyển thư viết tay của Tôn Thất Thuyết cho Bố Chánh Lê Duy Thụy và mới qua tiếp xúc lần đầu Nguyễn Bá Loan đã nhận thấy ý kiến Lê Trung Đình là chính xác, rồi sau đó mặc dù đi ngang qua quê nhà ông vẫn không kịp về thăm mẹ, đi thẳng lên lý sở của Sơn phòng Nghĩa Định (ở Vạn Lý - Đức Phổ).

Đến lý sở Sơn phòng tướng sẽ gặp Nguyễn Hữu Tạo¹ vì lúc ở Kinh đô đã nghe Tri phủ Đuan Hùng (tỉnh Sơn Tây) được cử về lĩnh chức tiểu phủ sứ Sơn phòng, nhưng ông Tạo chưa về đến nơi chức tiểu phủ sứ vẫn

1. Người Đức Phổ, Quảng Ngãi, giữ chức Tri phủ Đuan Hùng được phái chủ chiến gọi về giao nhiệm vụ mới.

còn do Cai phòng Tham biện Nguyễn Thân tạm quyền¹. Tuy cùng quê Mộ Đức với nhau, nhưng trước đó hai người chưa hề gặp mặt nên Nguyễn Bá Loan không hiểu bản chất con người Nguyễn Thân. Qua việc tranh cưới Trịnh Thị Tuyết Anh, Nguyễn Bá Loan tuy có hơi nghi ngại về con người này, nhưng vì việc lớn nên phải xếp bỏ việc bất bình riêng, ông tỏ ra không có gì vướng mắc. Gặp Nguyễn Thân ông trao mặt lệnh và bàn việc chọn đơn vị thiện chiến, tin cẩn, điều về góp phần bảo vệ Kinh thành và việc tăng cường dự trữ lương thực, khí giới củng cố lực lượng Sơn phòng theo lệnh của Bình bộ Thượng thư. Nguyễn Thân tỏ ra niềm nở đón tiếp và hứa hẹn sẽ nghiêm túc thực hiện các mệnh lệnh. Riêng việc điều một đơn vị về Kinh thành, Nguyễn Thân hẹn phải đến đầu tháng 6 mới xuất phát được, vì phải tuyển chọn đúng tiêu chuẩn tin cẩn và thiện chiến. Thực hiện xong các nhiệm vụ của Tôn Thất Thuyết giao, Nguyễn Bá Loan vội vã về thăm mẹ và trình bày với mẹ việc dựng cờ, chiêu tập các nghĩa sĩ thành lập Đoàn Kiệt lo việc cứu nước. Được mẹ chấp thuận, Nguyễn Bá Loan biến nhà mình thành chỉ huy sở, biến đình Lạc Phố thành doanh trại, treo cờ có thêu bảy chữ "Tiêu tặc, trừ gian, bình quốc loạn" (Diệt giặc bên ngoài, trừ bọn gian tặc bên trong làm cho nước yên

1. Tháng 4-1884, Cai phòng Tham biện Nguyễn Thân được thăng Thu Hống lộ tự thiếu khanh, quyền sung Tiểu phủ sứ - theo *Đại Nam thực lục, Sđđ*, 1 36, tr. 109.

vượt qua nguy biến); cử Lê Lân, Nguyễn Quý¹ tổ chức và huấn luyện đội Đoàn Kiệt. Nguyễn Bá Loan cũng đã đến gặp và cùng bàn với Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Hàn Long, cử nhân Võ Đăng Tham, Bùi Chấn việc phát triển và củng cố Nghĩa hội Văn Thân vùng Chương Nghĩa, Mộ Đức², hỗ trợ đắc lực cho việc củng cố Hương binh ở các làng xã, góp phần tuyển chọn người vào đội Đoàn Kiệt và việc quyên góp lương thảo, rèn đúc khí giới chuẩn bị chiến đấu. Nguyễn Bá Loan cũng cử người lên miền núi đặt các trạm liên lạc, khai thông các ngã đường tạo sự liên lạc, phối hợp lâu dài giữa Nghĩa hội hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi.

Công việc đang tiến triển thì được tin Kinh đô đã thất thủ (5-7-1885) và có Dụ Cần Vương³, lại được thông báo của Lê Trung Đình về việc kéo quân về tỉnh

1. Lê Lân, Nguyễn Quý đều người Quảng Ngãi vừa đi thi võ ở Kinh đô về chờ kết quả và bổ dụng.

2. Thuộc các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Đức Phổ hiện nay.

3. Mới chỉ là "Dụ" truyền miệng, như *Dậu Tuất niên gian phong hoá ký sự* đã viết:

"... Tú Địch về là Thuyết sai vô,
Khi đã thất thủ kinh đô,
Mượn danh hồ quán thăm dò phía trong.
Trải qua Nam - Nghĩa một vòng,
Truyền miệng Dụ mới giục lòng văn thân..."

Còn Dụ chính thức thì 10 ngày sau mới có.

thành. Nguyễn Bá Loan ra lệnh tập hợp đội Đoàn Kiệt, chỉ là được tin Lê Trung Đình thông báo là đã chiếm được tỉnh thành. Nguyễn Bá Loan đưa đội Đoàn Kiệt ra đóng ở La Hà (Tư Nghĩa) để làm thành viện. Nhưng cũng vừa lúc nghe Nguyễn Thân dẫn đại quân Sơn phòng đến tỉnh thành. Mọi việc diễn ra như chớp nhoáng, khiến Nguyễn Bá Loan vừa mừng, vừa lo. Mừng vì Nguyễn Thân cũng là người của nghĩa hội Văn Thân, đưa đại quân về hỗ trợ, việc chiếm thành của quân khởi nghĩa sẽ có nhiều thuận lợi. Nhưng cũng đáng lo, vì tại sao lúc tiến quân Nguyễn Thân không báo gì, mặc dù đi qua vùng đóng quân của mình? Và đáng lo hơn là mới gặp Nguyễn Thân ở Sơn phòng chưa quá một tháng, biết Nguyễn Thân là con người quyết đoán e dễ đụng chạm với Lê Trung Đình, con người nổi tiếng bộc trực và với Nguyễn Tự Tân - con người nổi tiếng "nóng như lửa". Mà đụng chạm, xung đột thì chẳng có lợi gì cho nghĩa quân. Nguyễn Bá Loan đang băn khoăn lo lắng theo dõi thì được tin Nguyễn Thân vào thành đã bắt giết Nguyễn Tự Tân và bắt giam Lê Trung Đình và tàn sát nghĩa quân, với lời tuyên cáo là Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân đã manh động chống lại triều đình, đánh phá chính quyền địa phương do triều đình cử ra, cần phải tiêu diệt. Trong lúc Nguyễn Bá Loan đang không tưởng tượng nổi mức độ phản bội, đổi trắng thay đen của Nguyễn Thân thì một đơn vị quân Sơn phòng được Nguyễn Thân phái đến, bao vây La Hà, tấn công và cố tiêu diệt đội Đoàn Kiệt. Nguyễn

Bá Loan và đội Đoàn Kiệt phải chống cự vất vả mới rút được về phía nam với thương vong khá nặng.

Nguyễn Bá Loan bàng hoàng trước tổn thất nặng nề, nhanh chóng của lực lượng cứu nước, càng không hiểu được hành động phản trắc của Nguyễn Thân. Tìm hiểu khoảng 10 hôm sau thì Nguyễn Bá Loan hiểu rõ mọi chuyện. Nguyễn Thân đã phái đầy đủ đội quân thiện chiến ra hỗ trợ cho Kinh đô và củng cố Sơn phòng đầy đủ về mọi mặt như lời Nguyễn Bá Loan truyền đạt, rõ ràng lúc ấy Nguyễn Thân chưa có ý phản bội. Và còn chưa có liên hệ với thực dân Pháp, nhất là với bọn cha cố ở Qui Nhơn¹. Còn hành động lúc này của Nguyễn Thân là che đậy việc tiếm quyền hèn hạ vừa mới thực hiện của dân. Giữa tháng 5 Ất Dậu (7-1885) Nguyễn Hữu Tạo² mang chiếu chỉ nhận chức Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định về đến Quảng Ngãi, ông ghé về quê chịu tang mẹ (vì mẹ mất đã nửa năm rồi, nhưng vì công cán xa, việc nước rối bời nên chưa về được). Biết được việc đó, Nguyễn Thân ngồi đứng không yên vì chức Tiểu phủ sứ hấn tạm quyền đã lâu, không còn muốn trao quyền cho ai cả, dù Nguyễn Hữu Tạo đã từng có

1. Không phải như một số tư liệu đã viết. Xem bài: "Lê Trung Đình..." của Nguyễn Hồng Sinh trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđđ*, tr.234.

2. Nguyễn Hữu Tạo người thôn An Đại tổng Tri Đức, huyện Mộ Đức, nay thuộc xã Phổ Hoà, huyện Đức Phổ, đầu Cử nhân khoa Ất Mão (1855).

lúc là thầy dạy của mình. Nguyễn Thân suy tính hết cách này đến cách khác, thấy chỉ còn cách hạ sát Nguyễn Hữu Tào. Hắn sai một đội thân tín đưa 20 lính Sơn phòng, khiêng cả vồng đi theo mang thư đến tận nhà mời Nguyễn Hữu Tào về ngay lý sở Sơn phòng để giải quyết việc khẩn cấp. Nguyễn Hữu Tào được tin báo, tưởng thật lên đường ngay, mặc dù trời đã tối. Khi vồng đến sông Trà Cầu, lính mời quan lớn xuống vồng để qua đò. Tiểu phủ sứ Nguyễn Hữu Tào vén diềm vồng, lộ đầu ra, thì một lưới gươm đưa tới, đầu Nguyễn Hữu Tào rời khỏi cổ. Binh lính khiêng thi hài Nguyễn Hữu Tào về Sơn phòng. Hôm sau tin Nguyễn Hữu Tào trên đường về Sơn phòng bị kẻ lạ giết chết được phao lên và Nguyễn Thân tổ chức tang lễ rất lớn. Tưởng mọi việc đến thế là yên, không ngờ vài hôm sau Nguyễn Thân được tin Lê Trung Đình đã khởi nghĩa và chiếm được thành. Thân hoảng sợ trước tình hình diễn ra bất ngờ ấy, và thấy rõ tai họa sẽ giáng xuống đầu mình nếu lực lượng nghĩa quân Lê Trung Đình thắng lợi và biết được việc giết Nguyễn Hữu Tào. Với đầu óc cơ hội sẵn có, Nguyễn Thân kéo quân ngay về tỉnh thành với danh nghĩa đưa quân về hỗ trợ cho nghĩa quân Cần Vương, dù sao cũng tạo được chỗ đứng dằng hoàng ở phe thắng lợi, mà còn che mắt được việc giết Nguyễn Hữu Tào, rồi sẽ tùy cơ ứng biến tùy theo tình hình. Quân của Thân đến tỉnh thành được Lê Trung Đình mở cửa thành ra đón tiếp niềm nở và càng tin chắc vào thắng lợi của

cuộc khởi nghĩa. Thân cũng tỏ ra hân hoan chúc mừng thắng lợi. Khi tìm hiểu biết những việc làm như bắt giam Bồ chánh, Án sát, tịch thu khí giới, lương thảo và đặt quan chức, bộ máy chính quyền hoàn toàn mới của Lê Trung Đình thì Thân lại sợ. Lấy gì để biện bạch khi triều đình Huế hỏi việc truất bỏ mọi quan chức do họ đặt ra? Lấy gì để chống đỡ khi họ phản ứng, mà thực ra là bọn Pháp đem súng đạn đến? Cái thời còn cai quản cả ba kỳ, quân lực đầy đủ mà Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu vẫn không còn làm gì được chúng, cả triều đình phải lần lần phục tùng chúng thì đến nay một mảnh nhỏ Trung Kỳ làm gì chống chọi nổi với chúng? Và Nguyễn Thân tự thấy cơ hội may của mình đã đến. Tiêu diệt cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình sẽ được công là đã bảo vệ chính quyền địa phương do triều đình Huế đặt ra, việc giết Nguyễn Hữu Tạo lại thành hành động lập công diệt phái chủ chiến theo đúng âm mưu của Pháp. Một việc có thể làm dễ dàng vì bất ngờ và nghĩa quân hoàn toàn tin cậy, không có phòng bị, mà lợi cả mọi đường. Nguyễn Thân cho chiếm lĩnh các vị trí chiến lược, bố trí lực lượng khống chế các đơn vị mạnh của nghĩa quân, phái một đạo quân vào La Hà căn quân của Nguyễn Bá Loạn và nếu được thì bao vây và tiêu diệt, rồi cho người bắt Nguyễn Tự Tân đem đi chém, bắt Lê Trung Đình đem giam và tàn sát nghĩa quân. Tâm địa tráo trở, sáng hân hoan niềm nở, chiều trở mặt đánh phá, tàn sát không tiếc tay như Tào Tháo

của Nguyễn Thân đã chìm cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo vào biển máu. Lực lượng yêu nước bị tổn thất rất nặng nề. Nguyễn Bá Loan từ đây mọi hiểu được đầy đủ bản chất con người nổi tiếng là gian hùng xảo quyệt, sẽ là đối thủ trực tiếp của mình. Còn Nguyễn Thân sau khi tiêu diệt nghĩa quân ở tỉnh thành, đánh tan đội Đoàn Kiệt ở La Hà, bố trí lại bọn quan lại do triều đình Huế xếp đặt trước đây, rồi rút quân ngay về Sơn phòng lo việc đối phó với phe chủ chiến bằng cách dâng sớ về triều kể công dẹp "giặc" của mình, phái người đi Quy Nhơn liên lạc với thực dân Pháp tìm chỗ dựa và được bọn đại diện của Pháp ở đây¹ đảm bảo sẽ bảo vệ an toàn tính mạng, sẽ bàn với triều đình Huế ân thưởng công lao và hứa sẽ cung cấp khí giới, lương thực để tiếp tục đàn áp những người chống đối. Nguyễn Thân từng bước sa lầy vào tội ác và trở thành tên bán nước gian ác từ đó.

2. Nguyễn Bá Loan trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang (1885-1888)

Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình bị đàn áp khốc liệt. Nghĩa hội vẫn thân các huyện cũng bị tổn thất nặng, nhưng bộ máy vẫn còn, lực lượng còn khá hùng hậu. Văn bản *Dụ Cần Vương* chính thức được phổ biến rộng rãi (13-7-1885). Nghĩa hội đã tổ chức cho từng xã

1. Qua linh mục Đặng Đức Tâm ở nhà thờ Trung Lương và giám mục Pháp Cambréc ở Quy Nhơn.

tiếp nhận chỉ dụ hết sức long trọng: "... Một nho sĩ danh tiếng chấp chiếu chỉ dụ, hội họp thân hào và nhân dân tại đình làng. Có hai dây cờ cắm hai bên, ở giữa là bàn thờ có lọng che màu vàng, trên đặt một cái tráp mạ màu vàng (màu của vua) trong đựng chỉ dụ nhà vua. Các kỳ hào quý lạy trước bàn thờ. Nhân vật có danh vọng nhất mở nắp tráp, rút chỉ dụ nhà vua đọc lớn tiếng và giải thích, đồng thời vạch rõ nhiệm vụ của mỗi người. Trong niềm hân hoan, tất cả những người hiện diện thể tiêu diệt kẻ thù ..." ¹ Nguyễn Bá Loan đã vượt qua sự kiểm soát của chính quyền đầu hàng ở địa phương, lần lượt chấp nối các đầu mối, củng cố lại tỉnh hội, các huyện hội và tập hợp nhân dân cùng lo việc cứu nước, bắt đầu từ những việc làm như trên. Các ban chỉ huy mới cũng lần lượt ra đời. Ban chỉ huy ở tỉnh gồm có: Nguyễn Bá Loan tổng chỉ huy phụ trách cả Hương binh và Đoàn Kiệt; Thái Thú làm phó chỉ huy trực tiếp chỉ huy chiến đấu; bà Võ Thị Đệ (còn gọi là bà Hộ Gà) phó chỉ huy phụ trách quân lương, vũ khí ².

1. Dịch từ bản tiếng Pháp. Trong tác phẩm *Annam - Tonkin (1885-1896)* của Charles Fourniau, Paris, 1989, tr.310.

2. Theo Nguyễn Hồng Sinh trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học...*, *Số 4*, thì ban chỉ huy mới gồm Nguyễn Bá Loan làm đại tướng (?), Nguyễn Thành Phó tướng, Lê Lân làm tham tán quân vụ, Nguyễn Công Mậu là dân biện sự vụ và nữ tướng Võ Thị Đệ, Trịnh Thị Tuyết Anh làm đô đốc biện lương. Chưa rõ đúng sai thế nào, xin ghi lại để tiếp tục nghiên cứu.

Huyện hội Bình Sơn (gồm cả Bình Sơn, Sơn Tịnh hiện nay) có các ông Trần Hoàng, Tôn Trường, Mai Cảnh, huyện hội Chương Nghĩa (gồm Tư Nghĩa và Nghĩa Hòa hiện nay) có các ông Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Hàn Long, bà Lê Thị Kim Thanh. Huyện Mộ Đức (gồm Mộ Đức và Đức Phổ hiện nay) có các ông Cử nhân Võ Đăng Tham, Bùi Chấn v.v.. Qua việc củng cố lại các nghĩa hội, hướng binh các địa phương được sắp xếp lại, nghĩa quân của Lê Trung Đình được tập hợp lại, các đội Đoàn Kiệt mới được thành lập. Căn cứ Tuyên Tung được củng cố. Nghĩa hội từng địa phương tích cực quyên góp lương thực, rèn đúc khí giới cho nghĩa quân.

Nguyễn Bá Loan đặc biệt quan tâm đến việc khôi phục đường dây liên lạc, đặt mối quan hệ phối hợp với Nghĩa hội tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Nam. Trong tỉnh, Nguyễn Bá Loan đã liên hệ được với các tù trưởng ở miền núi như Đinh Đoàn, Đinh Dầu ở Ba Tơ, Đinh Tâm, Đinh Mẫn ở Minh Long, Đinh Tín, Boóc Hét ở Sơn Hà và Đinh Nam ở Trà Bồng¹ trong phối hợp chiến đấu trước mắt và cả kế hoạch xây dựng căn cứ để chiến đấu lâu dài.

Theo báo cáo của Nguyễn Thân về Nam triều thì hẳn đã cầm quân sơn phòng đánh lại nghĩa quân Quảng Ngãi và liên quân Quảng Ngãi, Bình Định,

1. Ba Tơ... Trà Bồng là gọi theo địa danh hiện nay để dễ xác định. Thời đó chưa hình thành các huyện với những tên này.

Quảng Nam... trước sau 12 trận lớn¹, không kể những trận nghĩa quân "quấy phá tỉnh thành" như sử sách triều Nguyễn đã chép², nhưng sử sách không chép cụ thể, các tài liệu khác thì nhiều điểm chưa thống nhất nhau, đôi chỗ mâu thuẫn nhau. Chúng tôi chỉ xin trình bày năm trận lớn mà các nhà nghiên cứu đã bỏ công sưu tầm với những tư liệu đảm bảo sự xác thực và khá thống nhất nhau trong nhận định:

a) Đánh chiếm phủ lý và giải phóng toàn bộ Bình Sơn (gồm Bình Sơn và Sơn Tịnh hiện nay).

Sau khi tàn sát cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình, Nguyễn Thân được sự hỗ trợ của Nam triều, đã bố trí lại bộ máy quan lại các phủ huyện, và cho quân đóng đồn ở các nơi. Riêng Bình Sơn chúng đóng quân ở Châu Ổ, Châu Tử, Liên Kỳ và Quán Cơm và cố lập lại trật tự dưới sự thống trị của quan lại Nam Triều, tay sai của thực dân Pháp. Về phần nghĩa quân, sau khi tập hợp lại các đội Hương binh và Đoàn Kiệt, củng cố lại chiến khu Đồng Lớn - Cà Ty, đã làm chủ hoàn toàn vùng An Điểm, Ngọc Trì, Liên Trì, Xuân Yên (Bình Sơn), Trà Bình, Khánh Mỹ (Sơn Tịnh) và tạo được thế bao vây các đồn của quân Nam triều. Nguyễn Thân đã mấy lần sai tùy tướng cầm quân ra giải toả nhưng đều

1. Theo *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học...*, Sđd, tr. 291.

2. Phan Khoan: *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Sài Gòn, 1971, tr.198.

bị Thái Thú¹, Nguyễn Tấn Kỳ và Nguyễn Tôn Tường đánh lui.

Tháng 10-1885, theo kế hoạch, Nguyễn Bá Loan ra lệnh cho Thái Thú tập kích đánh chiếm huyện lỵ và các đồn. Chấp hành mệnh lệnh, Thái Thú, Nguyễn Tấn Kỳ², Nguyễn Tôn Tường, Mai Cảnh mỗi người cầm một cánh quân đồng loạt tập kích vào các mục tiêu và thu thắng lợi nhanh chóng, bọn quan lại ở huyện bị bắt gọn, quân lính ba đồn Châu Ổ, Châu Tử, Bình Liên bị diệt và bỏ chạy. Chỉ riêng đồn Tịnh Án chúng còn giữ được. Nghĩa quân hầu như làm chủ hoàn toàn một địa bàn rộng lớn gồm Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng hiện nay. Được tin báo khẩn cấp, Nguyễn Thân cầm quân vội vã kéo ra định giải cứu, thì được tin Sơn phòng đang bị uy hiếp nên Nguyễn Thân dừng lại vừa nghe ngóng tình hình, vừa làm sớ tấu về Nam triều xin viện quân. Khi nghe tin tướng Nguyễn Thuyên cầm quân đi

1. Thái Thú, người Thu Xà, xã Nghĩa Hoà, Tư Nghĩa, là bộ tướng của Nguyễn Bá Loan tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1894 và bị thực dân Pháp xử tử cùng hai lãnh tụ khác là Nguyễn Vĩnh và sau một thời gian nữa là Bạch Văn Vĩnh.

2. Nguyễn Tấn Kỳ người làng Châu Tử - Bình Nguyên - Bình Sơn. Bộ tướng của Lê Trung Đình, rồi bộ tướng của Nguyễn Bá Loan; sau năm 1888 phong trào Cần Vương thất bại ông bỏ đi tu. Xem thêm bài " Nguyễn Tấn Kỳ nghĩa sĩ Cần Vương" của Cao Chú, tạp chí *Cấm Thành*, số 13.

đường biển đang tiến vào đánh dẹp ở Bình Sơn, Nguyễn Thân định đem quân về bảo vệ Sơn phòng thì được tin đồn Lỗ Thục đã bị nghĩa quân chiếm giữ, đề đốc Đinh Văn Hội đã bị bắt. Nguyễn Thân hoảng hốt phân vân, nhưng rồi vẫn kéo quân về Vạn Lý (Trụ sở của Sơn phòng¹). Nguyễn Thuyên không quen thủy thổ, lại chủ quan, ý mình có súng đạn Pháp cung cấp và xem nghĩa quân chỉ là đám giặc cỏ, hùng hổ tiến quân càn quét, tảo thanh. Thái Thú đã kịp thời giấu quân để tránh mũi nhọn của đối phương và tổ chức phục kích, tiêu diệt dần dần quân sĩ Nam triều làm cho Nguyễn Thuyên điên đầu vì tình trạng hao mòn quân lực. Cuối cùng Thái Thú đã lừa được Nguyễn Thuyên vào ổ phục kích của nghĩa quân ở Tịnh Ấn Tây và giết chết hắn ở đấy.

Cả một vùng lớn của Quảng Ngãi ở bắc sông Trà Khúc hoàn toàn được giải phóng. Nguyễn Tấn Kỳ người xây dựng chiến khu Tuyên Tung năm trước, giờ được lệnh xây dựng phòng tuyến bắc sông Trà Khúc. Thái Thú cũng được lệnh liên hệ phối hợp với nghĩa quân Quảng Nam.

b) Đánh chiếm đồn Lão Thuộc (tháng 12-1885)

Tách ra làm hai trận để dễ trình bày, nhưng thực ra trận đánh đồn Lão Thuộc (có sách viết là Lỗ Thục) chỉ là một mũi trong hai mũi tiến công và là mũi chủ

1. Ở cây số 7 đường Thạch Trụ - Ba Tư - Kon Tum.

yếu trong chiến thuật dương đông kích tây của Nguyễn Bá Loan. Rút kinh nghiệm từ cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan thấy rằng cần phải đánh lâu dài, và muốn đánh lâu dài phải mở rộng căn cứ kháng chiến về miền rừng núi và tạo sự liên kết nghĩa quân nhiều tỉnh mới có thể chiến thắng được. Căn cứ đó trước tiên ở phía Nam tỉnh với nghĩa quân Bình Định. Nhưng phía Nam tỉnh lại có lý sở của Sơn phòng Nghĩa Định và một số hệ thống đồn lũy kiên cố nối dài từ phía bắc tỉnh đến Minh Long (Quảng Ngãi) đến Vân Canh (Bình Định) do Đinh Văn Hội, một đề đốc có nhiều đảm lược và tài năng chỉ huy thường xuyên đóng ở Lão Thuộc, còn Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nguyễn Thân, một người nhiều mưu mô, quý quyết, thường xuyên có mặt ở lý sở Sơn phòng ở Vạn Lý. Hai con người ấy thường xuyên hỗ trợ, thanh viện cho nhau và đã tàn sát nghĩa quân do Đoàn Đoãn Định và Tăng Đoãn Văn (còn có tên là Tăng Bat Hồ) của Bình Định và nghĩa quân Quảng Ngãi do Lê Trung Đình lãnh đạo cách đây mấy tháng. Phải phá tung một mảnh lớn hệ thống Sơn phòng mới tạo được sự liên kết nghĩa quân hai tỉnh, mới tạo thế đánh lâu dài được. Nhưng muốn làm việc đó phải dương đông, kích tây và tách riêng hai con người Đinh Văn Hội, Nguyễn Thân ra không cho chúng kịp cứu viện cho nhau. Sau khi phối hợp bàn bạc thống nhất phương hướng trên, Nguyễn Bá Loan ra lệnh cho Thái Thú đánh Bình Sơn (như đã trình bày trên). Nguyễn Thân con người tự tin và mưu kế như thần không bao

giờ bị ai đánh lừa vội vã kéo quân ra giải cứu Bình Sơn, đã không giải cứu được lại trúng kế "điệu hổ ly sơn" của Nguyễn Bá Loan. Đầu tháng 12-1885, chờ cho Nguyễn Thân đang lúng túng tiến dở thoái dở ở phía nam sông Trà Khúc, Nguyễn Bá Loan cùng nghĩa quân Bình Định do Bùi Diễm¹ chỉ huy đồng loạt tiến công vào đồn Lão Thuộc (nay thuộc An Đông Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, Bình Định). Nghĩa quân Bình Định đánh ra, nghĩa quân Quảng Ngãi đánh vào ào ạt và bất ngờ, quân địch hoảng loạn bỏ chạy. Đề đốc Đinh Văn Hội, lãnh binh Vũ Lân và Phạm Sĩ đều bị bắt sống². Chiếm được đồn Lão Thuộc - một trong hai đại bản doanh của quân Nam triều thuộc tuyến Sơn phòng Nghĩa Định, nơi chứa nhiều vũ khí, lương thảo - nghĩa quân được cung cấp, trang bị thêm mạnh mẽ. Trong niềm hừng khởi thắng lợi bất được chủ tướng địch, nghĩa

1. Bùi Diễm bộ tướng của Mai Xuân Thưởng, ngày 20-8-1885 Đoàn Đoãn Địch từ trần, toàn bộ lực lượng kháng chiến Bình Định do lãnh tụ Mai Xuân Thưởng chỉ huy.

2. Theo Phan Văn Cảnh trong bài "Lực lượng Cần Vương Quảng Ngãi - Bình Định" in trong *Kỷ yếu Hội thảo học...*, *Sđd*, tr. 289 thì họ "...đưa binh lính trong đồn cùng súng ống, lương thực... ra tham gia nghĩa quân, Đinh Hội được phong chức Thống tướng..."; các tài liệu khác thì nói "bị bắt sống"; còn *Đại Nam thực lục*, *Sđd*, t.37, tr.326 thì viết: "Đầu năm 1887 Đề đốc Đinh Văn Hội ra đầu thú đã bị triều Đông Khánh giáng xuống hai trật, cho về hưu dương".

quân kéo xuống Bình Khê, rồi tiến ra đánh đồn Thường Xuyên, Mậu Lâm, Thạch Bi và đánh chiếm luôn huyện đường Mộ Đức, làm chủ một vùng rộng lớn ở phía nam và tạo thế trận bao vây quân Nguyễn Thân. Nguyễn Thân kéo được quân về Sơn phòng thì mọi việc đã xong, chỉ còn lo co cụm lại để đề phòng sự tấn công bất ngờ và viết sớ tâu về triều xin cứu viện. Nhận được sớ tâu, sau khi được đồng ý của Khâm sứ Pháp (thật ra lúc này Khâm sứ Trung Kỳ De Champeaux nắm toàn bộ quân lực Nam triều như một thượng thư bộ binh, vì Nam triều không còn được đặt bộ binh nữa) Nam triều cử một lãnh binh mang 600 quân vào cùng Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân lo việc đánh dẹp¹.

Thế là qua hai trận, nghĩa quân giành được đại thắng, đánh bại quân Nam triều ở hai nơi, giết được Nguyễn Thuyên, tướng của triều đình cử vào, nhất là bắt sống được Đỗ Đốc Đinh Văn Hội, chiếm được đồn Lão Thuộc, mở được địa bàn rộng lớn ở Bình Sơn, phía nam gồm cả Mộ Đức, Đức Phổ và bắc Bình Định gây được thanh thế lớn, đẩy Nguyễn Thân vào thế bị bao vây, phải co cụm và kêu xin cứu viện. Thừa thắng Nguyễn Bá Loan quyết định đánh chiếm lại tỉnh thành Quảng Ngãi bằng một cuộc tiến công mới.

c) Trận đánh lớn tháng 2 năm 1886

Nguyễn Bá Loan vẫn quyết đánh chiếm tỉnh thành

1. Đại Nam thực lục, Sđd, t. 37, tr. 79.

Quảng Ngãi. Theo kế hoạch phối hợp, nghĩa quân hai tỉnh Bình Định - Quảng Ngãi mở cuộc tiến công mới. Nghĩa quân chia làm ba đội, tiến theo ba hướng, mỗi hướng có nhiệm vụ riêng, nhưng đều cùng mục đích chung quét sạch các đồn lũy quân Nam triều, giải phóng Quảng Ngãi. Đạo quân do chánh tướng Bình Định là Bùi Diễn chỉ huy theo chính lộ từ Bình Định kéo ra tiến đến Mộ Đức, chiếm lĩnh các nơi, chấn chỉnh binh lực, phái một đội tiên phong tiến chiếm La Hà (Tu Nghĩa); rồi chờ hai đội kia đến sẽ hội quân vào thời khắc đã hẹn trước, cùng đánh chiếm tỉnh thành. Đạo quân này đã thực hiện đúng kế hoạch tiến quân của mình. Đạo quân thứ hai do phó tướng Đặng Đệ¹ chỉ huy từ đồn Lão Thuộc tiến ra Thanh Thủy, tấn công vào hệ thống Sơn phòng rồi kéo ra Thiết Trường (Mộ Đức) cùng đánh chiếm tỉnh thành. Đạo quân thứ ba do Nguyễn Bá Loan chỉ huy tiến theo miền núi, qua Ba Tơ, sang Minh Long, rồi tiến thẳng từ phía tây xuống đánh vào tỉnh thành. Nhưng đạo quân thứ hai sau khi đánh chiếm được mấy đồn tiến đến núi Tai Mèo thì gặp quân Nam triều do Lãnh binh Trần Văn Lương và phó

1. Theo Phan Văn Cảnh trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđd*, tr. 290 viết là Tăng Dẫn Văn. *Quảng Ngãi tỉnh chí* của Nguyễn Bá Trác đã in báo *Nam Phong*, 1933 - Bản sao đánh máy lưu tại Thư viện Quảng Ngãi, tr. 46, viết khác và mô tả Trần Cang, các sách đều nói rõ là Đặng Đệ. Cũng có sách viết là Đệ Diệt.

Lãnh binh Nguyễn Tiến Đạo chỉ huy chống lại. Trận đánh diễn ra ác liệt, cuối cùng nghĩa quân chiến thắng, chiếm lấy đồn. Nguyễn Thân từ Vạn Lý kéo quân đến bao vây, tối đến, đốt lửa suốt đêm và cho quân lính hò reo bên ngoài. Đặng Đề lo sợ cho quân canh phòng và bán trả. Đến sáng thì quân mệt, tên đạn không còn bao nhiêu, Nguyễn Thân đốc quân bốn phía đánh ào vào. Nghĩa quân thất thế hoảng loạn, Đặng Đề bị bắn chết trong trận. Nguyễn Thân chiếm lại đồn, thu được cả ấn tín, cờ xí chỉ huy của Đặng Đề. Sau đó Nguyễn Thân giả là Đặng Đề viết thư báo cho Bùi Điền là đã bắt được Nguyễn Thân, mời Bùi Điền đến quyết định việc xử lý. Đọc thư thấy rõ ấn tín của Đặng Đề đóng một cách nghiêm chỉnh và người mang thư đến có mang cả cờ lệnh của Đặng Đề, Bùi Điền tin là thật kéo một bộ phận đại quân lên Sơn phòng. Nguyễn Thân cho quân phục ở Tú Sơn, quan quân nằm dưới cống và hai bên vệ đường ở cống Thọ rền (địa điểm gần Thiết Trường, thuộc xã Đức Lân ngày nay). Quân Bùi Điền kéo đến, quân Nam triều phát lệnh và xông lên ào ạt tiến đánh. Quân Bùi Điền bị tấn công bất ngờ, kinh hoảng chạy tán loạn ra xung quanh, Nguyễn Thân tung đại quân vào trận, Bùi Điền thua chạy về phía Quýt Lâm. Nghĩa quân bị tàn sát, tổn thất nặng nề. Cảnh quân thứ ba do Nguyễn Bá Loan chỉ huy tiến ra, đến Đại An (nay thuộc xã Hành Thuận huyện Nghĩa Hành) đã bắt được liên lạc với đội tiên phong của Bùi Điền đóng ở La Hà, và đang chuẩn bị chờ đợi đại quân kéo ra sẽ đánh

chiếm tỉnh thành thì được tin Đặng Đề đã bị chết, Bùi Diễm đã thua trận vì mưu ma chước quỷ của Nguyễn Thân. Nguyễn Bá Loan vội cho một bộ phận quân đến La Hà yểm trợ để đội tiên phong rút về Mộ Đức cùng hội quân với bộ phận còn lại đóng ở Quýt Lâm, rồi sau đó một thời gian Bùi Diễm kéo về vùng núi Hoà Nhơn - Bình Định. Nguyễn Bá Loan cầm một đội quân cho hành quân rất nhanh và vượt đường tắt với ý đồ đánh chiếm đại đồn Sơn phòng ở Vạn Lý nhân lúc Nguyễn Thân còn điều quân ở ngoài không có mặt ở đây. Nhưng đến đây thì đồn Vạn Lý đã được canh phòng cẩn mật, Nguyễn Thân đang mở tiệc mừng thắng lợi. Nguyễn Bá Loan biết không đánh được ở đây, và được đồng bào thiếu số Ba Tư giúp đỡ, ông quyết định đánh chiếm đồn Thường An. Nhưng hai hôm sau, quân lính Sơn phòng phản công ồ ạt, ông biết không giữ được bèn rút sâu vào rừng núi, dựa vào hai thủ lĩnh Đinh Doãn, Đinh Dâu.

Sau trận này, nghĩa quân tổn thất rất nặng, riêng nghĩa quân Quảng Ngãi cũng có nhiều tướng lĩnh (cùng phối hợp chiến đấu trong đội quân do Bùi Diễm chỉ huy) bị hy sinh. Nguyễn Thân cho quân chiếm lại Mộ Đức, cướp lại huyện lỵ và thực hiện một chính sách tàn sát khủng bố vô cùng dã man. Ai là người của nghĩa hội, là Hương binh, là Đoàn Kiệt đều bị sát hại không cần tra hỏi. Thân cho bắt cha mẹ những người còn trong hàng ngũ nghĩa quân giam giữ, tra tấn buộc phải gọi con về với ý đồ làm cho nghĩa quân tự tan rã. Hắn còn bắt cả

vợ con các nhà phú hào có quyền góp cho nghĩa quân đem giam và hành hạ, buộc họ phải chịu nộp vợ con, ruộng đất mới tha. Bằng cách này Nguyễn Thân đã cướp hàng nghìn mẫu ruộng và chiếm đoạt bao nhiêu phụ nữ con gái đẹp là vợ con các phú hào. Nguyễn Thân trước đây đã nổi tiếng là một người hiếu danh, hiếu sắc, hám của, sau khi Đồng Khánh lên ngôi¹ ban tặng cho áo mào, cất nhắc chức tước, khích lệ công trạng và được thực dân Pháp xâm lược cung cấp cho súng đạn, lương thực đã biến thành một tên hiếu sát đến mức tàn bạo nhất những năm cuối thế kỷ XIX. Cả một khu vực rộng lớn từ Đông Cát đến Bình Khê vang tiếng khóc than và đầy máu chảy. Nhưng đứng trên toàn cục chiến trường Nam - Nghĩa - Bình Phú thì trận đánh ác liệt này đã cột chân Nguyễn Thân ở Quảng Ngãi để lo đối phó và cũng đã tổn thất không nhỏ. Nghĩa quân Quảng Nam đã bổ sung thêm lực lượng, mở rộng được trận tuyến, đánh chiếm được Tam Kỳ. Nghĩa quân Bình Định cũng chớp được thời cơ đánh chiếm cả Bồng Sơn, Phù Mỹ, và khi quân Bùi Điển kéo về thì được bổ sung ngay và hồi phục khá nhanh chóng. Riêng nghĩa quân Quảng Ngãi do Thái Thủ chỉ huy vẫn làm chủ được hầu hết vùng Bình Sơn, từ sông Trà Khúc trở ra.

Nguyễn Bá Loan rút về Tuyên Tụng, triệu tập ngay cuộc họp của bộ chỉ huy nghĩa quân. Bộ chỉ huy đã

1. Đồng Khánh được thực dân Pháp đưa lên làm vua ngày 6-8-1885 sau khi vua Hàm Nghi xuất奔 một tháng.

phân tích cái mắt. cái được trong trận vừa qua và nhận thức rõ là tình hình đã đổi khác. Thực dân Pháp vẫn chưa đưa quân đến, nhưng đã triệt để lợi dụng bàn tay đẫm máu của Nguyễn Thân vào việc tiêu diệt những người yêu nước. Chúng đã bắt buộc Nam triều giao trọn binh quyền cho chúng điều khiển. Chúng điều thêm tướng giỏi bổ sung cho đội quân Nguyễn Thân, bổ sung quân số lên đến 6.000 tên, được trang bị hầu hết bằng súng nạp hậu (súng Mousqueton), cung cấp đầy đủ lương thực và đặc biệt là bí mật giăng một mạng lưới tình báo dày đặc theo dõi chặt chẽ từng bước động tĩnh của nghĩa quân và kịp thời báo cho Nguyễn Thân trong việc đánh dẹp nghĩa quân Quảng Nam và Quảng Ngãi. Đồng thời chúng cũng điều Trần Bá Lộc¹ cầm quân từ Nam Kỳ ra đánh dẹp ở Khánh Hoà và Bình Thuận, cùng phối hợp với Nguyễn Thân đánh dẹp nghĩa quân Bình Định. Trước tình hình đó, nghĩa quân càng bắt buộc phải liên kết chặt chẽ với nhau, phối hợp nhau trong việc tấn công chỗ này lui quân chỗ khác để chống trả địch, bảo tồn lực lượng. Trước mắt là liên kết với nhau, mở một mặt trận rộng lớn có cả liên quân ba tỉnh tham gia, đánh cho quân địch không dỗi phó kịp để chặn đứng âm mưu liên kết Nguyễn Thân - Trần Bá Lộc, và cũng để ngăn việc đưa công sứ Pháp đến các tỉnh (chúng đã bắt đầu đặt công sứ ở một số tỉnh như

1. Một tên Việt gian gian ác khét tiếng ở Nam Kỳ, đã tàn sát không biết bao nhiêu người yêu nước Nam Kỳ trước đó.

Bình Thuận, Quy Nhơn...), từ đó đưa lính Pháp vào trực tiếp đánh phá.

Chủ trương trên đã được triển khai ngay, từ việc cử người trao đổi với Quảng Nam và Bình Định về ngày giờ, kế hoạch tiến quân, kế hoạch phối hợp, và cả việc tăng cường thêm binh lực, bổ sung thêm sung đạn, điều chuyển thêm lương thảo đến những nơi cần thiết. Trên cơ sở đó trận tấn công lớn của liên quân ba tỉnh đã nổ ra.

d) Trận đánh lớn kéo dài có nghĩa quân ba tỉnh phối hợp (8-1886)

Theo kế hoạch, nghĩa quân ba tỉnh sẽ đồng loạt tấn công trên khắp trận tuyến từ đèo Hải Vân đến đèo Cù Mông gây cho địch hoang mang lúng túng, để nghĩa quân có thể tập trung vào hai điểm chính:

- Vùng cố lý, sở chính của Sơn phòng Nghĩa Định, thuộc vùng Mộ Đức. Đức Phổ hiện nay, nhằm tiêu diệt được bộ chỉ huy đầu não của Sơn phòng và cầm chân quân Sơn phòng, không cho kéo đi cứu viện những nơi mà nghĩa quân Bình Định tiến công, chống lại cuộc hành quân đánh phá của Trần Bá Lộc.

- Vùng bắc sông Trà thuộc địa bàn Bình Sơn, Sơn Tịnh hiện nay nhằm làm chủ hoàn toàn vùng này và tạo cơ hội đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi.

Theo kế hoạch, đầu tiên nghĩa quân Quảng Nam tiến vào phối hợp với nghĩa quân Quảng Ngãi do hai ông Trần Hoàn và Tôn Tường chỉ huy để phá vỡ thành thế và đánh chiếm dần Tịnh An Tây với mục

dịch nhử Nguyễn Thân kéo quân ra. Trước sự tấn công của nghĩa quân, quyền Tấn tướng quân thứ Lê Uyển¹ vội kéo quân vượt sông Trà để đối phó. Quân hai bên gặp nhau ở Trì Bình và trận chiến xảy ra ác liệt suốt mấy ngày trên suốt cả vùng Châu Tử, Trì Bình, Liên Trì và Châu Ổ. Quân Lê Uyển bị thất bại, nhiều quan quân Nam triều bị tiêu diệt trong số đó có lãnh binh Nguyễn Tiến Quý và Tham Tá Phạm Trọng Di. Thế cùng, Lê Uyển rút quân chạy về phía Nam sông Trà Khúc¹ và báo cấp cho Nguyễn Thân ra cứu. Nguyễn Thân đã biết tin từ trước, liền kéo đội quân tinh nhuệ của mình ra phối hợp với quan quân ở tỉnh thành Quảng Ngãi mở cuộc phản công.

Đúng như kế hoạch đã sắp xếp quân của Nguyễn Thân vừa đến tỉnh thành thì nghĩa quân Bình Định phối hợp với nghĩa quân Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan và Lê Lân, Nguyễn Quý chỉ huy, phối hợp cả nghĩa quân của đồng bào dân tộc thiểu số đã chia làm ba đường tiến quân. Một đường từ thượng đạo kéo xuống, một đường từ vùng núi Thạch Tân theo chánh lộ thẳng ra và một đường khác dọc theo đường biển đánh

1. Theo *Sao sáng Sông Trà* của Hồng Sinh, Hồng Phú do Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản năm 1975 thì tên là Lê Thuyên, do Nam triều phái vào và bị nghĩa quân giết chết. Còn trong bài của Lê Văn Quát trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđd*, tr.307 lại viết là Lê Thuyết, cũng bị giết nhưng trong hoàn cảnh khác.

bọc lại. Trận chiến diễn ra vô cùng ác liệt. Nghĩa quân đánh chiếm từng đồn địch và phá tan các hào luỹ hồng xoá sạch Sơn phòng. Quân Sơn phòng cũng chống trả quyết liệt. Chúng rút ra khỏi đồn, dùng thế bao vây tiêu diệt. Chúng thiệt hại rất nặng, nhưng nghĩa quân cũng hy sinh hơn 200 người¹, trong số đó có Lê Lân, Nguyễn Quý (Quảng Ngãi), các Để đốc Búa, lãnh binh Trích, lãnh binh Lự (Bình Định). Hai bên cầm cự nhau quyết liệt, giành nhau từng hào luỹ, từng tấc đất. Quân Sơn phòng được Pháp cho tiếp tế lương thực, súng đạn, cả tin tức tình báo chỉ điểm mà chúng thu thập được, trong lúc nghĩa quân ngày càng bị hao mòn dần và yếu thế, nhưng vẫn ân dúi, nhịn khát quyết chiến kéo dài gần hai tháng.

Trong lúc đó ở mặt trận phía Bắc, Nguyễn Thân phối hợp với quan quân tỉnh thành vượt sông Trà Khúc, giao cho án sát (không rõ tên) kéo quân theo đường chính với cờ lọng rực rỡ, khí giới sáng loà hồng thu hút sự chú ý của nghĩa quân. Còn Nguyễn Thân dẫn một đạo quân khác đi vòng ngõ Châu Nhai qua làng Trà Bường để đánh bọc hậu. Nhưng đi đến đâu cũng gặp nghĩa quân chặn đánh đến đó. Trận tuyến kéo dài một vùng rộng lớn dọc theo quốc lộ đến Tịnh Án, Tịnh Khê, ra đến Bình Nguyên, Bình Trung ngày nay. Quân hai bên đánh nhau dữ dội trên một vùng rộng lớn. Bị yếu thế, Nguyễn Thân tạo thế trận đánh

1. Theo *Quảng Ngãi tỉnh chí*, *Sdd*, tr.47.

vu hồi vào khu vực Đồng Lớn - Cà Ty. Nghĩa quân thừa lúc ngọn gió thổi về phía quân địch, dùng trái mù đánh vào quân địch. Khói phủ mù mịt, quân địch tối tăm không thấy đường chạy. Nguyễn Thân vội cùng ty tướng định chạy về Châu Nhai. Bỗng ngọn gió đông thổi khói quạt lại phía nghĩa quân, Nguyễn Thân thừa thế dốc quân đánh lại¹. Quân hai bên đều thiệt hại rất nặng, cả cánh đồng Trầm ở Liên Trì loang lổ máu chảy. Nghĩa quân Quảng Nam giã ra, rồi rút về Bến Ván. Nghĩa quân Quảng Ngãi tiếp tục chiến đấu, tuy đã hơn 300 người hy sinh², trong đó có Trần Hoàng. Trận chiến vẫn diễn ra quyết liệt. Thái Thú, Tôn Tường, Nguyễn Tấn Kỳ vẫn xông xáo giữa trận chiến. Nhân lúc phá: hiện được Nguyễn Thân đang ngồi trên voi chỉ huy, Thái Thú đục ngựa lao thẳng vào chỗ Nguyễn Thân, và dồn hết lòng căm thù vào lưỡi kiếm chém sả vào đầu Nguyễn Thân. Bất thành lính voi chiến giương cao voi lên, lưỡi kiếm Thái Thú chém trúng vào voi voi. Nguyễn Thân thoát chết, voi đau quá bỏ chạy ra ngoài trận địa; Quân Nam triều nhìn thấy voi chạy tưởng Nguyễn Thân đã thua bỏ chạy nên hoảng hốt cũng mang súng đạn chạy tán loạn khắp nơi. Không điều khiển được quân nữa, Nguyễn Thân cùng ty tướng vượt qua cầu chạy chết. Qua khỏi cầu, Nguyễn Thân ra lệnh đốt cầu để ngăn chân nghĩa quân đang truy đuổi theo,

1. Theo *Quảng Ngãi tỉnh chí*, *Sđđ*, tr.47.

2. *Đại Nam thực lục*, *Sđđ*, tr.184.

cầu này đến nay vẫn còn được gọi Cầu Cháy, gần quốc lộ I, đi qua xã Bình Hiệp¹. Nguyễn Thân kéo quân luôn về tỉnh thành bần bạc và giao việc đánh phá ở phía Bắc cho quân Nam triều. Còn mình, Nguyễn Thân, tức tốc kéo quân về giải nguy cho Sơn phòng, chiếm lại đại đồn ở Vạn Lý, làm suy yếu thêm lực lượng nghĩa binh. Cuối cùng nghĩa quân Bình Định tổn hại quá nhiều phải rút về Bình Định. Nguyễn Bá Loan cũng rút nghĩa quân Quảng Ngãi về phía tây Nghĩa Hành, Tư Nghĩa (lúc ấy còn gọi là Chương Nghĩa) để chờ cơ hội mới.

Ở mặt trận phía Bắc, tuy Thái Thủ đuổi được Nguyễn Thân phải chạy về phía nam Trà Khúc, nhưng nghĩa quân cũng thiệt hại quá nặng phải rút về phía Tuyên Tung, rồi sau đó rút sâu vào núi. Quân đội Nam triều lần lượt chiếm lại Bình Sơn.

Hai bên đánh nhau vẫn chưa phân thắng bại, nhưng bên nào cũng tổn thất hết sức nặng nề, Nguyễn Thân đã làm sớ tấu về Nam triều tình hình khẩn thiết và lập tức được Khâm sứ Pháp thông qua Nam triều cấp cho "200 khẩu súng tay và 10.000 viên đạn giao cho Sơn phòng ấy nhận dùng"². Và lần này Nguyễn Thân lại tiếp tục dùng biện pháp khủng bố cũ, kể cả hình

1. Trong trận này ở Bình Sơn do Thái Thủ chỉ huy, Nguyễn Bá Loan đang ở mặt trận phía Nam, không có Nguyễn Bá Loan ở đây như Võ Phú Hưng đã viết - Bài viết trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học...*, *Sđd*, tr.340.

2. *Đại Nam thực lục*, *Sđd*, tr. 185.

thức "Ngâm tằm" vô cùng tàn bạo. Chẳng những ở Quảng Ngãi (nhất là ở vùng Chương Nghĩa, Mộ Đức) mà còn ở Bình Định, hàng nghìn phú hộ Bình Định mất vợ con ruộng đất, hàng trăm người bị tàn sát. Nghĩa quân dần dần gặp nhiều khó khăn, quân số hao mòn chẳng bổ sung được bao nhiêu. Lương thực bị cạn dần phải ăn cháo, ăn củ, quần áo rách nát, ốm đau ngày càng tăng. Nhưng tinh thần chiến đấu của nghĩa quân vẫn còn giữ vững, nên tháng 12-1886 đã tổ chức được cuộc tập kích chiếm lại huyện lỵ Mộ Đức làm chủ được mấy hôm, trừng trị mấy tên tay sai ác ôn của Nguyễn Thân rồi mới rút lui lên núi. Đầu năm 1887, nhân Tết Nguyên Đán, Nguyễn Bá Loan và Thái Thú tổ chức cuộc tập kích lớn vào tỉnh thành Quảng Ngãi, có sự phối hợp hỗ trợ của nghĩa quân Quảng Nam, tiêu diệt được một số binh lính địch rồi mới rút lui.

Từ đầu năm 1887, Trần Bá Lộc tập trung quân ở Quy Nhơn, phối hợp với Nguyễn Thân tổ chức cuộc phản kích dữ dội vào các căn cứ của nghĩa quân phía nam Bình Định. Nghĩa quân Bình Định do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo phải đối phó liên tục với các cuộc tấn công của Nam triều do Nguyễn Thân từ ngoài đánh vào, Trần Bá Lộc và của Pháp từ trong đánh ra. Các căn cứ nghĩa quân phía bắc Bình Định bị thu hẹp dần, không còn phối hợp được với nghĩa quân Quảng Ngãi. Tháng 4-1887 Trần Bá Lộc đánh phá căn cứ đầu não của nghĩa quân Bình Định. Bộ chỉ huy nghĩa quân phải chạy về phía tây, và ngày 4-5-1887 Mai Xuân Thưởng

và một số lãnh tụ khác bị bắt. Phong trào cứu nước Bình Định sa sút hẳn. Nghĩa quân ở nam Quảng Ngãi cũng hao mòn và mất dần chỗ đứng, phải rút sâu vào rừng, dựa vào các tù trưởng Đinh Dầu, Đinh Tam và đồng bào thiểu số, thỉnh thoảng mới tổ chức được những cuộc tập kích nhỏ vào các đồn bất địch.

Trong khi đó thì lực lượng nghĩa quân Quảng Ngãi dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bá Loan và Thái Thú còn khá mạnh, tập trung chủ yếu ở vùng Tây Chương Nghĩa (Nghĩa Hành và tây Tư Nghĩa hiện nay). Các đồn Phú Vinh (Nghĩa Hành), Châu Ổ, Châu Tử và huyện lỵ Bình Sơn do quân Nam triều đóng giữ là đối tượng tập kích của nghĩa quân, đã đánh chiếm các nơi ấy hàng chục lần và tiêu diệt khá nhiều quân Nam triều.

Tháng 6-1887¹ Nguyễn Thân dựa vào sự cung cấp đầy đủ súng đạn, tàu thuyền và tin tức do thám của thực dân Pháp, đã lợi dụng lúc gió to biển động tổ chức cuộc hành quân bằng đường biển. Nhân trời tối, nửa đêm Nguyễn Thân cho quân đổ bộ vào bãi ngang, chỗ giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, cải trang giống nghĩa quân Quảng Nam, tiến lên áp sát đồn trại của nghĩa quân. Sáng ra, nghĩa quân vẫn tưởng là quân của mình. Lợi dụng lúc không có phòng bị, Nguyễn Thân hạ lệnh tấn công. Đại đồn nghĩa quân

1. Không phải tháng 10-1888 như Võ Phú Hưng đã viết in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđd*, tr. 340.

Quảng Nam bất ngờ bị phá vỡ. Nhiều tướng lĩnh nghĩa quân, trong đó có Tôn Tường, đã chiến đấu vô cùng anh dũng và đã hy sinh ngay trong chiến đấu. Căn cứ nghĩa quân Quảng Nam từ Chu Lai đến Đốc Sỏi rối loạn. Lãnh tụ Nguyễn Duy Hiệu lánh tạm lên miền núi Trà My. Nhận được tin không lành, Nguyễn Bá Loan đích thân cùng Nguyễn Tấn Kỳ đưa nghĩa quân chặn đánh quân Nguyễn Thân để hỗ trợ cho nghĩa quân Quảng Nam rút lui thuận lợi. Từ đó cuộc chiến ác liệt lại xảy ra giữa Nguyễn Bá Loan và Nguyễn Thân trên cả một khu vực rộng lớn từ Trì Bình, Châu Tử, Nước Mặn, Phú Lộc sang Mỹ Thiện, Long Giang, Xuân Yên. Nhờ sự ủng hộ của nhân dân và hương binh ở đây, nghĩa quân đã thắng lớn ở Trì Bình, đuổi giặc khỏi Châu Tử, Châu Ổ, Long Giang, chạy dồn về Liên Trì và cuộc quyết chiến đã xảy ra ở Bãi Trạn (tên Bãi Trạn có từ đó) cách cầu Cháy khoảng 10 km về phía Bắc. Quân lính Nam triều bị tiêu diệt nhiều¹, Nguyễn Thân phải tập hợp lại, tổ chức việc phòng thủ. Nghĩa quân cũng thiệt hại nặng nề, phải rút về miền núi để củng cố.

Sau đó, Nghĩa hội Văn Thân tan rã dần, phần lớn bị bắt, bị giết, một số bị khống chế đến mức không còn hoạt động đóng góp được nữa. Nghĩa quân không bổ sung được quân số. Lương thực dần dần cạn kiệt. Bà Võ

1. Hiện nay vùng Bình Long còn dấu vết những líp đất cao kéo dài hàng 100 mét, tương truyền đó là các líp mã quân, mã tướng, mã ngựa, mã voi trong cuộc chiến thời đó.

Thị Dê đem cả gia sản nuôi quân cũng chẳng được mấy hôm, rồi bà cũng bị phục kích bắt sống. Nguyễn Tấn Kỳ cũng bỏ vào núi, rồi sau đi tu. Nghĩa quân gắng gượng được một thời gian nữa ở vùng tây Chương Nghĩa. Nguyễn Bá Loan muốn xây dựng căn cứ lâu dài ở sâu trong rừng núi, lúc đến với Đình Tín, Boóc Hét, lúc đến với Đình Tâm, Đình Mẫn. Nhưng rồi thấy cơ hội chưa có thể làm được, một ngày giữa tháng 4-1888, Nguyễn Bá Loan và Thái Thủ chia tay nhau với quyết tâm cứu nước bằng phương kế khác. Nghĩa quân ngừng hoạt động. Phong trào cứu nước bằng vũ trang dưới ngọn cờ Cần Vương do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo tạm dừng ở đây.

Nhìn nhận, đánh giá cuộc đấu tranh vũ trang yêu nước chống xâm lược Pháp do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo có người cho đó là một cuộc khởi nghĩa riêng biệt nên gọi thẳng là "Khởi nghĩa Ấm Loan"¹, hoặc "Cuộc khởi nghĩa của ông Nguyễn Bá Loan"². Điều đó không phải không có cơ sở nếu xét về quy mô, tổ chức, và cả thời gian nữa. Nhưng xét về cơ sở chính trị (tinh thần yêu nước của nhân dân ta thời ấy, và nguồn gốc xuất phát của phong trào thì cuộc chiến đấu cứu nước bên bờ, liên tục với quy mô rộng lớn trong suốt cả ba năm liền dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bá Loan là cuộc

1. Bài viết "Văn thân Cần Vương..." của Lê Văn Quát, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học... Sđd.*, tr.296.

2. Bùi Định: *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp...* Sở Văn hoá - Thông tin Nghĩa Bình, 1985, tr.25.

chiến đấu nối tiếp, ở đỉnh cao nhất của phong trào cứu nước dưới ngọn cờ Cần Vương do các văn thân, sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi làm nòng cốt mà Nguyễn Bá Loan là người tiêu biểu nhất. Tuy mục tiêu "Tiểu tặc, bình gian, trừ quốc loạn" không đạt được, nhưng không thể đem thành bại để luận anh hùng, như người xưa đã nói, mà phải xem ông đã đóng góp những gì cho lịch sử đất nước và để lại cho thế hệ sau những bài học cứu nước nào.

Trước hết, Nguyễn Bá Loan là một người có tinh thần yêu nước sâu sắc, đã có hành động đúng và kịp thời. Trong lúc đại bộ phận quan lại thuộc triều đình Huế xếp giáo đầu hàng, mượn danh nghĩa này, danh nghĩa khác để che dấu tội ác bán nước của mình thì Nguyễn Bá Loan đã chọn đúng con đường đấu tranh vũ trang và kịp thời nối tiếp sự nghiệp cứu nước của Lê Trung Đình. Về mặt này, ông là một nhà tổ chức quân sự có tài, biết tập hợp anh hùng nghĩa sĩ và lập những đơn vị chiến đấu thích hợp ngay từ đầu mới dựng cờ cứu nước. Bao nhiêu lần thất trận, nghĩa quân hao mòn lúc ở Bình Sơn, lúc ở Mộ Đức, nhưng ở đâu ông cũng là người tập hợp nhanh chóng nghĩa quân và giữ được lòng tin cậy, cảm phục đối với các chỉ huy quân sĩ cấp dưới cho đến ngày cuối. Bên tài tổ chức, ông còn có tài thao lược, giỏi điều binh khiển tướng, biết dương đông kích tây, mỗi trận đánh mỗi chiến thuật khác nhau. Có lúc cùng mở nhiều mũi tiến công, có lúc đánh mạnh ở nơi này nhưng mũi tiến công chính lại ở chỗ khác, vừa

dánh cầm chân địch, vừa lừa địch vào cạm bẫy để thực hiện được mục tiêu của từng trận đánh. Ông cũng là người chỉ huy chiến đấu cực kỳ dũng cảm, xông xáo, gan dạ, không tiếc thân mình vì sự nghiệp cứu nước.

Hai là, Nguyễn Bá Loan là người có tầm nhìn rộng lớn và đã tổ chức thành công sự liên kết chặt chẽ giữa nghĩa hội Văn Thân và nghĩa quân ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định - một việc làm có ý nghĩa to lớn mà mấy chục năm trước kể từ ngày có Nghĩa Hội (năm 1870) chưa làm được. Việc liên kết không chỉ là sự hỗ trợ cho nhau về thanh thế, về phối hợp với nhau đánh địch trên từng chiến trường, mà là sự liên kết chặt chẽ trong từng trận đánh, mỗi đơn vị chiến đấu theo mỗi hướng nhưng đều cùng nhằm tới một mục tiêu duy nhất, không hề thấy nói đến sự vướng mắc, sự mâu thuẫn nào giữa hai bên. Liên kết đạt đến mức thống nhất trong từng chiến thuật, trong từng mục tiêu và cùng nhau chia xẻ gươm đạn, cùng chia vui, chia buồn mỗi khi thắng lợi hay thất bại với nhau, hoàn toàn không so tính. Chỉ có những người cùng lý tưởng và tình thần yêu nước sâu sắc, tất cả vì nghĩa cả lớn lao mới có được sự thống nhất cao độ trong sự liên kết đó được. Nhờ đó nghĩa quân ba tỉnh mới chống chọi nổi sự tấn công tàn bạo, cực kỳ ác liệt của quân Nam triều theo sự chỉ huy của bọn xâm lược Pháp và duy trì phong trào đấu tranh vũ trang được trong ba năm. Chất lượng liên kết gợi nhớ trong chúng ta sự liên kết cả ba tỉnh sau này kể từ ngày có Đảng ra đời lãnh đạo

phong trào. Phải chàng Nguyễn Bá Loan là người đầu tiên mở ra sự liên kết chiến đấu chống kẻ thù chung để cứu nước cho mãi về sau.

Ba là, qua những năm chiến đấu cực kỳ gian khổ, ác liệt chống lại kẻ thù đế quốc và phong kiến tay sai để có thể đứng được, chúng ta phải thừa nhận sức mạnh tinh thần và vật chất của Nghĩa hội Văn thân Quảng Ngãi là to lớn, và uy tín của Nghĩa hội đối với nhân dân có cả bề sâu bề rộng ít nơi có được. Thừa nhận điều đó càng cho thấy rõ Nguyễn Bá Loan là một lãnh tụ biết dựa vào dân, từ hai bàn tay trắng đã tổ chức được quân đủ sức đối phó với 6.000 quân sơn phòng tinh nhuệ, không kể quân của Nam triều ở Quảng Ngãi và ở Huế điều động vào với súng đạn hiện đại nhất của thời ấy, với lương thực đầy đủ, do Nguyễn Thân làm mưu mô giáo quyết chỉ huy. Dân cung cấp người, cung cấp khí giới, cung cấp lương thực. Lúc đầu còn nhờ được Nghĩa hội đứng ra vận động, tuyển chọn, thu góp. Nhưng từ sau tháng 2-1886, Nguyễn Thân ra sức đàn áp. Nghĩa hội bị khủng bố dữ dội, nhiều người bị bắt, bị giết, tổ chức bị đánh phá. Lực lượng bị chia cắt ra từng mảnh, Nghĩa hội hầu như không hoạt động được. Nguyễn Bá Loan đã dựa vào dân để chấp nối lại, dựa vào dân để có người, có lương thực mà chiến đấu, dựa vào dân để mở đường lên núi mở rộng mặt trận nhân dân chống Pháp, và được đồng bào các dân tộc thiểu số hỗ trợ nhiều mặt để tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu hơn một năm nữa. Trong thời đại mà tầng lớp trí

thức của xã hội còn xem nhân dân là người bị trị, chỉ để cho kẻ thống trị sai khiến thì hành động của Nguyễn Bá Loan báo hiệu một nhận thức mới. Tuy chưa rõ nét, nhưng hình như Nguyễn Bá Loan đã mơ hồ thấy được sức mạnh của nhân dân. Và phải chăng đó là điểm xuất phát đầu tiên để Nguyễn Bá Loan đi vào phong trào "Khai dân trí, chấn dân khí..." cũng vì mục đích cứu nước trong giai đoạn sau.

Bốn là, Từ các điều trên buộc chúng ta phải suy nghĩ đến hệ tư tưởng chính trị chủ đạo đã chi phối mọi hành động chiến đấu cứu nước của Nguyễn Bá Loan trong thời kỳ này.

Là một nho sĩ được bồi luyện trong học thuyết tôn quân của Tống Nho, là con một đại thần của triều đình Huế, lại được học nhiều năm ở kinh thành - môi trường của Nho giáo với những tôn ty trật tự phong kiến - thì việc Nguyễn Bá Loan chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng trung quân là một điều tất yếu. Bằng chứng rõ ràng hơn cả là việc Nguyễn Bá Loan là một bộ phận của cuộc khởi nghĩa do Lê Trung Đình lãnh đạo và sau đó là linh hồn của cuộc khởi nghĩa dưới ngọn cờ Cần Vương. Mà Cần Vương theo nghĩa đen của từ này là "hết lòng vì vua khi gặp nguy biến"¹. Dự Cần Vương được phổ biến sâu rộng khi Nguyễn Bá Loan phát động

1. Theo định nghĩa của *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội, 1992, tr.135.

phong trào chiến đấu vũ trang cứu nước cho thấy rõ ràng là ông hành động "vì vua". Nhưng nên nhớ đây là Dụ của vua Hàm Nghi một ông vua yêu nước. Ít nhất đến đây Nguyễn Bá Loan đã phân biệt được vua tốt, vua xấu, vua thực chất và vua chẳng ra vua, vì chính ông đã tận mắt nhìn thấy cảnh bốn tháng thay đổi ba vua với những Dục Đức, Hiệp Hoà, Kiến Phúc sẵn sàng bắt tay với Pháp, rồi đến Đồng Khánh chỉ biết nghe theo và ký giấy cho thực dân Pháp làm tất cả mọi việc theo ý muốn của chúng, trong đó có cả việc ký giấy cho Nguyễn Thân tàn sát những người yêu nước, trong số đó có ông. Trong xã hội Việt Nam, những năm 90 của thế kỷ XIX, chắc chắn Nguyễn Bá Loan chưa thể có một hệ tư tưởng nào khác ngoài hệ tư tưởng phong kiến (mà vua là một thần tượng tiêu biểu được phục tùng, trọng vọng đến mức thiêng liêng). Nhưng nhận xét về Nguyễn Bá Loan là "chưa muốn hoặc chưa có thể chối từ "trung quân", nhưng rõ ràng các nhà yêu nước trong phong trào Cần Vương đã vươn đến một khái niệm ái quốc không bị buộc chặt một cách quá cứng nhắc vào chủ nghĩa trung quân đang trở thành cái vồ, ốc nặng nề đeo bám trên lưng các nhà ái quốc mà không lâu sau đó họ đã lần lượt vút bỏ" là có cơ sở¹. Với Nguyễn Bá Loan, tất cả những gì là quyền lực tối thượng của đức vua,

1. Lê Hồng Khánh: "Phong trào Cần Vương phải được hiểu như thế nào", Tạp chí *Cẩm Thành*, số 13, tháng 9-1997, tr.56.

những gì thiêng liêng của bậc con trời, không còn trong nhận thức của ông. Điều đó giúp ông dễ dàng tiếp nhận Tân thư, đi theo chủ nghĩa dân chủ ngay từ những năm đầu thế kỷ XX. Nhắc lại, không vì mục đích chê khen, nhưng mãi cho đến năm thứ 10 của thế kỷ XX, hình ảnh của vua chúa phong kiến còn hiện lên quá thiêng liêng khi nhà thơ nổi tiếng Việt Nam Nguyễn Khuyến (1834 - 1909) viết trong *Di chúc* của mình:

*Cờ biển của vua ban ngày trước,
Khi đưa thấy con rước đầu tiên¹.*

Nói lên điều đó để làm rõ sự nhạy cảm khác thường của các nhà hoạt động chính trị chân chính, mà Nguyễn Bá Loan là một trong những con người đó, rất đáng được chúng ta khâm phục.

1. Trích *Di chúc* trong *Văn thơ Nguyễn Khuyến* do Hoàng Ngọc Phách - Lê Thuộc - Lê Trí Viễn biên soạn, Nhà xuất bản Giáo dục, 1957, tr.98.

THỜI KỲ LIÊN HỆ VỚI CÁC CHÍ SĨ YÊU NƯỚC TÌM PHƯƠNG KẾ CỨU NƯỚC (1889 - 1904)

Nguyễn Bá Loan đã làm những gì trong hơn 15 năm xa quê hương sau khi đấu tranh vũ trang cứu nước thất bại với tâm trạng đầy u uất? Theo tư liệu nhà họ Nguyễn ở Lạc Phố chỉ viết gọn có một câu: "Ông vào Bình Định, Bình Thuận, rồi vào dạy học ở Biên Hoà". Còn trong *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi (1885 - 1945)* thì Bùi Đình viết: "Ông... trốn tránh ở Nam Kỳ"¹. Nhưng theo lời kể của con cháu nhà họ Đỗ² thì Nguyễn Bá Loan ở một thời gian trong Nam Kỳ, trước khi về Quảng Ngãi (1904) đã ở Bình Thuận. Căn cứ vào các tư liệu đó và căn cứ vào việc ông tham gia các hoạt động chính trị ngay khi về Quảng Ngãi, chúng tôi tạm dựng lên sơ lược hành trình của Nguyễn Bá Loan trong thời kỳ này như sau:

Theo ghe bầu, thuận gió mùa đông - bắc, ông đi thẳng vào Nam Kỳ. Chắc ông không ghé lại Sài Gòn - nơi thực dân Pháp đã chiếm từ lâu và chúng đã ra sức xây dựng thành thủ phủ vững chắc cho miền đất mà chúng xem là một bộ phận của nước Pháp (thuộc địa), và cũng là căn cứ xuất phát để chúng triển khai đánh chiếm Bắc Kỳ, rồi Trung Kỳ vừa qua. Không ghé không phải vì định kiến "đến làm gì nơi hang ổ của kẻ thù",

1, 2. Xem phần *Tiểu sử* trong sách này.

mà có lẽ vì để tránh lệnh truy nã ráo riết của Nam triều theo lệnh của thực dân Pháp. Ông đi thẳng vào đồng bằng Nam Kỳ, tìm hiểu dân tình, thăm dò nghĩa sĩ trên vùng đất của Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định năm xưa. Theo *Sao sáng sông Trà*¹ ông đã tìm được người tâm đầu ý hợp là Nguyễn Thành Hiến ở Cần Thơ và ở lại đây một thời gian. Theo sách này thì Nguyễn Thành Hiến là người có nghĩa khí, ghét thực dân Pháp, và giúp Nguyễn Bá Loan gặp gỡ trao đổi với những người cùng ý chí. Người có lòng yêu nước và tha thiết muốn cứu nước thì nhiều, nhưng qua trao đổi, Nguyễn Bá Loan không tìm thấy được con đường sáng sủa nào. Nghe người ta kháo nhau về những tư tưởng dân chủ, đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc của các nước phương Tây, Nguyễn Bá Loan khao khát tìm hiểu. Nhưng cũng chỉ là những điều tiếp nhận có đầu không đuôi, những khẩu hiệu xa lạ do những người đi Pháp về nói lại, còn sách báo thì chưa nói gì đến. Thấy báo chí bằng chữ Quốc ngữ đưa nhiều tin hay, thuận lợi, ông tìm hiểu thấy dễ học, ông học ngay chữ Quốc ngữ với tinh thần tiếp thu cởi mở khác với nhiều sĩ phu mang định kiến "Chữ của Tây" nên tẩy chay lúc đương thời. Mấy năm ở Cần Thơ mà mục đích chính không giải quyết được, Nguyễn Bá Loan chuyển ra Biên Hoà tìm chỗ dạy chữ Hán để có cái sống hàng

1. Xem Hồng Sinh, Hồng Phú: *Sao sáng sông Trà*, *Sđđ*.

ngày và cũng thăm dò tình hình liên kết nghĩa sĩ, tìm tòi phương kế cứu nước. Sau một thời gian thăm dò, Nguyễn Bá Loan quyết định chuyển ra Bình Thuận - vùng đất cực Nam Trung Kỳ, nơi đã từng là đất tỵ địa của sĩ phu Nam Kỳ thời Pháp đánh chiếm sáu tỉnh miền Nam và cũng là mảnh đất dừng chân của các văn thân sau thất bại ở Nam - Nghĩa - Bình - Phú vừa qua. Ở đây, Nguyễn Bá Loan gặp khá đông các nhân sĩ của nhiều tỉnh, không ít người đã tham gia phong trào Cần Vương, trước nạn nước đều mang tâm trạng xót thương, nhưng đành nuôi chí đợi thời. Cũng ở đây Nguyễn Bá Loan có được nhiều người cùng ông trao đổi về tình hình đất nước, về sự thất bại trong sự nghiệp cứu nước vừa qua và về con đường và biện pháp cứu nước sắp đến. Đặc biệt, cũng ở đây Nguyễn Bá Loan được tiếp xúc với nhiều tài liệu từ Trung Quốc theo thuyền buôn đưa đến Phan Thiết, như *Âm Băng thất văn tập*, *Mậu Tuất chính biến* của Lương Khải Siêu; như các nguyệt san *Tân Dân từng báo* giới thiệu các học thuyết dân chủ cách mạng ở phương Tây và cả *Lưu cầu huyết lệ tân thư* của Phan Bội Châu. Theo Lê Văn Quát trong bài "Văn thân Cần Vương, kho báu về lòng yêu nước và nghĩa khí của trí thức nho học Quảng Ngãi"¹ thì có ba người có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng Nguyễn Bá Loan. "Đó là hai người con của nguyên Bồ

1. Xem: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđd*, tr. 310.

Chánh Quảng Ngãi Nguyễn Thông¹ là Nguyễn Trọng Lợi và Nguyễn Quý Anh, hai người có công trong phong trào Duy Tân ở Bình Thuận và đã sáng lập ra trường Dục Anh nổi tiếng sau này. Đó là Trương Gia Mô² người giữ liên lạc với Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, cũng là nhân vật trọng yếu trong phong trào Duy Tân ở Bình Thuận. Đó còn là Phan Bội Châu, người đã đến truyền bá thuyết Duy Tân ở Bình Thuận trước khi trở ra Trung để đi Nhật...³. Tiếp theo những nhận định khá đúng đắn của Lê Văn Quát, cũng cần khẳng định thêm một điều nữa cho đầy đủ hơn. Đó cũng là những con người có sự tác động tích cực tạo nên

1. Nguyễn Thông (1827 - 1884), đỗ cử nhân, 1868 được cử làm Bố Chánh tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1871 bị vu cáo nên bị cách chức và hời tội. Nhờ bạn bè và nhân dân Quảng Ngãi làm đơn minh oan mới được giảm tội. Năm 1873 ông cáo quan về nghỉ ở Trại Núi, nay thuộc thị xã Phan Thiết, lập thị xã, mở trường học.

2. Trương Gia Mô (1866-1930), quê Bến Tre, theo cha ra ở Bình Thuận lúc Pháp đánh chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ. Ông có ra làm quan một thời gian, rồi từ quan về liên hệ mật thiết với Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Ông tham gia phong trào Duy Tân, bị bắt giam một thời gian. Năm 1910 ông cùng Hồ Tá Bang, Trần Lê Chấn đưa Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) vào Sài Gòn.

3. Xem *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, Sđd. tr. 275.

sự chín mùi trong tư duy Nguyễn Bá Loan để chuyển từ Cận Vương sang Duy Tân.

Bấy nhiêu tư liệu, với những dòng ngắn ngủi nói về quãng đời 15 năm của một con người giàu lòng yêu nước, khát khao sự nghiệp cứu nước, giàu ý chí chiến đấu và hành động là hoàn toàn chưa đủ. Biết làm sao được khi chưa tìm được những tư liệu chính xác, đầy đủ sự tin cậy? Nhưng không thể vì thế mà chần chừ mãi không viết về Nguyễn Bá Loan. Với ý nghĩ như vậy, chúng tôi xin cố gắng phác lên vài nét với mong ước các thức giả trong cả nước, kể cả bà con Việt kiều ở Pháp sẽ phát hiện thêm, bổ sung thêm tư liệu vào quãng đời khá dài này của chí sĩ Nguyễn Bá Loan để giúp mọi người hiểu đầy đủ hơn, chính xác hơn về ông.

THỜI KỲ XÂY DỰNG PHONG TRÀO "KHAI DÂN TRÍ, CHẤN DÂN KHÍ, HẬU DÂN SINH" VÀ CÙNG NHÂN DÂN CHỐNG XÂU, THUẾ (1904-1908)

Từ năm 1904 đến năm 1908 chỉ có gần 4 năm, nhưng phong trào hoạt động chính trị phát triển rất nhanh chóng, từ việc tiếp thu trao đổi và tranh luận để có nội dung thống nhất tiến tới xây dựng Hội, từ đó đẩy mạnh các hoạt động "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Phong trào khổ sưu chống thuế lại bột phát rầm rộ. Thật ra phong trào này cũng bắt nguồn từ sự giác ngộ của quần chúng trong phong trào "khai dân trí..." mà ra. Hai phong trào vừa xen kẽ nhau, vừa là nguyên nhân của nhau, và kết quả là sự vùng lên của nhân dân cả tỉnh Quảng Ngãi đấu tranh quyết liệt với bọn thống trị cướp nước và bọn bán nước để lại một dấu son không phai mờ trong lịch sử Việt Nam. Nguyễn Bá Loan sống và tham gia đầy đủ phong trào với những cương vị khác nhau, vì thế xin trình bày sự phát triển khách quan của tình hình và vai trò của Nguyễn Bá Loan thành ba thời kỳ ngắn như sau:

1. Thời kỳ xác định nội dung Phong trào đồng bào¹ (1904-1905):

Về đến quê, thăm viếng các nhân sĩ đã nghe người

1. Thời ấy các cụ tranh luận với nhau mà không đi đến thống nhất được tên của phong trào. Chỉ gọi là phong trào "đồng bào", vì hai từ "đồng bào" được nói đến nhiều nhất. Về sau căn cứ vào nội dung phong trào người ta mới đặt tên là "phong trào Duy Tân". Từ đây xin viết là phong trào Duy Tân cho phù hợp với nhận thức hiện nay.

ta nói về Tân thư, về tư tưởng dân chủ, Nguyễn Bá Loan thăm dò và được mọi người hướng dẫn đến tìm gặp Lê Đình Cẩn là người có nhiều sách vở loại này nhất và cũng là người am hiểu vấn đề này nhất. Lê Đình Cẩn kém Nguyễn Bá Loan hơn 10 tuổi, đã đỗ Cử nhân, được bổ dụng làm Huấn đạo Mộ Đức, nhưng xin từ chức về mở trường dạy học ở Hoà Vinh¹. Tuổi tác tuy có chênh lệch nhau, nhưng qua tiếp xúc, Nguyễn Bá Loan thăm khám phục tinh thần yêu nước thiết tha, chí khí mạnh mẽ, tinh tình cương trực rất đáng quý của Lê Đình Cẩn. Hai người nhanh chóng trở thành bạn bè của nhau và thường xuyên đi lại trao đổi với nhau về tình hình đất nước, về các trào lưu tư tưởng mới và nhiệm vụ cứu nước trước mắt. Về tài liệu thì cũng chưa có bao nhiêu. Ngoài các Tân thư do các học giả Trung Quốc chế biến lại từ các học thuyết dân chủ tư sản phương Tây, và *Lưu Cầu huyết lệ tân thư*² của Phan Bội Châu mà Nguyễn Bá Loan đã đọc ở Bình Thuận, chỉ còn một ít tài liệu nói về dân chủ, dân quyền và một số bài văn vắn kêu gọi vút bỏ hủ tục, lập thương hội, nông hội... của Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp. Trong trao đổi, cả hai người có quan điểm giống nhau trong tiếp nhận *Lưu Cầu huyết lệ tân thư*. Thăm

1. Thuộc xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành hiện nay.

2. *Lưu Cầu huyết lệ tân thư*, do Phan Bội Châu viết năm 1903 kể chuyện đất nước Riou - Kiou (Lưu Cầu) vừa bị Nhật xâm chiếm. Đoạn đầu nói thảm trạng mất nước. Đoạn giữa bàn việc mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân khí, đào tạo nhân tài để làm cơ sở cho việc cứu nước. Đoạn sau kêu gọi các nhà "đương đạo" hãy quay về gánh vác vận mệnh đất nước.

trạng mất nước của nhân dân Lưu Cầu chẳng khác gì nhân dân Việt Nam. Còn kế sách cứu nước là mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí, đào tạo nhân tài như Phan Bội Châu đề ra là quá đúng đắn không còn tranh cãi vào đâu được. Nhưng việc kêu gọi những người "đương đạo" (các quan lại đang cầm quyền) hãy quay về với cách mạng thì mỗi người có những nhận thức khác nhau. Lê Đình Cẩn suy từ mình ra (ai cũng bỏ quan về nhà thì Pháp làm sao cai trị được) và do hạn chế về hiểu biết quan lại Nam triều nên hoàn toàn tán đồng chủ trương của Phan Bội Châu. Nguyễn Bá Loan từng bàn vấn đề này khi gặp Phan Bội Châu ở Bình Thuận¹ nên đã trao đổi lại với Lê Đình Cẩn về những nhận thức khác của mình. Quan lại Nam triều cũng có người yêu nước, kêu gọi họ đứng về phía cứu nước là cần. Nhưng kêu gọi không phải tất cả họ đã quay lại. Và hoàn toàn tin cậy ở họ, giao vận mệnh đất nước cho họ lại càng không được. Thực tế quan lại Nam triều vừa qua khẳng định dứt khoát điều đó, Nguyễn Bá Loan kết luận như đinh đóng cột. Riêng về việc Phan Bội Châu có ý định đưa Cường Để - một ông hoàng triều Nguyễn - lên làm minh chủ của phong trào vận động cứu nước vì cho rằng lòng dân còn hướng về triều Nguyễn, ông cảm thấy chưa thật đúng. Nguyễn Bá

1. Phan Bội Châu năm 1903 mượn cớ vào Huế để học Quốc Tử Giám, nhưng đi thẳng vào Quảng Nam gặp Nguyễn Hàm, sau đó đến Phan Thiết rồi vào Nam Bộ vận động đồng chí.

Loan lúc này nổi tới vấn đề này có đề dặt hơn như đã nói khi gặp Phan Bội Châu. Đến đây Lê Đình Cẩn mới biết ý đồ này của Phan Bội Châu và rất nhất trí với nhận định về triều Nguyễn chẳng còn uy tín gì trong nhân dân, và ý đồ ấy quả không cần thiết. Nghe tin cảnh bác tình có nhiều sách báo mời và đang trao đổi học thuyết dân quyền, dân chủ của Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, hai ông bí mật đến gặp các ông Nguyễn Đình Quảng ở Phong Xiêng (Sơn Tịnh), Lê Ngung ở Tham Hội - Bình Quang (Bình Sơn), Trần Kỳ Phong ở Bình Châu (Bình Sơn) để cùng tìm hiểu và trao đổi. Qua những tài liệu có được và qua lời trình bày của Lê Ngung¹ - người đã trực tiếp ra gặp và trao đổi với Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp - các vị nhanh chóng nhất trí với các chủ trương truyền bá học thuyết dân quyền, dân chủ, vận động mở trường dạy "cách vật trí tri", dạy chữ quốc ngữ, kêu gọi xoá bỏ lối học tử chương, xoá bỏ các hủ tục, lập nông hội, thương hội. Các vị cũng thấy chủ trương đánh đổ bọn vua quan hơn hèn hủ lậu của Nam triều là đúng đắn, cần thiết, nhưng chủ trương "ý Pháp cầu tiến bộ" thì không ai có thể tin được vì dựa làm sao được vào bọn ngoại xâm! Chế độ thống trị là do chúng đặt ra thì làm sao chúng

1. Lê Ngung người làng Tham Hội, xã Bình Quang (Bình Sơn), tham gia phong trào Cần Vương 1895 - 1896, rồi phong trào Duy Tân, khất thuế (1904-1908) nên bị tù. Khi ra tù tham gia Việt Nam Quang phục Hội. Khởi nghĩa thất bại, ông tự tử năm 1916.

đồng ý cải lương chế độ? Cũng có người cho đó có lẽ chỉ là biện pháp tạm thời khi chúng còn mạnh. Nhưng Nguyễn Bá Loan phê phán dứt khoát đó là chủ trương sai lầm, và càng sai lầm hơn trong chủ trương "mưu cầu cứu nước, cứu dân mà không được dùng bạo lực"¹. Tuy có chỗ không thống nhất, nhưng các vị nhất trí đẩy mạnh các hoạt động nhằm nâng cao dân trí như mở trường, tuyên truyền dân chủ, dân quyền. Lê Đình Cẩn cố gắng sửa đổi nội dung và cách dạy, tổ chức cho các học sinh của mình sáng tác hò về kêu gọi việc xoá bỏ hủ tục, rồi phổ biến trong nhân dân xung quanh. Nguyễn Bá Loan củng cố ngay trường học ở quê vợ (Bình Phú - nay là thị trấn Chợ Chùa - Nghĩa Hành) và chính ông trực tiếp dạy chữ Quốc ngữ.

Sau đó không lâu, nghe tin các ông Phạm Cao Chấn (người Xuân Phổ - Tư Nghĩa) và ông Từ Hữu Lập (người Chánh Lộ - Tư Nghĩa, nay là thị xã Quảng Ngãi) ra Hà Nội gặp ông Lương Văn Can và những người trong nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục vừa mới về mang theo nhiều tài liệu, hai ông Lê Đình Cẩn và Nguyễn Bá Loan đến ngay. Nghe hai ông Chấn và Lập

1. Theo tài liệu cụ Nguyễn Công Phương do Hải Phương ghi trong tập *Quảng Ngãi (1885-1945)*, tài liệu đánh máy lưu tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi thì năm 1906 ông Phan Châu Trinh có đến tận nhà Lê Đình Cẩn, trao một số tài liệu, gặp một số nhân sĩ Quảng Ngãi, nhưng Nguyễn Bá Loan từ chối không đến. Trong cuộc gặp này, ông Phan Châu Trinh vẫn nói: "... đừng có bạo động, bạo động là đại..."

kể lại, mọi người đều thấy nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục có nhiều điểm giống Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh ở chỗ lo mở mang dân trí, bồi dưỡng nâng cao dân khí để đưa đất nước, dân tộc thoát khỏi cảnh yếu hèn nô lệ, nhưng cách làm của họ phong phú, sôi nổi, có bài bản hơn nhiều. Chẳng những lập trường dạy học, họ còn mở nhà báo, mở diễn đàn, sáng tác thơ văn và tổ chức in ấn đủ loại tài liệu.

Những tài liệu do các ông mang về, ngoài những tài liệu đã có như *Mậu Tuất chính biến*, *Trung Quốc hôn*, *Ấm băng thất* còn có *Lư Thoa tiểu sử*, một số báo chí mới¹ và các tác phẩm của Phan Bội Châu như *Việt Nam vong quốc sử* và *Khuyến quốc dân tư trợ du học văn*² vừa mới viết đưa về nước. Tất cả đều do Đông Kinh Nghĩa Thục in ấn lại và phổ biến rộng rãi trong nước. Về tài liệu của Đông Kinh Nghĩa Thục thì có nhiều bài văn vắn, văn xuôi kêu gọi lòng yêu nước thương nòi, giữ vững hào khí Hồng Lạc, hô hào học chữ Quốc ngữ, chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá, lập

1. Các tài liệu trên đều do các học giả Trung Quốc viết đưa vào ta.

2. *Việt Nam vong quốc sử* (lịch sử mất nước của Việt Nam) trình bày thủ đoạn độc ác của thực dân Pháp ở Việt Nam, do Phan Bội Châu viết năm 1905 bằng Hán văn. *Khuyến Quốc dân tư trợ du học văn* (Bài văn khuyên đồng bào giúp tiền cho học sinh đi du học), cũng viết năm 1905. Lúc này Phan Bội Châu đang ở Nhật.

thương hội, phường hội, lập công xưởng đua chen kinh tế, chống đầu óc phục cổ, nệ cổ, bỏ khăn đen áo dài, chấn hưng mỹ tục và hô hào mở hội bình văn, diễn thuyết... Trao đổi với nhau, các vị đều hết sức vui mừng khi biết không khí sôi nổi của đất Hà Thành nghìn năm văn vật, và mừng thấy vận hội mới của đất nước, những người có tâm huyết vì dân, vì nước lần lượt xuất hiện khắp nơi. Riêng Nguyễn Bá Loan sau chiến đấu vũ trang thất bại, ông thật sự lúng túng về con đường cứu nước, chưa biết nên đi theo con đường nào, mười mấy năm tìm hiểu trao đổi rồi tiếp xúc với tài liệu, Nguyễn Bá Loan cảm thấy mình được mở rộng hiểu biết thêm nhiều về cách dựa vào dân. Muốn dựa vào dân thì phải mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí. Nhưng nên xây dựng chế độ nào, có phải chăng đó là chế độ dân chủ lập hiến như Lương Khải Siêu đã viết trong các tác phẩm của mình?¹ Bản khoán này đã được giải quyết khi tìm hiểu đầy đủ phong trào dân chủ của cả ba nhóm. Có nhóm nào đặt vấn đề xây dựng chế độ quân chủ lập hiến như một yêu cầu bức thiết đâu? Và duy trì chế độ lập hiến làm gì khi ông thấy triều

1. Lương Khải Siêu (1873-1929), nhà tư tưởng cải lương chủ yếu của Trung Quốc. Ông viết *Mậu Tuất chính biến*, *Trung Quốc hôn*, *Ấm băng thất* và nhiều bài in ở *Tân Dân tùng báo*. Những sách báo này được đưa vào Việt Nam và có ảnh hưởng khá rộng trong các sĩ phu Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Nguyễn chẳng còn chút ngưỡng mộ của nhân dân. Và qua những tài liệu tiếp xúc, ông tiếp thu được các hình thức hoạt động phong phú, trong đó biện pháp tuyên truyền cổ động được hết sức coi trọng. Nguyễn Bá Loan rất quý các tài liệu vừa được mang về, bàn với hai ông Phạm Cao Chấn, Từ Hữu Lập tổ chức việc in ấn thêm và phát hành rộng rãi trong tỉnh.

Đến gần cuối năm 1905, hai ông Lê Đình Cẩn và Nguyễn Bá Loan đã tạo được mối liên hệ với các nhân sĩ có nhiệt huyết trong tỉnh. Ở Đức Phổ gặp Nguyễn Tuyên (Tân Hội - Phổ Phong) và qua Nguyễn Tuyên liên hệ được với hai cậu cháu Phan Long Bằng và Nguyễn Đình Ân (Thanh Sơn - Phổ Cường), là hai thanh niên giàu nhiệt huyết, hăng hái, xông xáo, thích tìm hiểu cái mới và giỏi sáng tác thơ ca hò vè. Ở Mộ Đức có Lê Văn Hoà, ở Nghĩa Hành có Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương, hai anh em con một gia đình yêu nước, nhiều nhiệt tâm. Riêng Nguyễn Công Phương đang theo học chữ Quốc ngữ ở trường Nguyễn Bá Loan. Lê Đình Cẩn trở thành người chấp nối sự liên kết và được mọi người tin cậy về tầm hiểu biết và tính thẳng thắn, nên khi gặp vấn đề gì khó giải quyết thường cử người đến hỏi ý kiến ông. Còn Nguyễn Bá Loan lại được mọi người ngưỡng mộ ở những khía cạnh khác. Ngoài việc kính phục Nguyễn Bá Loan là một lão tướng chiến đấu kiên trì, dũng cảm thời Cần Vương, mọi người còn khâm phục tầm hiểu biết sâu rộng, trí tuệ sáng suốt nhạy cảm của ông trước mọi tình hình,

tuy ông luôn luôn điềm đạm, chậm rãi nhưng ý kiến bao giờ cũng xác đáng.

Cũng đến thời gian này, nhiều công việc đã được thực hiện kết quả. Nhiều nơi đã mở trường. Nhiều câu hò, bài vè đã được sáng tác kêu gọi việc xoá bỏ các hủ tục, bỏ khăn đen áo dài, cắt búi tóc... phổ biến ở nhiều nơi. Các tài liệu của Đông Kinh Nghĩa thực cũng được in ấn phát hành kêu gọi đồng bào hãy thương yêu, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau như người ruột thịt cùng một bọc sinh ra của giống nòi Hồng Lạc. Do đó nhân dân thường gọi là phong trào "đồng bào". Bên cạnh đó, ở một vài nơi cũng đã xuất hiện một số hiện tượng không hay, như việc kêu gọi xoá bỏ hủ tục, đã có các nhóm thanh niên đi vào từng xóm phát giấy kêu gọi, rồi dùng dao kéo bắt ép người ta phải cắt tóc ngay. Một số cụ già (nam) quá nệ cổ đã lo sợ búi tóc bị cắt nên có đêm phải trốn¹.

Bọn thực dân phong kiến đánh hơi được từ lâu, đã cho mật thám theo dõi một số người. Chúng chủ trương cho các quan phủ, huyện triệu với các nhân sĩ trong địa phương mình đến gặp, vừa phỉnh nịnh vừa hăm dọa và ra lệnh cho lý hương các thôn xã theo dõi kiểm soát chặt chẽ những người chúng tình nghi.

Nguyễn Bá Loan biết rõ tình hình trên, thấy cần có kế hoạch đối phó thống nhất chung cho cả tỉnh. Ông đã

1. Vì thế sau này trong *Quảng Ngãi tỉnh chí*, *Sđd*, tr. 48, mới viết là "Loạn cúp tóc".

bàn với Lê Đình Cẩn nên triệu tập các nhân sĩ tiêu biểu ở các phủ huyện để cùng trao đổi thống nhất với nhau một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau đi đến xác định phương hướng và mục tiêu của phong trào. Bàn kế hoạch xúc tiến các hoạt động, điều chỉnh những hành động quá khích vừa xuất hiện, và bàn biện pháp đối phó với những luận điệu xuyên tạc, âm mưu đánh phá phong trào của bọn thống trị. Hai ông đã thống nhất với nhau cả việc nên tổ chức cuộc họp đó gần giữa tỉnh để các vị tiện đi lại và nên lợi dụng ngày giỗ, ngày chấp thường tập trung nhiều ở tháng 11, 12, âm lịch để tránh bớt sự chú ý của kẻ thù. Nhưng khi bàn đến việc viết bài kêu gọi thì thấy cần phải trao đổi chuẩn bị một thời gian nữa, sớm nhất cũng vào mùa xuân năm 1906 mới có thể họp được.

Sau khi thống nhất những ý chính cho lời kêu gọi, Lê Đình Cẩn được giao chấp bút cho lời kêu gọi đó bằng thể văn vần, dễ phổ biến dễ nhớ thường dùng trong thời đó. Sau 10 ngày Lê Đình Cẩn đã viết và sửa đi sửa lại xong và hai ông gặp mặt cùng trao đổi với nhau. Chưa bao giờ có cuộc gặp trao đổi với nhau vui vẻ, hào hứng đến như thế, vì ngoài việc bàn bạc về chính trị còn dụng đến văn chương thơ phú. Người nào cũng sôi nổi, say sưa vừa bình luận vừa bổ sung, vừa sửa chữa cho thật hoàn hảo bài kêu gọi chung của phong trào. Nguyễn Bá Loan nhiệt liệt tán thưởng đầu đề "Xin đúc một chữ đồng" mà Lê Đình Cẩn đã chọn vì vừa mang được tính chất của một lời kêu gọi, vừa nêu được chủ đề

đồng tâm, hiệp lực, đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân trong việc mở mang dân trí, nâng cao dân khí, động viên lòng tự hào dân tộc để thoát khỏi cảnh đói lạc hậu, nô lệ, để cho đất nước cùng "chung đức văn minh loài người"¹. Về nội dung, Nguyễn Bá Loan cũng hoan nghênh việc Lê Đình Cẩn đã tổng hợp được những chủ trương lớn của cả ba phái Đông Du (của Phan Bội Châu), Đông kinh nghĩa thực và phái Canh tân (của Phan Châu Trinh). Đặc biệt là giải thích được lý do từng việc phải "đổi", phải "bỏ", và lý giải khá sâu sắc những việc "phải" làm, cũng như "đừng làm" để cho dân trí được mở mang, dân khí được nâng cao².

Nhưng Nguyễn Bá Loan góp ý nên nêu rõ nguyên nhân của thảm cảnh đất nước dân tộc vào phần đầu. Trao qua đổi lại, hai ông quyết định thêm sáu câu:

*... Than ôi một cõi sơn hà
Nghìn năm văn hiến thành ra ngục tù
Nước Đại Việt mây mù phủ kín
Giống Lạc Hồng diêu dưng tang thương
Vì chưng giặc Pháp xâm lăng
Vì chưng nhà Nguyễn bán mình cầu thân ...*

Về bộ mặt của quan lại Nam triều và thực dân Pháp thống trị, tuy Lê Đình Cẩn có nêu ra, nhưng do sự hiểu biết bị hạn chế nên chưa có được ý tứ sắc sảo. Nguyễn Bá Loan đã bổ sung thêm ý để lột tả hết thực chất "hủ

1, 2. Các chữ để trong dấu ngoặc " " ở đây đều trích từ bài "Xin đúc một chữ đồng" của Lê Đình Cẩn. Xem phần Phụ lục.

mục" của quan lại Nam triều:

*... Giờ trên chín bệ lầu vàng mục hủ
Dưới trăm quan giấc ngủ im lìm
Gió Tây phảng phất ngoài rèm
Lất lay hồn quế bên đèn phù dung
Mặc nòi giống lao lung tù hãm
Chón triều đình trái gấm lay Lang Sa...*

Và bộ mặt tàn bạo, giả dối của thực dân Pháp cũng được Nguyễn Bá Loan bổ sung thêm nhiều ý trong các câu:

*... Kia thử hỏi ai thương ta đó
Ai giết người giào xéo non sông
Ai gieo tử nhục lấm than
Ai gieo tang tóc ngập tràn máu xương
Lại còn bảo rằng sang bảo hộ
Kéo qua đây khai hoá văn minh
Làm cho nòi giống điêu linh
Luân thường diên đảo, nghĩa nhân lộn phèo!...*

Cuối bài Lê Đình Cẩn đã kết thúc bằng một câu rất sát với đầu đề:

Ta xin đúc một chữ đồng với nhau.

Nguyễn Bá Loan đề nghị nên bổ sung một số câu nữa để mọi người hiểu đây là lời kêu gọi và lời kêu gọi đó nhằm mục đích thoát khỏi cảnh nô lệ hiện nay. Vì thế bài "Xin đúc một chữ đồng" lại có thêm 12 câu, trong đó có 4 câu chứa đựng đầy đủ ý tưởng của Nguyễn Bá Loan:

*Mong sao trên dưới một lòng
Cùng nhau lập hố bắt bẫy từ đây
Đời nô lệ đặng cay quét sạch
Đất tự do, hạnh phúc xây nền...¹*

Thế là bài "Xin đúc một chữ đồng" nổi tiếng của Lê Đình Cẩn đã được xây dựng hoàn chỉnh và cuộc họp được triệu tập vào mùa xuân năm Bình Ngô (1906).

**2. Thành lập Hội, đẩy mạnh các hoạt động
"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" (4-1906 -
2-1908)**

Đầu tháng 3 năm Bình Ngô (1906), sau lễ tế xuân nhà họ Phạm tại nhà ông Phạm Mỹ² ở làng Nghĩa Trang (xã Nghĩa Trung - Tư Nghĩa hiện nay), một cuộc họp được tổ chức gồm 12 ông ở đủ 6 phủ huyện: Lê Ngung, Trần Kỳ Phong (Bình Sơn), Nguyễn Đình Quảng (Sơn Tịnh), Phạm Cao Châm, Nguyễn Suy, Phạm Mỹ (Tư Nghĩa), Lê Đình Cẩn, Nguyễn Tấn Quyền

1. Phần thơ văn trích trên đây đều trích từ "Xin đúc một chữ đồng". Xem toàn văn ở phần Phụ lục. Nguyễn Bá Loan chỉ bổ sung ý, còn Lê Đình Cẩn viết lời. Nội dung bổ sung này dựa vào lời truyền lại của các cụ Tú, Cử cùng quê và sống sau Lê Đình Cẩn một thời gian ngắn.

2. Ông Phạm Mỹ, người làng Nghĩa Trang, huyện Tư Nghĩa là nhân vật trọng yếu trong phong trào Duy Tân, đến phong trào khất thuế được cử vào ban lãnh đạo, bị địch bắt và giết chết.

(Nghĩa Hành). Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Quang Mao (Mộ Đức). Nguyễn Tuyên. Phan Long Bằng (Đức Phó).

Nguyễn Bá Loan với danh nghĩa là người lớn tuổi hơn và thuộc lớp cựu trào đã nói rõ mục đích cuộc họp và sau khi được mọi người nhất trí đề cử, ông chủ trì luôn cuộc họp. Cuộc họp đã nhanh chóng đi đến thống nhất một số vấn đề sau:

a) Xây dựng một phong trào canh tân rộng rãi trong tỉnh với các hoạt động:

- Mở trường dạy học, dạy những tư tưởng trích từ những tư tưởng Tân thư, tìm các kiến thức khoa học in trên báo chí để dạy theo hướng "cách vật trí tri" hoặc gọi gọn là "khai trí", "trị sinh", khuyến khích dạy bằng chữ Quốc ngữ¹.

• - Vận động bỏ các phong tục xấu như mê tín dị đoan, tín tưởng bùa phép; bỏ khăn đen áo dài, bỏ tục nhuộm răng, vận động dân ông cúp bỏ búi tóc, nhưng ngăn chặn những hành động bắt ép như đã xảy ra ở một số nơi.

• - Vận động dùng đồ nội hoá, không dùng ngoại hoá, khuyến khích công kỹ nghệ được gọi gọn là "chấn hưng thể hoá", lập nông hội, thương hội để đua chen kinh tế.

b) Đẩy mạnh việc sáng tác thơ ca, hò vè về các hoạt

1. Lúc bấy giờ các trường do các vị trong Hội mở vẫn còn dạy bằng chữ Hán, chữ Nôm, chỉ có trường Nguyễn Bá Loan dạy bằng chữ Quốc ngữ do ông trực tiếp dạy.

động trên, tổ chức việc in ấn phát hành rộng rãi các loại tài liệu đó.

c) Bố trí người liên hệ chặt chẽ với ba phái hiện có trong cả nước để cùng phối hợp hoạt động, nhờ giúp đỡ về nội dung giáo dục, về những sáng tác mới để phổ biến trong tình.

- Ông Lê Ngung vẫn tiếp tục liên hệ với phái Canh Tân của Phan Châu Trinh.

- Ông Từ Hữu Lập vẫn tiếp tục liên hệ với phái Đông Kinh nghĩa thực, và cũng qua đây liên hệ với phái Đông du của Phan Bội Châu.

d) Thông qua nội dung bài "Xin đúc một chữ đồng" và xem đó là "lời kêu gọi" của Hội, được phổ biến rộng rãi, nhưng không công bố tên tác giả.

đ) Về việc đặt tên Hội, có người đề nghị đặt tên là Hội Canh Tân, nhưng nhiều người không nhất trí vì hai chữ canh tân chưa nói được mục đích cuối cùng "chấn hưng dân khí" để mưu cầu xoá "đời nô lệ", xây nền "tự do", và dễ lẫn lẫn với phong trào do Phan Châu Trinh đề xướng mà mọi người đều không tán thành việc "ý Pháp cầu tiến bộ". Có người đề nghị vẫn gọi là Hội Đồng bào như nhân dân đã thường gọi. Cũng có người nhận thấy hai chữ "đồng bào" thường được dùng trong các bài văn vẫn tuy có gọi lên sự gắn gũi, gắn bó với mọi người cùng nòi giống con Hồng cháu Lạc với nhau, nhưng chưa nói lên được nội dung hoạt động

của Hội. Trao đổi qua lại vẫn chưa tìm được tên nào hợp lý. cuộc họp đồng ý cứ tạm gọi là Hội Đồng bào như nhân dân đã gọi¹.

e) Về việc đào tạo nhân tài. Các vị lại thấy, muốn cứu nước thì phải có nhân tài như Phan Bội Châu đã chủ trương Đông du. Tuy không nhất trí với chủ trương cầu nước ngoài giúp ta cứu nước, ta phải tự cứu lấy ta. "phải tự lập chân tay cho nổi, phải tự cường dậy hẳn nhân dân..."², nhưng rất cần gửi người ra nước ngoài học tập với mục đích "đào tạo nhân tài". Vì thế các vị nhất trí bí mật phổ biến "Khuyến quốc dân tự trợ du học vấn" trong một số nhân sĩ, phú hào có nhiệt tâm với đất nước và bí mật quyên góp tiền chọn cử người có năng lực tin cậy gửi ra nước ngoài học tập. Việc này phải dựa vào Phan Bội Châu, các vị bí mật giao cho Huỳnh Công Thạnh³ chuyên lo liệu việc này.

g) Về bộ phận lãnh đạo, đều thống nhất xem 12 người có mặt là những người lãnh đạo trong Ban chấp hành Tỉnh Hội. Nhưng khi bàn đến việc cử Hội trưởng thì có những ý kiến tranh luận khác nhau. Mọi người đều đề cử Nguyễn Bá Loan vì là người lớn tuổi, nhiều

1. Về sau căn cứ vào nội dung phong trào giống như của Phan Bội Châu, nên lấy tên Duy Tân do Phan Bội Châu đặt để gọi phong trào ở Quảng Ngãi.

2. Trích "Xin đức một chữ đồng".

3. Ông Huỳnh Công Thạnh, người Xuân Phổ, xã Nghĩa Kỳ - huyện Tư Nghĩa. Theo tài liệu của cụ Nguyễn Công Phưong thì ông Thạnh đã nhiều lần đưa người ra học ở nước ngoài.

kinh lịch, hiểu biết sâu rộng, có khả năng tổ chức và có uy tín rộng lớn. Ông phải nhiều lần từ chối với các lý do lớn tuổi, đi xa tình nhà quá lâu, không nắm hết tình hình, và dứt khoát đề cử Lê Đình Cẩn làm Hội trưởng vì là người khoa bảng, có đức tính khang khái, cương trực, coi khinh cường quyền, cá tính biệt tông và có nhiều khả năng sáng tác, thuyết phục hợp với phong trào canh tân hơn. Tuy ý kiến vẫn còn phân vân, nhưng cuối cùng cuộc họp nhất trí cử ông Lê Đình Cẩn¹ làm Hội trưởng của Hội. Vấn đề kinh phí và trụ sở của Hội cũng được cuộc họp bàn bạc khá lâu, nhưng vẫn chưa có hướng giải quyết, sau giao các địa phương tự tìm

1. Ông Lê Đình Cẩn (1870 - 1915) quê gốc ở La Hà (nay là thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa) nhưng gia đình chuyển đến ở làng Hoà Vinh (nay thuộc xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành), đỗ cử nhân năm Quý Mão (1903), được bổ làm huấn đạo Mộ Đức, ông chán cảnh làm quan nô lệ nên bỏ quan về nhà mở trường dạy học. Ông căm thù bọn thực dân cướp nước, hai lần định xông vào đánh Công sứ Quảng Ngãi Daudet, có lần bị giam ba ngày. Ông cùng Nguyễn Bá Loan lập Hội Duy Tân Quảng Ngãi, có nhiều đóng góp tích cực cho phong trào, nhiều sáng tác có giá trị của ông nay còn lưu lại. Lần chửi Công sứ Daudet, ông bị kết án "dã mạn thượng quan", giam ở Làng Rí (Sơn Hà) từ 11-8-1907. Khi phong trào khởi thuế bị đàn áp, ông lại bị chung kết án tiếp "xử trăm lập quyết", sau giảm xuống "hoãn chết" và bắt lưu giam tại Lao Bảo (Quảng Trị). Ông bị bệnh nặng, chùng đưa về quán thuốc ở Nghĩa Đông (thị xã Quảng Ngãi) và năm 1915 qua đời tại đây lúc 46 tuổi. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, tên ông được nhân dân huyện Nghĩa Hành trân trọng đặt tên cho huyện mình - huyện Lê Đình Cẩn.

cách giải quyết. Còn vấn đề trụ sở cũng tạm lấy Hoà Vinh nơi Hội trường Lê Đình Cẩn đang sinh sống và dạy học làm địa điểm liên lạc.

Cuộc họp kết thúc. Mọi người ra về với nhiều tin tưởng phấn khởi vì ai cũng coi bỏ được những bần khoản, vướng mắc cho riêng mình, vì phong trào phát triển khá đều trong tỉnh. Và qua cuộc họp người nào cũng học tập được việc làm tốt, cách làm tốt của địa phương khác. Ngay trên đường về nhiều người đã hoạch định cho mình, cho địa phương mình những việc cần làm và những việc phải làm tốt hơn trước. Nhờ thế, sau cuộc họp việc mở trường dạy học, việc vận động xóa bỏ hủ tục, việc phổ biến các tài liệu kêu gọi dùng nội hoá, bài trừ ngoại hoá... phát triển đều khắp. Ở ngay tỉnh thành và các thị tứ trong tỉnh, các hoạt động càng sôi nổi hơn. Nét mới đáng chú ý là phong trào lan rộng đến các thị tứ có đông người Kinh sinh sống ở Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà (gồm cả Trà Bồng, vì lúc này chưa có huyện Trà Bồng).

Cũng sau cuộc họp, Nguyễn Bá Loan như được tiếp thêm niềm tin tưởng. Không ngờ cuộc họp lại dễ dàng đi đến nhất trí với nhau về phương hướng chính trị của phong trào đến như thế, trong lúc cả ba phái trong nước đều có quan điểm riêng và đều có ảnh hưởng khá mạnh vào tỉnh nhà. Các nhân sĩ Quảng Ngãi, do truyền thống chiến đấu vốn có của mình, không chấp nhận quan điểm "ý Pháp cầu tiến bộ" là điều dễ hiểu. Nhưng ngay với Phan Bội Châu - người có ảnh hưởng lớn nhất

ở Quảng Ngãi - thì các nhân sĩ ở đây cũng tiếp nhận có chọn lọc quan điểm của ông, không tán thành câu ngoại viện; nhưng lại tán thành việc "Đông du". Rõ ràng không nhận thức sâu sắc thảm cảnh của đất nước, của dân tộc thì không thể có việc tiếp thu có chọn lọc và hình thành nên một quan điểm riêng cho phong trào của mình được. "Giờ ta tự cứu lấy mình", nhưng muốn tự cứu lấy mình thì phải làm nhiều việc, quan điểm ấy đã tập hợp đoàn kết mọi người trong tỉnh lại với nhau và quan điểm ấy cũng chỉ đạo mọi hoạt động của Hội. Nguyễn Bá Loan tự suy nghĩ, tự phân tích và vui mừng về sự thống nhất, đoàn kết của phong trào tỉnh nhà. Mặt khác, ông cũng thấy phong trào của một tỉnh đơn lẻ không thể nào đứng vững được nếu không tạo được thế y đúc với cả vùng, cả nước với nhau. Nguyễn Bá Loan thấy cần làm việc đó với các tỉnh lân cận trong thời gian sắp đến. Riêng về phần mình, Nguyễn Bá Loan quyết cố gắng giúp trường của Lê Đình Cẩn sớm dạy được chữ Quốc ngữ, vì đây là một trường được thành lập sớm, thu hút được nhiều thanh niên giàu tâm huyết như Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương, Lê Triết, Lê Hoàng v.v.. Đây lại là nơi tạm làm trụ sở của tỉnh hội. Các nơi thường đến giao dịch thấy trường được dạy bằng chữ Quốc ngữ với những bài nói về lòng yêu nước, lòng tự hào của giống nòi Hồng Lạc với lời bình, lời chú của Lê Đình Cẩn - một người có

1. Trích "Xin đúc một chữ đồng".

học thức uyên thâm, giàu nhiệt tình và lời nói giàu sức hấp dẫn - sẽ có ảnh hưởng tốt cho cả tỉnh. Mong ước của ông đã thực hiện được sau đó ba tháng, khi ông trực tiếp kèm cặp Lê Đình Cẩn biết đọc, biết viết, sau đó đọc thông viết thạo, và Lê Đình Cẩn, đã dạy thẳng bằng chữ Quốc ngữ.

Việc thứ hai mà Nguyễn Bá Loan muốn làm từ lâu nhưng chưa làm được, lần này cuộc họp càng thúc ông. Ông quyết tâm bắt tay ngay vào việc xây dựng một nông trại, một việc khó mà cả tỉnh chưa ai và chưa nơi nào làm được, trong lúc nhiều nơi đã dựng được các nghiệp hội, thương hội. Dựng được nông trại sẽ có lợi nhiều mặt, vừa giải quyết được tài chính, vừa làm nơi hội họp bí mật của Hội lúc cần thiết, cả hai vấn đề đó cuộc họp vừa qua vẫn chưa có hướng giải quyết.

Chẳng có sách vở nào hướng dẫn, lại xuất thân nho sĩ biết cầm bút, cầm gươm chứ chưa từng cầm cây, nhưng đã quyết tâm là ông làm ngay. Ông chọn một vùng ruộng đất nằm kẹp giữa các gò, núi thuộc thôn Tỉnh Phú¹, ruộng đất đã vỡ được hơn 10 mẫu, còn cây rừng mọc lúp xúp chưa vỡ khoảng 30 mẫu, với quyết tâm mượn ruộng đã vỡ của các điền chủ, và tổ chức vỡ hoang số đất chưa vỡ để xây dựng nông trại. Cố gắng

1. Đó là vùng đất từ Cầu Dài đến chân Đèo Eo Gió nằm dọc phía đông đồi 68. Hiện nay phần phía bắc thuộc xã Hành Minh, phần phía nam thuộc xã Hành Đức (huyện Nghĩa Hành).

một thời gian, nông trại đã hình thành, tổ chức trồng tỉa mùa đầu khá trót lọt được hơn 20 mẫu. Trời đất cũng ủng hộ lòng người, thời tiết thuận lợi, đất mới khai phá màu mỡ còn nhiều, lúa màu đều rất tốt. Vụ thu hoạch đầu tiên trả lúa cho các điền chủ, trả tiền thuê nhân công cấy cấy xong, còn lại cho quỹ Hội khá nhiều. Kết quả tốt đẹp đó đem lại niềm phấn khởi tin tưởng cho nhiều người trong Hội. Ông quyết định tổ chức nông trại có nền nếp quy củ hơn bằng việc thành lập ban quản trị nông trại. Ai cũng từ chối vì không quen việc, nên ông phải trực tiếp làm Hội trưởng¹, ông tú tài Nguyễn Đình Nghi nhận làm hội phó, ông Nguyễn Công Phương làm thư ký, ông tú tài Nguyễn Thượng Văn làm kiểm soát viên và các ông Phạm Soạn, Hương Dũ và Thừa Hưng² làm uỷ viên. Có ban quản trị, có kế hoạch và tổ chức có nề nếp nên nông trại tiếp tục vỡ hoang diện tích canh tác đạt đến 40 mẫu³ và mấy vụ liên đều thu hoạch khá. Nông trại ngày càng được củng cố vững chắc. Không rõ ông Nguyễn Bá Loan đã dựa vào sách nào, kinh nghiệm ở đâu để tổ chức một nông trại có quy củ như thế này và tổ chức được ban

1. Chép lại các tư liệu cũ, chủ yếu là dựa vào chú thích của *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa* của Bùi Định - Sở Văn hoá - thông tin Nghĩa Bình, 1985, tr. 55.

2. Không rõ tên họ

3. Theo mẫu Trung Bộ ngày trước: 5.000m².

quản lý với những chức danh khá mới mẻ như thế. Nhưng đây là mô hình để lại những kinh nghiệm rất tốt giúp ông Nguyễn Công Phương - người học trò xuất sắc của Lê Đình Cẩn và của cả Nguyễn Bá Loan - xây dựng trại sản xuất Lò Đò vào những năm 1917-1920 về sau.

Để tiện việc quản lý, Nguyễn Bá Loan dời cả trường dạy học của mình về đây, thu nạp cả một số trại viên và thanh niên các làng xung quanh vào học. Học sinh được tổ chức thành tổ, nhóm chặt chẽ, hoạt động theo sự phân công hàng ngày của trường trưởng¹. Lúc lên trường học tập nghe thầy bình giảng các bài vở, lúc từng nhóm đi vào các thôn, xóm tuyên truyền, cổ động việc xoá bỏ các hủ tục, mê tin dị đoan, kêu gọi dùng đồ nội hoá, bài trừ ngoại hoá..., ban đêm phân công nhau tuần tra xung quanh trại, bảo vệ kho tàng. Trại dần dần trở thành căn cứ an toàn cho các cuộc gặp gỡ của các yếu nhân và các cuộc họp của tỉnh hội.

Sau cuộc họp phong trào sáng tác và phổ biến các tài liệu nhằm động viên tinh thần yêu nước, nâng cao lòng tự hào dân tộc, lên án các hủ tục... cũng phát triển

1. Ngày trước trường học được mở tại nhà thầy dạy. Thầy dạy các sách vở theo tư tưởng Khổng Mạnh bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Trường trưởng là một học sinh lớn, có uy tín do thầy chỉ định chuyên giúp thầy điều khiển trật tự, phân công học sinh trong lớp làm các việc phục vụ việc giảng dạy của thầy. Gần như lớp trưởng hiện nay.

sôi nổi. Ông Phan Long Bằng viết *Nợ nước đã vay thì phải trả*, và một loạt các bài kêu gọi xoá bỏ các thói hư tật xấu với những lý lẽ sắc sảo, gây xúc động lòng người. Ông Nguyễn Suy (còn gọi là Thuy)¹ viết bài ca *Kêu gọi binh lính*. Tài liệu các nơi chuyển đến ngày càng nhiều. Các tác phẩm mới của Phan Bội Châu như *Hải ngoại huyết thư*² cả Sơ biên và Tục biên vừa được Lê Đạt dịch ra Quốc ngữ theo thể song thất lục bát do Đông Kinh Nghĩa Thục in và phát hành vừa đưa về

1. Nguyễn Suy (Thuy) (1873-1916), người thôn Hồ Tiếu, xã Nghĩa Đông - thị xã Quảng Ngãi) đậu cử nhân năm 1903, không ra làm quan, thích đọc Tân thư, tham gia phong trào Duy tân, phong trào kháng thuế, sau bị bắt đày đi Côn Đảo. Mãn hạn tù, ông tham gia Việt Nam quang phục Hội, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Khởi nghĩa thất bại, ông bị truy lùng. Địch bắt mẹ ông đem tra khảo. Thương mẹ, ông tự ra nạp mình, ngày 9-4 Bính Thìn (10-5-1916). Thục dân Pháp đem xử chém ở góc tây bắc thành Quảng Ngãi.

2. *Hải ngoại huyết thư* (lá thư viết bằng máu từ nước ngoài gửi về), gồm cả Sơ biên và Tục biên - viết năm 1906 - phần Sơ biên lột trần chính sách thâm độc của giặc Pháp muốn diệt chủng nước ta, phần Tục biên vạch rõ ba nguyên nhân mất nước.

- a) Vua không biết có dân,
- b) Nước không biết có dân,
- c) Dân không biết có nước;

Nếu lên ba phương pháp cứu nước, kết thúc bằng lời kêu gọi cả nước đồng tâm đấu tranh.

được ít lâu thì *Kính cáo toàn quốc phụ lão văn*¹ nguyên bản cũng đưa về tiếp theo. Lê Đình Cẩn dịch thành tiếng Việt, cho in và phát hành ngay. Đặc biệt *Hải ngoại huyết thư* đã gây xúc động mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Phủ huyện nào cũng yêu cầu phân phát cho mình số lượng lớn các bản dịch *Hải ngoại huyết thư* và các bài báo tố cáo nạn thuế cao, sưu nặng.

Đến khoảng giữa năm 1907, các tổ chức Hội ở các phủ huyện đều được tổ chức, củng cố. Các chủ trương, mệnh lệnh được thông đạt nhanh chóng và được chấp hành đầy đủ hơn. Các tổ chức do Hội chủ trương như học hội, nghiệp hội cũng phát triển rộng khắp, nhất là các học hội. Trường học được mở ở khắp nơi. Không kể các trường nhỏ (có 100 học sinh trở xuống), đã có 9 trường có gần 150 học sinh như sau: ở Bình Sơn có trường được mở tại nhà thờ họ Đoàn ở An Diêm (Bình Chương) do bà Võ Thị Đệ tổ chức; trường ở làng Châu Me (Bình Châu) do tú tài Trần Kỳ Phong tổ chức; trường ở nhà bà đội Phụng ở An Phú (Bình Khương); ở Sơn Tịnh có trường ở Sung Tích (Tịnh Châu - Sơn Tịnh) có hơn 150 học sinh do cử nhân Nguyễn Đình Quảng tổ chức; ở Tư Nghĩa có trường ở Vạn Tượng (Nghĩa Hà) do cử nhân Nguyễn Suy dạy bằng chữ Hán

1. *Kính cáo toàn quốc phụ lão văn* (Kính thưa các bậc phụ lão trong nước) cũng của Phan Bội Châu viết năm 1906, nội dung cổ động góp tiền cho học sinh ra học ở nước ngoài.

cùng với tú tài Nguyễn Lương Kiệt; ở Nghĩa Hành có hai trường do Lê Đình Cẩn và Nguyễn Bá Loan chủ trì đều dạy bằng chữ Quốc ngữ. Ở Mộ Đức có nhiều trường hơn cả nhưng đều là trường dưới 100 học sinh; ở Đức Phổ có trường mở ở nhà ông Cao Chánh Nghi người làng An Tây (Phổ Nhơn) toàn dạy Tân thư, nhưng dạy bằng chữ Hán và chữ Nôm. Riêng ở chợ Cung (Phổ Cường) có trường của Phan Long Bằng tổ chức dạy bằng chữ Quốc ngữ, còn dạy cả môn toán pháp.

Về nông hội, ngoài nông trại được tổ chức như một nông hội ở Tĩnh Phú do Nguyễn Bá Loan tổ chức, còn có các hội cấy, hội cày được thành lập rải rác ở một số thôn, phân đông gặt trường học (nhờ học sinh các trường này đứng ra vận động thành lập). Về công kỹ nghệ, các huyện hội Tư Nghĩa, Đức Phổ đã vận động được một số người bỏ tiền ra lập các xí nghiệp sản xuất, như nuôi tằm, ương tơ, dệt, thêu, nấu đường phèn, đường phổi, mạch nha...ở quanh thành tỉnh, ở Thu Xà và ở thị trấn Đức Phổ theo hướng canh tân công nghiệp.

Về thương hội mới lập được hội Quảng Trí (dặt ở hiệu buôn thuốc bắc) do ông Lê Tựu Khiết chủ trì.

Cũng trong quãng thời gian này, một vấn đề mới được nảy sinh trong tỉnh vào trước và sau vụ thuế năm 1907. Đầu tiên là nơi nào cũng yêu cầu cung cấp nhiều bài thơ bài vè, tổ cáo xâu cao, thuế nặng, rồi sau đó khắp nơi bàn tán, kêu ca về thuế khoá, có cả các phú hào lý hương ở các xã tham gia, Nguyễn Bá Loan tìm

hiều mới biết dịch đã đặt ra nhiều thứ thuế mới cả trực thu và gián thu. Ngay cả thuế điền thổ đã gia tăng hơn trước nhiều¹. Lại còn tương lên², rồi bỏ khoán làm cho các vựa lúa của cả các phú hào cũng bị vét cạn. Thuế đình đánh vào từng người dân ông từ 18- 60 tuổi cũng tăng hơn trước làm cho những người cấy thuê, cuộc mưu sinh phải điêu đứng bán vợ đẻ con. Bên thuế cao lại còn xấu nặng. Thuế tô lao dịch ngày trước cũng có, nhưng nay tăng lên và quy định rất chặt chẽ là phải đi, không đi là phải nộp bằng tiền. Thuế sưu đã làm cho nhân dân "xơ xác đến cùng". Rồi các bài thơ, bài vè lên án xấu cao, thuế nặng, nhất là bài "Á ố á ca", giúp họ hiểu rõ thân phận giun dế của mình, từ đó càng căm thù bọn thống trị, tay sai. Đã có một số hành động chống đối việc nộp thuế như lên án những lý trưởng, hương chức những lạm, đánh tuần đinh đi đón đốc nộp thuế. Nhưng rồi vụ thuế cũng trôi qua. Nhân dân bị thúc ép, đe dọa buộc phải chạy bằng mọi cách để nộp. Tuy rằng bọn thực dân thống trị cũng như quan lại, lý hương tay sai đã phải trải qua một đợt thu vét nhiều khó khăn. Từ lâu, chúng đã chú ý theo dõi các hoạt

1. Theo *Tìm hiểu các phong trào...*, *Sđđ*, tr.58 thì mỗi mẫu thưng dâng đều phải nộp 2 đồng 5 hào, cao hơn trước 0,70.

2. Tương lên: Bằng cách tính mẫu theo diện tích 3600m² để tăng thêm hoặc gia không số mẫu, buộc các làng xã phân bố nhau để nộp.

động của Hội và lo sợ ảnh hưởng của Hội ngày càng cao. Nay gặp phải kỳ thu thuế nhiều khó khăn này, chúng cho là do Hội chủ trương và lãnh đạo. Chúng cho mật thám sục tìm khắp nơi, nhưng vẫn không phát hiện được bằng chứng nào để có thể kết tội. Biết được tình thế đó, Nguyễn Bá Loan thông báo ngay cho các vị trong Tỉnh hội lưu ý để phòng. Ông cũng trực tiếp bàn bạc với Lê Đình Cẩn về kế hoạch phòng bị, như ban đêm không đi lại, bố trí học sinh canh gác, cất giấu các tài liệu mật... Để phòng được mật này, bọn địch lại bố trí một kế hoạch gian trá khác. Chúng cho người theo dõi, biết Lê Đình Cẩn đang đi từ tỉnh thành về nhà, Công sứ Daudet liền huy động một đơn vị khố đỏ đi trên hai xe ngựa đến đón ở Bầu Giang. Lê Đình Cẩn từ ngoài vào, Daudet xuống xe ngăn lại với giọng xấc láo hỏi: "Mày đi đâu?". Lê Đình Cẩn không nhin được thái độ xấc láo của hắn cũng đáp lại với giọng rất xẵng: "Mày hỏi chi?", rồi cầm dù rẽ Daudet ra và bảo: "Tránh ra, cho tao đi". Daudet chỉ cần có thế, nó đã ra lệnh cho đội lính khố đỏ xông đến bắt trời Lê Đình Cẩn đưa về giam và buộc Tuần vũ Lê Từ và bọn thuộc hạ khép vào tội "đả mạ thượng quan", vài hôm sau bí mật đưa lên nhốt ở Làng Rí (Sơn Hà)¹. Đồng thời chúng cho một toán lính kéo đến Hoà Vinh lục khám trường, nhà Lê Đình Cẩn, nhưng chỉ thu được thơ ca hò vè kêu gọi xoá bỏ hủ tục, chấn hưng kinh tế mà ở đâu cũng có. Cũng

1. Vào ngày 11-8-1907.

chẳng cân bằng chứng phạm tội nào cụ thể, chúng vẫn ra lệnh đóng cửa trường, giải tán học sinh.

Nguyễn Bá Loan nắm được sự diễn biến phức tạp, căng thẳng của tình hình. Quần chúng nhờ việc giáo dục tuyên truyền vận động của Hội đã hiểu rõ kẻ thù, hiểu rõ cảnh sống một cổ hai tròng của mình và bắt đầu ý thức được quyền lợi và nhiệm vụ đấu tranh, thông qua vụ thuế vừa qua. Tuy việc trao đổi bàn luận về thuế xấu có giảm dần sau vụ thuế, nhưng vì quyền lợi sống còn của mình, quần chúng không bao giờ dừng lại ở đó. Vụ thuế năm sau rồi sẽ ra sao? Kẻ địch thì lộ rõ bộ mặt gian ngoan sẵn sàng đàn áp. Còn Hội thì trước tình hình vừa qua, ngoài việc ngăn chặn những việc qu. khích ở chỗ này, ở chỗ khác, nhưng chưa có sự chỉ đạo thống nhất, nhiều chỗ tỏ ra lúng túng thật sự. Nếu thiếu sự phối hợp, đồng bộ tạo nên một phong trào quần chúng rộng lớn thì không tránh được việc kẻ địch đàn áp, khủng bố. Còn trước mắt thì Lê Đình Cẩn - linh hồn của phong trào đang bị bắt, bị giam giữ, cần tổ chức việc kêu kiện nhằm giải thoát cho ông, giữ vững phong trào. Nguyễn Bá Loan cùng một lúc chỉ đạo cả hai việc: hướng dẫn vợ con Lê Đình Cẩn làm đơn kêu kiện yêu cầu thả Lê Đình Cẩn; hướng dẫn học sinh quyền góp giúp đỡ gia đình, thăm viếng thầy, cùng làm đơn kêu oan cho thầy đưa đến huyện, đến tỉnh. Đồng thời Nguyễn Bá Loan bí mật triệu tập một cuộc họp để tạo được sự nhất trí trong việc chỉ đạo tình hình sắp đến.

3. Thời kỳ Nguyễn Bá Loan trực tiếp lãnh đạo phong trào Duy Tân, rồi cao trào chống sưu, thuế (9-1907 - 4-1908)

Tháng 9-1907 một cuộc họp bí mật của Tỉnh Hội được tiến hành tại nông trại Tỉnh Phú, có đủ mặt các vị như trước, còn có thêm các ông Lê Tụy Khiết (An Ba - nay là xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành), Phạm Tuấn (Tịnh Hoà - Sơn Tịnh)¹, Lê Đình Cơ (La Hà - Tư Nghĩa) và Lê Văn Hoà (Quán Lát - Đức Chánh - Mộ Đức).

Khác với lần trước, lần này bị kẻ địch theo dõi không chế các con đường ra vào Nghĩa Hành và không ít người đã bị địch nghi kỵ và cho theo dõi hàng ngày nên phải cải trang, đi ban đêm mới đến được cuộc họp. Ở tại Tỉnh Phú, việc canh gác, bảo vệ được sắp xếp, bố trí chặt chẽ, cuộc họp mới tiến hành an toàn. Tuy thế, cuộc họp cũng chỉ tổ chức được trong một ngày, bàn bạc những vấn đề chính. Đến tối, biết tình hình không ổn, các đại biểu được đưa phân tán vào nhà dân, rồi lần lượt trở về quê quán an toàn. Sau đó, Công sứ Daudet phái một toán lính đến lục soát từng xóm xóm của nông

1. Ông Phạm Tuấn, nhân vật tích cực trong phong trào Duy tân và chống sưu thuế cũng bị địch kết án xử giam hậu như ông Phạm Mỹ, nhưng sau được giảm mức án. Mãn hạn tù, ông tham gia cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục Hội lãnh đạo, bị địch xử tử năm 1916.

trại, nhưng không tìm được gì. Tuy họp vội vã, nhưng cuộc họp cũng đã bàn năm vấn đề và thống nhất phương hướng chỉ đạo trong thời gian sắp đến như sau:

a) Bằng mọi biện pháp, tiếp tục lo việc giải thoát cho Lê Đình Cẩn - Hội trưởng của Hội - Kể cả việc làm kiến nghị vận động nhân sĩ cả tỉnh ký tên đòi thả Lê Đình Cẩn.

b) Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động "Khai dân trí, chấn dân khí...".

c) Vấn đề thuế, xấu là vấn đề dân sinh bức thiết, dân đấu tranh đòi bớt, đòi giảm là đúng và là quyền của họ, Hội không nên ngăn cản, cũng không được dính dáng sâu vào, chỉ uốn nắn, giúp họ đấu tranh có lý, có tình, đúng mức độ, hạn chế tổn thất.

d) Bầu lại Hội trưởng thay thế Lê Đình Cẩn đang bị giam giữ. Mọi người lại nhất trí đề cử Nguyễn Bá Loan, nhưng ông lại một lần nữa trình bày các lý do chưa nên bầu Hội trưởng mới, vì hy vọng cuộc kêu kiện sắp đến Lê Đình Cẩn có thể được thả. Về phần mình, Nguyễn Bá Loan xin nhận làm Hội phó, chịu trách nhiệm điều hành thay Hội trưởng trong lúc Hội trưởng còn bị giam giữ.

d) Tiếp tục đặt mối liên hệ với các tỉnh để phối hợp các hoạt động, chủ yếu trong vụ thuế sắp đến.

Sau cuộc họp, Nguyễn Bá Loan chỉ có niềm vui khi biết các đại biểu đã về đến nơi đến chốn, còn buồn lo thì nhiều vì kết quả cuộc họp đã quá nhiều hạn chế. Rõ

ràng các vị chưa thấy hết mức nghiêm trọng của tình hình. Kẻ địch thì sục sạo chỉ chờ cơ hội là vỗ láy ăn tươi nuốt sống. Còn quần chúng thì đấu tranh quyết liệt, nhưng hay tự phát, nếu thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ thì làm sao tạo sự phối hợp thống nhất chung của phong trào. Đã phân tích khá nhiều, nhưng cuộc họp vẫn không khẳng định "không đánh đáng sâu vào", "chỉ uốn nắn, giúp đỡ" thì làm sao giải quyết được. Nguyễn Bá Loan cảm thấy hình như có mặt nào đó thiếu trách nhiệm với quần chúng. Tích cực triển khai các Nghị quyết của cuộc họp, Nguyễn Bá Loan giao cho Lê Ngung liên hệ với Quảng Nam, Phan Long Bằng liên hệ với Bình Định vừa nắm tình hình vừa bàn kế hoạch phối hợp và hẹn vào đầu tháng 11-1907 cùng nhau nghiên cứu sâu vấn đề thuốc, xâu để hiểu hết ý nghĩa cuộc đấu tranh của quần chúng vừa qua và để có chủ trương đúng, thích hợp khi cần thiết. Việc kêu kiện đòi thả Lê Đình Cẩn được thực hiện tích cực hơn.

Gia đình và học trò đều đưa đơn và tuần nào cũng đến huyện, đến tỉnh yêu cầu giải quyết. Vì không có bằng chứng nên kẻ địch hết sức lúng túng, cố lẩn tránh việc trả lời, hẹn rày hẹn mai, nhưng vẫn không chịu thả. Học sinh thay đổi nhau thường xuyên lên Làng Rí thăm thầy, lúc đầu bị ngăn cản, nhưng nhờ đấu tranh quyết liệt kết hợp với việc tranh thủ sự cảm tình của binh lính canh gác nhà giam nên việc thăm viếng,

chăm sóc thuốc men, tiếp tế thực phẩm được thực hiện đều đặn.

Các hoạt động "Khai dân trí, chấn dân khí..." như nước chảy đông, cứ cuốn cuộn chảy đều khắp trong tỉnh, chỉ phải giúp đỡ một số nơi cần yếu, uốn nắn một số hành động không thích hợp.

Đúng như lời hẹn, đầu tháng 11-1907 Lê Ngung và Phan Long Bằng sau khi đi Bình Định và Quảng Nam về đã đến một nhà dân được bí mật bố trí sẵn ở làng Xuân Vinh (Hành Đức - Nghĩa Hành) cùng Nguyễn Bá Loan nghiên cứu sâu về vấn đề xấu, thuế. Hai ông cho biết vụ thuế vừa qua ở Quảng Nam và Bình Định cũng có tình hình bàn bạc, trao đổi, một số việc làm chống đối giống như ở Quảng Ngãi, riêng ở Quảng Nam phong trào còn sôi nổi hơn. Theo Lê Ngung cho biết, các ông Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng mà ông đã gặp, hình như đã trực tiếp chỉ đạo phong trào và đương vạch phương hướng chỉ đạo trong vụ thuế sắp đến.

Về thuế, sau khi nghiên cứu đối chiếu, ba ông đều thấy thực dân Pháp "bảo hộ" đã tăng thuế lên rất nhiều. Năm Đinh Dậu Thành Thái thứ 9 (1897), theo lệnh Pháp thuế một mẫu ruộng "thượng đẳng" từ 7 quan tiền (bằng 1 đồng bạc Đông Dương) tăng lên 1 đồng 5 hào, rồi năm nào cũng phụ gia mấy phần trăm. Đến lúc này đã lên đến 2 đồng 5 hào một mẫu. Các loại ruộng khác cũng đã có mức tăng tương tự, mức tăng đã

lên đến một lần rưỡi¹. Không dừng ở đó, chúng còn buộc phải nâng loại ruộng xấu lên thành "thuộc đẳng" để tăng thu, trong hoàn cảnh phương tiện canh tác vẫn nguyên như cũ. Thuế điền thổ tăng đánh vào những người có ruộng đất, làm cho lương thực khan hiếm, giá cả đắt đỏ làm điêu đứng các tầng lớp nhân dân, nhất là những người nghèo. Thuế dinh còn gọi là thuế thân đánh thẳng vào từng người dân ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi trước kia mỗi người chỉ đóng mỗi năm một quan tiền (tương đương 1 hào 4 xu), sau Pháp tăng lên 30 xu (ở Trung Kỳ) và cũng từ năm 1897 tăng lên 1 đồng 1 hào, rồi sau đó tăng lên 2 đồng 5 hào², và bắt buộc phải đóng thêm phần bổ khoán³. Đại bộ phận nhân dân đều cày thuê, cấy mướn, cơm củ chưa đủ tạm nuôi sống qua ngày, quần áo rách rưới không đủ ấm thân, lấy gì nộp đủ 2,5 và phần bổ khoán. Vì thế hầu hết phải chịu cảnh

1. Như bài về tố cáo thuế cao, xấu nặng:

Từ ngày "Bảo hộ" đáo lai

Thuế thêm đồng một, sưu sai thêm 4 ngày

Chẳng biết ai gian dối tâu bài

Hai đồng hai rồi lại gia thêm 3 hào.

2. Theo tài liệu của Vũ Ngọc Khánh in trong *Về yêu nước chống xâm lược*, Nxb Hà Nội; còn theo *Khuôn mặt Quảng Ngãi*, Phạm Trung Việt, 1973, tr. 183 là 3 đồng (?).

3. Cứ mỗi thôn xã chúng bổ sung mấy phần trăm ngoài danh sách dân hiện có, buộc các làng xã chia nhau nộp thêm cho đủ.

vay nặng lãi, bán lúa non và không ít người bán vợ, dợ con, rồi bán cả thân mình suốt đời ở dợ cho người giàu có. Ngoài ra chúng còn đặt ra hàng trăm thứ thuế gián thu mới như thuế muối, thuế rượu, thuế môn bài, thuế chợ..., tuy người dân không phải trực tiếp đóng, nhưng đúng như bài *Á tế á ca* đã phản ánh:

Làm cho thập thất cứu khung¹

Làm cho xơ xác khốn cùng chưa thôi

Còn về sưu (xâu), các ông Nguyễn Bá Loan, Lê Ngung, Phan Long Bằng đều hiểu rõ đây là loại tô lao dịch mà vua quan ngày trước bắt loại tráng đinh từ 18 - 60 tuổi phải đi, chỉ trừ một số miễn sai gồm quan lại, hào lý, người có khoa bảng và những người gọi là "miễn nhiều (diều) từ 61 tuổi trở lên. Nhưng năm 1884, sau khi Pháp chiếm nốt Trung Kỳ và ráo riết chuẩn bị kế hoạch khai thác và bòn rút nguyên liệu trên quy mô lớn ở Việt Nam, chúng đã buộc Nguyễn Trọng Hợp (đại diện cho Nam triều) ký một thoả ước quy định mỗi tráng đinh người Việt phải đi làm 48 ngày xâu mỗi năm. Quy định này đã bị nhân dân phản đối nhiều vì là đã phải đi làm không công với cơm nhà áo vợ, lại còn bị đánh đập, hành hạ của bọn cai thầu, bọn lính giám sát. Chúng cuối cùng đã phải quy định lại là chỉ đi 20 ngày, 28 ngày còn lại phải nộp 2 đồng 3 hào tiền chuộc để khỏi

1. Thập thất cứu khung: 10 nhà chỉ còn một, 9 nhà bị vợ vét đến không còn cái gì.

phải đi¹. Chúng dùng số xấu dịch này vào việc xây dựng sửa thành quách, dinh thự, đồn trại của chúng ở khắp nơi và đắp 9 con đường để phục vụ kế hoạch thống trị đàn áp và kế hoạch khai thác của chúng². Quả là "thuế quá cao", "xấu quá nặng", nhân dân bị vơ vét quá mức chịu đựng! Cả ba ông đều hiểu bị dẫm dạp thảm khốc đến thế này thì "giun cũng phải quăn", nhưng "quăn" như thế nào cho có kết quả, buộc kẻ dịch phải nhượng bộ, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân? Các ông nhất trí với nhau nên sửa câu thường nói của đồng bào "kháng thuế", "kháng sưu" thành "khất thuế, khất sưu" và định mức độ "giảm" và "bỏ" có khác nhau:

- Đòi giảm thuế điền thổ, thuế dinh và sưu dịch xuống mức nạp trước 1897.

1. Theo *Khuôn mặt Quảng Ngãi, Sđđ*, tr.183, chỉ viết chung là 3 đồng 6 hào.

2. Đó là các con đường:

- Mở rộng đường thiên lý cũ thành đường quốc lộ (quốc lộ 1 hiện nay)

- Quảng Ngãi đi Sơn Hà
- Quảng Ngãi đi Minh Long
- Thạch Trụ đi Giá Vụt
- Bình Sơn đi Trà Bồng
- Liên Trì đi Sơn Hà
- Quảng Ngãi đi Xa Kỳ
- Núi Bút đi Cổ Lũy
- Quảng Ngãi đi Thu Xà.

- Đòi bỏ các tạp thuế mới đặt ra (bãi miễn chur tạp thuế).

Các ông thống nhất ý kiến với nhau là không nên làm gì trái với quyết định của Tỉnh Hội, nếu nơi nào quân chúng tổ chức chống xâu, thuế thì Hội sẽ kịp thời góp ý, uốn nắn ngay từ đầu, đừng để đến khi xảy ra việc không hay mới góp ý, uốn nắn.

Lê Ngung chịu trách nhiệm liên hệ với các vị chủ trì của Hội ở hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh truyền đạt nội dung trên. Phan Long Bằng cũng với nhiệm vụ như vậy ở hai huyện Mộ Đức, Đức Phổ. Còn Nguyễn Bá Loan chịu trách nhiệm hai huyện Tư Nghĩa và Nghĩa Hành.

Nhân những ngày tết Mậu Thân (1908) - tết cổ truyền của dân tộc - cái thiếu, cái đói, các khó khăn lại được phơi bày ở khắp nơi, đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến mọi người quan tâm bàn bạc đến sưu cao, thuế nặng. Chưa đến vụ thuế, mọi người đã lo lắng đến mất ăn mất ngủ và thiết tha tìm con đường giải thoát. Cũng vì thế trong ngày xuân đi lại thăm hỏi nhau, một số hào lý, chức sắc thường qua lại tỉnh thành, nhân đến thăm ông Lê Tựu Khiết ở hiệu Quảng Trí bán thuốc Bắc ở phía tây thành tỉnh (cũng là một cơ sở của Hội Duy Tân) than vãn về sưu cao thuế nặng, ông Lê Tựu Khiết vừa bàn vừa góp ý:

- Thuế khoá, xâu dịch thì thời nào cũng có, không đi, không nạp chắc không xong. Nhưng sưu cao thuế nặng thì xin giảm. Một người đi xin không được thì

nhiều người cùng đi xin, xin mãi ắt phải được¹.

Ý kiến của ông Lê Tựu Khiết² từ đó được lan rộng ra, đồng bào khắp nơi truyền cho nhau kèm theo những lời bàn, không còn biết đâu là thực, đâu là hư. Nào là

1. Dựa theo tư liệu *Tìm kiếm các phong trào... Sđd*, tr.60.

2. Ông Lê Tựu Khiết hiệu Dương Phong, tự Huy Thanh, sinh ngày 21-6 Đinh Tý (19-7-1857), con trai Tuấn Phú Lê Diễn quê ở An Ba (xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi) nên thời ấy thường gọi ông Khiết là ông An Ba. Ông đỗ cử nhân năm Nhâm Ngọ, làm quan đến chức bố chánh, rồi tán tương quân vụ Sơn phòng dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Thân. Những năm 1885-1895 ông đã buộc phải theo Nguyễn Thân đánh dẹp phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định và Nghệ Tĩnh, bị Phan Bội Châu trong *Việt Nam Vong quốc sử* gọi là "tên chó đĩ". Đọc được câu viết của Phan Bội Châu, chẳng những ông không giận mà tỏ ra ăn năn hối lỗi. Ông bỏ quan về nhà làm thầy thuốc và buôn thuốc Bắc, và tích cực tham gia phong trào Duy Tân, lập thương hội Quảng Trí, và khi phong trào khởi sự thuế lên mạnh ông được cử vào ban lãnh đạo. Phong trào bị đàn áp, thực dân Pháp bắt ông và Nguyễn Bá Loan xét tội và ngày 24-4-1908 cả hai ông bị chúng xử tử. Trước khi bị chém, Lê Tựu Khiết đã khẳng khái nói: "Cái vết nhơ của thân ta nửa đời trước nay được đem dòng máu ở cổ này chảy ra rửa sạch, thật là điều vinh hạnh cho ta". Sau khi ông mất, Phan Bội Châu làm thơ viếng ông. Đặng Bính Đoàn trong *Việt Nam nghĩa liệt sử* đã ca ngợi khí tiết của ông. Sau Cách mạng Tháng Tám, trường phổ thông trung học đầu tiên của tỉnh được vinh dự mang tên ông: Trường Lê Khiết.

ông bố Khiết là người của Hội Duy Tân nên chắc đó là ý kiến của Hội. nào là ông bố Khiết đã làm quan nhiều năm hiểu biết nhiều về quan trường, biết đâu ý ông cũng là ý của quan trường. nào là ý ông bố Khiết là đúng, "con không kêu thì làm sao biết để cho bú". Trong khi khắp nơi đang bàn bạc thì nghe tin phong trào kháng sưu ở Quảng Nam đã nổ ra và lan rộng khắp tỉnh lại càng làm cho mọi người náo nức. Ngày 21-2 Mậu Thân (23-3-1908), dân làng An Điểm (Bình Sơn) và cả lý hương họp lại ở làng bàn nhau việc kéo về tỉnh thành xin giảm sưu thuế. Lê Ngung nghe tin đến ngay và ngạc nhiên khi biết mọi người tổ chức nhau lên tận tỉnh thành chứ không phải kêu xin ở địa phương. Nhưng khi tìm hiểu biết quần chúng đã quyết tâm, đã làm đơn xin, có cử người đại diện, biết không ngăn được, Lê Ngung chỉ góp thêm ý kiến về thuế nào xin giảm thuế nào xin bỏ và việc cần tổ chức ăn uống khi lên tỉnh thật chu đáo. Thế là ngày 22-2 Mậu Thân (24-3-1908) 400 dân làng An Điểm với mo cơm, gói muối mè, mặc quần áo rách rưới, đội nón cời ôn hoà hợp pháp kéo nhau lên tỉnh xin giảm thuế. Bọn lính canh cổng thành ngăn không cho vào, chờ xin ý kiến lệnh quan. Sau một lúc, một người lính ra truyền đạt mệnh lệnh: chỉ cho ba người vào nộp đơn và trình bày. Khi ba người vào đến dinh Công sứ, không thấy công sứ đâu, chỉ có lệnh là tịch thu đơn, bắt giam cả ba người chờ tra cứu, đồng thời truyền lệnh cho quần chúng phải giải tán. Dân chúng chờ đợi, kêu ca ngoài cổng thành suốt

ngày không có hiệu quả gì, cơm nước bị hết đành kéo nhau trở về. Thái độ hách dịch của công sứ Daudet lan truyền đi khắp nơi và thổi bùng lên lòng căm thù của quần chúng. Ngày 23-2 Mậu Thân (25-3-1908) dân ba phủ huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa có đến 1.500 người¹ kéo về tỉnh, vẫn với thái độ ôn hoà với kiến nghị tha thiết xin:

- Giảm sưu, giảm thuế.
- Thả ba người bị bắt hôm trước.

Công sứ Daudet ra lệnh bắt giam cả 10 người đại diện cho ba phủ huyện cầm đơn vào tận dinh, đồng thời ra lệnh đóng các cửa thành, mặc cho 1.500 con người kêu gào, la ó ở ngoài thành cho đến mãi hôm sau. Quần chúng lại bắt đầu nao núng, vì kẻ thù thì im lặng, chưa lường hết âm mưu, còn cơm, ống nước lại đã hết, có đoàn đã bỏ cuộc kéo nhau về.

Ngay từ sáng 24-4 Mậu Thân, Nguyễn Bá Loan đã cải trang len lỏi về gần tỉnh thành. Ông được cơ sở của Hội ở đây đưa đến ở nhà Nguyễn Thượng Huyền để theo dõi nắm tình hình. Nghe các cơ sở báo cáo, Nguyễn Bá Loan biết rõ phong trào đã thu hút đủ mọi tầng lớp, có cả lý hương, điển chủ, nhưng nòng cốt thường là các "nhóm đồng bào" ở các trường, các thôn xã; đồng thời ông cũng thấy được nhược điểm của phong trào là không lượng định được âm mưu giữ im lặng kéo dài, buộc quần chúng phải tan vỡ vì thiếu ăn

1. Theo con số của *Quảng Nghĩa tỉnh chí, Sđd*, tr.48.

thiếu uống của kẻ thù. Để cứu cấp ngay phong trào, Nguyễn Bá Loan cho người đến liên hệ với các đoàn yêu cầu phải về quê hưởng mang thêm lương thực đến ngay. Mặt khác, Nguyễn Bá Loan bàn với cơ sở hội tại tỉnh thành vận động đồng bào xung quanh quyền góp cơm gạo giúp các đoàn và cho những người yếu mệt, ốm đau nằm nghỉ tạm. Nhờ thế quần chúng dần dần ổn định, giữ được khí thế đấu tranh. Sáng ngày 25-2 Mậu Thân (27-3-1908) dân các phủ huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa tiếp tục kéo về tỉnh vừa bổ sung lực lượng, vừa mang lương thực tiếp tế cho số trước. Một số dân của Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ cũng bắt đầu kéo đến. Thế là quần chúng, dù mặt các phủ huyện, khí thế lại bùng bùng sôi nổi hơn trước. Mọi người bao vây chặt các cổng thành, phân tán rải rác gần sát mép thành, che trại dọc theo lề hào xung quanh thành. Tiếng hô, tiếng gào thét đòi mở cửa thành để nộp đơn; yêu cầu giảm sưu, giảm thuế; yêu cầu thả những người bị bắt văng lên liên tục.

Thấy chính sách khủng bố phủ đầu không dọa nổi quần chúng, và âm mưu dùng biện pháp kinh tế buộc quần chúng phải tự tan rã đã thất bại, đầu buổi chiều hôm ấy công sứ Daudet buộc phải gặp những người đại diện và tuyên bố:

- Đồng ý thả những người bị bắt trong hai ngày trước.

- Tiếp nhận đơn từ, kiến nghị của dân và báo cáo về toà Khâm và Nam triều giải quyết, vì thuế xâu là việc của cấp trên, "quan sứ" ở tỉnh không có quyền.

- "Quan sử" hứa sẽ trả lời đầy đủ khi có quyết định của cấp trên, nhưng với điều kiện: mọi người phải giải tán, ai về quê nấy.

Thế là kẻ địch đã chịu thương lượng. Những người đại diện yêu cầu thả ngay những người bị bắt để được cùng về, còn việc quần chúng giải tán hay không là do quần chúng quyết định, các đại biểu sẽ về báo cáo với quần chúng để quần chúng quyết định, kết quả thế nào sẽ báo tin trở lại.

Công sứ Daudet không chịu, đòi đảm bảo chắc chắn việc quần chúng giải tán, hẳn mới nghe. Cuộc tranh luận lại nổ ra, Daudet lấy lý do không phải chờ các đại biểu về, nếu đồng ý thì Daudet sẽ cho loa trên khắp mặt thành là các đại biểu đã đồng ý việc "quần chúng phải tự giải tán", không phải hẹn, phải trả lời mất thì giờ. Các đại biểu cũng nói rõ những lý lẽ của mình: Chỉ là đại biểu của quần chúng thì có quyền gì mà gọi là "đồng ý việc quần chúng phải tự giải tán". Các ông thông báo bữa như vậy thì quần chúng không tin, không nghe đâu. Còn việc "quan sử" ngại việc hẹn sợ mất thì giờ thì chính "quan sử" là quan chủ tình quyết định mọi việc, mà còn hẹn chờ xin ý kiến của cấp trên mới giải quyết yêu cầu của quần chúng. Thế là "quan sử" có quyền hẹn, còn các đại biểu không có quyền hẹn hay sao?

Không rõ người thông ngôn phiên dịch lại thế nào mà các đại biểu thấy mặt Daudet từ từ xanh tái lại, ngồi lặng thình một hồi lâu, rồi đứng dậy ra lệnh cho

những tay chân xung quanh, sau đó đi thẳng vào phòng trong, như có vẻ trốn chạy. Người thông ngôn phiên dịch lại: "Quan sứ" đồng ý thả những người bị bắt, các đại biểu ra về nhưng nhớ là phải báo cáo sớm.

Một thoáng sau những người bị bắt hai hôm trước đã được bọn lính đưa đến đủ mặt, và đoàn đại biểu gần 30 người vui vẻ, phấn khởi cùng nhau kéo ra cổng thành. Nghe các đại biểu báo cáo lại, từng nhóm quần chúng nhảy lên reo hò thắng lợi. Hết chỗ này đến chỗ khác, lần lượt cười đùa hò reo đều khắp xung quanh thành. Nhưng rồi hình như chỗ nào cũng đều nhận ra âm mưu trì hoãn cho qua việc của kẻ thù nên lại la hét: "Không giải tán" "Không giải tán", "Yêu cầu giảm xâu, thuế", "Yêu cầu giảm xâu, thuế". Một luồng sức mạnh truyền cho nhau quyết tâm đấu tranh đến cùng, và sự nhất trí "Không giải tán" được hô vang đồng loạt khắp chung quanh thành, như một câu trả lời tập thể của mọi người với tên công sứ.

Theo dõi chặt chẽ sự kiện vừa xảy ra, và nghe kể lại đầy đủ cuộc tranh luận giữa các đại biểu với viên công sứ, Nguyễn Bá Loan thật sự xúc động trước tinh thần đấu tranh và ý chí kiên quyết của quần chúng. Họ phân biệt rõ ràng đâu là thắng lợi, và đâu là âm mưu lừa phỉnh của kẻ thù. Điều đáng vui mừng hơn cả đối với Nguyễn Bá Loan là tuy không có người lãnh đạo chung, nhưng mỗi phủ huyện đều cử được những đại diện nhiệt tình, quyết tâm, và họ biết liên hệ chặt chẽ với nhau trong từng chủ trương một. Rõ ràng khi dân

trí được mở mang, dân khí được nâng cao, quần chúng sẽ làm được tất cả, nếu có người lãnh đạo giỏi. Nguyễn Bá Loan cố hỏi tên những người đại biểu đã tranh luận với viên công sứ, quyết tâm sẽ tìm hiểu cho được, vì theo ông những người này thật xứng đáng là trí tuệ của quần chúng. Họ biết chỗ nào phải cứng rắn, chỗ nào cần nhún nhường, họ thông minh và lý lẽ thật tuyệt vời, biết dựa vào lý lẽ của kẻ thù để bẻ gãy âm mưu của kẻ thù, dồn chúng vào thế thua, nhưng buộc chúng nếu còn biết giữ chút thể diện nào đó thì phải thực hiện những gì mình đã hứa. Không có sự bình tĩnh gan dạ dẫm lược, đầu óc sáng suốt trước kẻ thù đang trong tư thế kẻ mạnh thì không làm được việc đó, Nguyễn Bá Loan thậm chí vui mừng với ý nghĩ: thế hệ mới đâu có ít người tài giỏi.

Biết quần chúng đã tạm thời ổn định, đã giải quyết được lúng túng ban đầu về ăn uống, tốp mới kéo đến thay cho tốp cũ quay về, người ốm đau, yếu sức đã được giải quyết, khí thế đang phấn khởi sôi nổi, Nguyễn Bá Loan yên tâm định quay về Tĩnh Phú. Nhưng chợt nhớ ra còn một việc cần góp ý nên phải dừng lại, ông cử người của Hội đến gặp người phụ trách từng đoàn trao đổi nội dung trả lời về lý do "Không giải tán" để vừa tỏ ra sự mềm dẻo, vừa tránh được sự phản ứng không nên có ở phía kẻ thù. Không giải tán vì còn chờ sự trả lời của công sứ như lời công sứ đã hẹn. Công sứ có dây thép (điện thoại) chỉ cần công sứ "đánh" hỏi cấp trên trong một vài giờ, khi được trả lời là giảm thuế, giảm

xấu, quần chúng xin tự giải tán ngay. Chờ những người đi truyền tin về thông báo lại sự đồng tình của quần chúng, gần trưa ngày 28-2 Mậu Thân (30-3-1908) Nguyễn Bá Loan mới yên tâm ra về. Về đến cánh đồng Dinh (thuộc hợp tác xã Bình Phú - thị trấn Chợ Chùa hiện nay) thì gặp nhân dân các xã ở Nghĩa Hành đang kéo xuống, có cũi khiêng trị huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoành đi theo. Nguyễn Bá Loan hỏi ra mới biết ý đồ khiêng trả cho tỉnh. Quả là gặp việc bất ngờ! Bọn quan lại các phủ, huyện khác đều đã chạy về tỉnh từ ngày 25-3-1908¹, sao tên này lại còn lọt lại đây? Tên Nguyễn Hoành thì chẳng ai lạ gì, hách dịch, hiếu sắc, bị nhân dân căm ghét, nhưng sao lại bỏ vào cũi mà khiêng? Làm thế chẳng đem lại lợi ích gì cho quần chúng mà gây sự ác cảm của nhiều người đối với phong trào, đó là chưa kể sự phản ứng có thể dữ dội của bọn thống trị. Nghe Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương - học trò của ông, cũng đi trong đoàn - báo cáo sự phản nộ, và hành động quyết liệt không ngăn chặn được của quần chúng, Nguyễn Bá Loan thấy rõ là không thể làm trái ý của quần chúng đang bùng bùng khí thế đấu tranh, nên ông chỉ yêu cầu bỏ cũi, để Nguyễn Hoành tự đi, và dặn riêng hai người: giải thích, ngăn ngừa đừng cho đánh đập, nhục mạ Nguyễn Hoành. Chờ cho đến lúc Nguyễn Hoành bước ra khỏi cũi, cùng đi trong đám quần chúng, Nguyễn Bá Loan

1. *Quảng Ngãi tỉnh chí, Sđđ*, tr.47, viết: Các phủ huyện đều chạy về tỉnh cả.

mới thả dài tiếp tục về Tỉnh Phú với nhiều bản khoán trong lòng. Thế là hành động quá khích đã xuất hiện và không ở đâu xa, ngay ở nơi mình phụ trách thì ở các huyện khác làm sao tránh khỏi những hành động tương tự.

Mà kẻ thù thì chỉ chờ một cái cớ vu vơ nào đó để đàn áp không tiếc tay nhằm phá tan phong trào đấu tranh của quần chúng, như vụ đàn áp cuộc kháng thuế của nhân dân Quảng Nam vừa mới cách đây mấy hôm. Thiếu sự lãnh đạo trực tiếp để phong trào đi đúng hướng thật là nguy hiểm!. Từ sự suy nghĩ bản khoán đó, Nguyễn Bá Loan quyết định cho người mời các vị trong Tỉnh Hội bí mật về họp tại hiệu Quảng Trí, cơ sở Hội gần thành tỉnh.

Trong lúc đó, ngày 28-2 Mậu Thân (30-3-1908) số người kéo về tỉnh tham gia đấu tranh tăng thêm gấp bội và bắt đầu dán các "Yết thị", lúc đầu mới chỉ một vài nơi, về sau dán khắp nơi với nội dung sau đây:

a) Về thuế xâu:

- Yêu cầu giảm thuế điền, thổ. Kiến nghị thu y như năm Thành Thái thứ 8 trở về trước¹ và giảm thu "Bách phần chi bát" (khoản phụ gia 8%).

- Thuế đình và xâu cũng kiến nghị thu y như năm Thành Thái thứ 8.

- Bãi miễn các hạng tạp thuế (như rượu, muối).

1. Không phải năm Thành Thái thứ XI, như "Tìm hiểu các phong trào..." Sđd, tr.68.

b) Về xử trị những người có tội với dân:

Khoản 1: Cản chánh Nguyễn Thân là cực phẩm triều đình mà không có chút lương tâm, cướp đoạt mạng sống của đồng bào, làm điều tình tệ, nay dân sáu phủ huyện yêu cầu tỉnh toà đem Nguyễn Thân về tỉnh xét trị.

Khoản 2: Tuấn vũ Lê Từ là người tham của, thích gái, bắt nạt dân thường, nay dân sáu phủ huyện yêu cầu xét trị¹.

Đến chiều, đoàn Nghĩa Hành kéo đến, dẫn Nguyễn Hoàn đến cửa tây giao cho lính canh cửa và một tờ giấy viết bằng chữ Hán yêu cầu đem nộp cho quan sứ. Nội dung đó được sao chép lại cũng dán ở khắp nơi, hợp thành ba khoản¹.

1. Nguyên văn chữ Hán

- Đề nhất khoản: Cản chánh Nguyễn Thân, vi cực nhân thân, nhị tư cách toàn vô nhứt điểm lương tâm, lảng vũ đồng bào huyết mạch, tình tệ đa đoan. Tư lục phủ huyện nhân dân đảng yêu cầu tỉnh toà đài tải Nguyễn Thân để đường suy trị.

- Đề nhị khoản: Tuấn vũ Lê Từ vi nhân tham tài, hiếu sắc, hích truật thường dân. Tư lục phủ huyện nhân dân yêu cầu nghị trị. Lê Từ sau đó bị đổi đi nơi khác như *Quảng Nghĩa tỉnh chí* đã ghi: "... Khi ấy quan Tuấn vũ và quan Án sát bị đổi", tr.47.

- Đề tam khoản: Nghĩa Hành huyện viên Nguyễn Hoàn vi nhân kiêu ngạo, khinh vũ đồng bào, nhục mạ toàn dân. Tư ân đài hội giao tỉnh toà nghị trị.

Khoản 3: Tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoàn là người kiêu ngạo, khinh rẽ đồng bào, mắng chửi toàn dân, nay xin khiêng về giao cho tỉnh toà xét trị.

Thấy cuộc đấu tranh của quần chúng ngày càng có tổ chức, bên yêu cầu giảm sưu, thuế lại có cả việc đòi phế bỏ, đòi trừng trị quan lại trong bộ máy thống trị, công sứ Daudet hoảng sợ điện ngay về Huế xin Khâm sứ cho tăng viện về quân sự và cho ý kiến chỉ đạo. Không rõ Khâm sứ chỉ đạo như thế nào đó mà ngày 29-2 Mậu Thân (31-3-1908) công sứ Daudet ra lệnh đóng chặt cửa thành, điều lính lên canh giữ nghiêm ngặt trên mặt thành với súng ống đầy đủ và sẵn sàng nhắm đạn vào đám quần chúng ở bên ngoài thành. Mặt khác, hấn cho rao loa bắt buộc dân chúng phải giải tán tất cả, sau đó quan sứ mới tiếp những người đại diện để giải quyết những yêu cầu của quần chúng, còn kèm theo lời đe dọa "nếu khinh động sẽ bị trừng trị đích đáng". Nhưng hấn càng đe dọa, dân chúng càng phẫn nộ, gào thét đòi phải giải quyết ngay các yêu cầu.

Không khí diễn ra căng thẳng, quyết liệt trong hai ngày liền. Chiều ngày 1-4-1908 (ngày 1-3 Mậu Thân), có lẽ do tình trạng thiếu thực phẩm, thiếu các nhu cầu sinh hoạt của các gia đình quan lại, binh lính trong thành, Công sứ Daudet phải xuống thang chịu nhận tiếp sáu đại biểu của sáu phủ huyện. Sáu đại biểu tập trung lại công tây, lính canh mở cửa đưa thẳng vào toà công sứ. Daudet ngồi ở bàn làm việc, một tiểu đội lê

duong lưới lê sáng loáng trên đầu súng đứng gác hai bên. Các đại biểu vừa bước vào phòng, Daudet đã nói một thôi, một hồi bằng tiếng Pháp. Tên thông ngôn phiên dịch lại từng đoạn một, thành từng điều khoản:

1. Về thuế, xâu quan Khâm sứ ở Huế còn đang nghiên cứu và còn phải bàn với Nam triều, chưa có quyết định cụ thể ngay được. Dân giải tán về quê làm ăn, lúc nào có lệnh ân giảm, quan sứ sẽ tư về tận nơi, không phải đi lại mất công.

2. Ông Nguyễn Thân là quan to, dân phải kêu kiện ra Lục bộ và viện Cơ mật thì mới giải quyết được. Quan sứ không có quyền. Tuần vũ Lê Từ có lỗi thì quan sứ sẽ đổi. Tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoàn tỉnh sẽ giữ lại xét xử.

3. Quan sứ có nhiều súng đạn, nhưng thương dân nên không nỡ ra lệnh bắn. Dân cũng phải biết điều tuân thủ, đâu ở đó không được khinh động. Ai trái lệnh sẽ bị bắn chết. Quan sứ sẽ cho mở cửa thành để tiện xe ngựa đi lại. Dân chúng phải tránh đường. Ai cản trở sẽ bị nghiêm trị.

Các đại diện để đạt yêu cầu giảm thuế nhanh, xử trị ngay những người có lỗi. Thông ngôn dịch lại, nhưng Daudet chỉ lắc đầu rồi đứng dậy đi vào phòng trong không ra nữa. Các đại diện muốn chờ, nhưng bọn lính thúc phải ra. Các đại diện chưa ra đến cổng thì loa đã thông báo đầy đủ nội dung sứ Daudet vừa nói và cổng thành cũng mở toang, có hàng tiểu đội lính khố đỏ lưới

lê cắm sẵn trên đầu súng, làm làm chĩa về phía trước canh gác.

Dân chúng thấy địch tuy có chịu lùi một bước, chịu tiếp đại diện, chịu chấp nhận yêu cầu xử trị quan lại có lỗi, nhưng yêu cầu chính giảm sâu thuế thì chúng vẫn ngoan cố viện mọi lý do để chây bừa, nên đã không giải tán; những ngày 2, 3, 4 tháng 4 năm 1908 tiếp theo, nhân dân các phủ huyện tiếp tục kéo về bao vây tỉnh thành, con số lên đến mấy vạn người¹.

Ngày 3-3 Mậu Thân (3-4-1908), đúng theo kế hoạch triệu tập, các nhà lãnh đạo Hội Duy Tân là Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong, Nguyễn Đình Quảng, Phạm Cao Chảm, Lê Đình Cơ, Lê Ngung, Lê Tự Khiết, Phạm Tiên (Sơn Tịnh), Phạm Mỹ (Tư Nghĩa), Phan Long Bằng... bí mật về hiệu Quảng Trí - hiệu thuốc bắc do ông Lê Tự Khiết đứng cai quản - để họp. Nhưng vì hiệu Quảng Trí quá gần cổng thành phía tây, dân chúng các phủ huyện lại kéo về quá đông, lều trại dựng tạm chen chúc nhau, bộn mật thám, ma tà cái trang luồn vào dân rất khó phát hiện làm cho việc bảo mật vô cùng khó khăn. Do đó, cuộc họp phải chuyển đến nhà Nguyễn Thượng Huyền là một hội viên của Hội, trước đó cũng từng là địa điểm họp hay nơi gặp gỡ, tạm trú của các hội viên của Hội,

1. Theo *Tìm hiểu các phong trào...*, *Sđd*, tr.69, con số "lên đến độ 10 vạn người".

nơi đây¹ xa công thành, im lặng và kín đáo hơn.

Nguyễn Bá Loan chủ trì cuộc họp.

Về tình hình, do mọi người theo dõi sát tình hình chung và từng địa phương nên cuộc họp nhanh chóng nhất trí với nhận định:

- Phong trào đấu tranh của dân chúng đã bước đến cao trào, có đủ các tầng lớp xã hội tham gia, có sự phối hợp tốt giữa mặt trước và mặt sau. Quần chúng dần dần được tổ chức chặt chẽ, thống nhất, buộc kẻ địch phải xuống nước, chịu thương lượng. Dân chúng đang phấn khởi với một số thắng lợi.

- Kẻ địch có ít nhiều nhượng bộ vì nhiều lẽ. Trước tiên vì phong trào đấu tranh quyết liệt của quần chúng; vì bọn quan lại tay sai quá xấu xa đang bị quần chúng rất căm ghét; và vì một lẽ nữa là chúng đang phải dồn sức đàn áp phong trào kháng thuế ở tỉnh Quảng Nam.

Tuy vậy dấu hiệu phản ứng quyết liệt đã lộ rõ qua ba hành động:

a) Tung bọn tay sai đi khắp nơi xuyên tạc nói xấu phong trào, điều nguy hiểm là cố chia rẽ các tầng lớp xã hội; dựa vào một số hành động quá khích của quần

1. Theo hồi ký của cụ Nguyễn Công Phương thì Nguyễn Thượng Huyền sau đó làm phản, khai hết mọi người trong cuộc họp, đưa đến việc bọn thống trị cho bắt Lê Tự Khiết, rồi Nguyễn Bá Loan ngày 7-4-1908, chứ không phải do ông Lê Tự Khiết đã đem hết mọi chủ trương của Hội Duy Tân Quảng Nghĩa đã bàn 3-4-1908 nói lại với lãnh binh Phạm Kế Năng... Xem: *Tìm hiểu phong trào yêu nước, Sđd*, tr 71.

chúng ở một số nơi, chúng lôi kéo số diễn chủ và lý hương tách ra khỏi phong trào đấu tranh.

b) Điều quân, bố trí lại lực lượng, như chuyển quân ba đồn đến địa điểm mới: chuyển đồn Làng Rí về An Hoà, đồn Ba Tư về Vạn Lý, đồn Minh Long về Phú Lâm (Nghĩa Hành)¹ để khống chế và uy hiếp phong trào.

c) Tin tức trong thành cho biết chúng đang chờ lính lê dương khố đỏ của Khâm sứ điều từ Quảng Nam vào. Trong lúc đó chúng tăng cường quân lực trên mặt thành, củng cố các chốt ở góc thành, điều lính ở Tri Bình (Bình Sơn) về đóng ở Quán Cơm (thị trấn Sơn Tịnh), ở Phú Vinh về chốt ở Ông Bó (thuộc xã Quảng Phú hiện nay) và đồn Trung Hoà (Mộ Đức) về chốt ở núi Thiên Bút. Tình hình trên đã diễn ra trong hai ngày vừa qua, cần phải có kế hoạch để đối phó.

- Phong trào đấu tranh của dân chúng vẫn nằm trong tình trạng đơn độc. Các phủ huyện ở trung châu phong trào tương đối đều, nhưng đều tập trung vào điểm ở thành tỉnh, nếu bị đàn áp sẽ bị tan vỡ ngay với những tổn thất hết sức nặng nề. Các đồn, châu ở miền núi phong trào đấu tranh của bà con dân tộc thiểu số lên xuống thất thường, thiếu sự phối hợp, liên kết, chưa tạo được thế nương tựa vào nhau. Quảng Nam đang bị địch đàn áp khốc liệt, Bình Định vẫn chưa nổi lên được.

Tình thế đã ở vào thời điểm nghiêm trọng nhất, cần

1. Theo tư liệu của *Quảng Nghĩa tỉnh chí, Sdd*, tr.42.

có sự lãnh đạo kịp thời để duy trì được phong trào đấu tranh của quần chúng, hạn chế bớt tổn thất nếu kẻ địch ra tay đàn áp. Cuộc họp cũng nhanh chóng thống nhất các chủ trương:

1. Giữ vững cuộc đấu tranh ở tỉnh thành, tổ chức tốt hơn việc đi về, thay thế người; sắp xếp việc tiếp tế lương thực, tổ chức việc ăn uống để tránh bớt số ốm đau, cảm mạo vì nắng gió; tổ chức việc điều trị, cấp cứu để phòng địch đàn áp.

Về yêu cầu đấu tranh cuộc họp đã điều chỉnh lại như sau:

Về thuế:

- Thuế điền thổ vẫn giữ theo mức yêu cầu trước.
- Thuế đình trước đòi giảm, nay đòi bỏ.
- Các tạp thuế đều bãi bỏ.

Về sưu trước đòi bỏ, nay đòi giảm xuống 15 ngày trong một năm.

Nêu thêm một số yêu cầu khác:

- Đòi tự do lập thêm trường học mới, đơn giản việc xin phép mở trường.
- Được tự do lập hội nghề nghiệp, buôn bán.

2. Dựa vào kinh nghiệm của một số nơi như Bình Sơn, Nghĩa Hành, phát động mọi tầng lớp nhân dân ở từng thôn xã tập trung nhau lại ở đình, chùa, đánh trống mõ, hò reo đòi giảm thuế, giảm sưu, phổ biến thơ ca, hò vè, tuyên truyền việc xoá bỏ các hủ tục, vừa phát động phong trào quần chúng rộng khắp, sâu sắc hơn, vừa thanh viện cho cuộc đấu tranh ở tỉnh thành, ngăn chặn

bớt việc dịch tập trung lực lượng đàn áp vào một nơi.

3. Giao cho Hội Đức Phổ liên hệ với Đình Đoàn, Đình Dầu ở Ba Tơ; huyện Nghĩa Hành liên hệ với Đình Tâm ở Minh Long, huyện Sơn Tịnh liên hệ với Đình Tôm ở Sơn Hà để bàn việc phối hợp cùng trung châu nổi lên đấu tranh chống xấu, thuế. Đặc biệt cử Phan Long Bằng và Lê Đình Cơ tổ chức một lực lượng thanh niên kéo vào Bình Định, đến huyện nào cũng phát động quần chúng nổi dậy, tạo cho phong trào đấu tranh mở rộng trong toàn tỉnh; cử các ông Lê Ngung¹, Trần Kỳ Phong² đi Quảng Nam bàn bạc việc duy trì phong trào đấu tranh để tạo thế thanh viện cho nhau.

1. Lê Ngung (?-1916) người làng Đông Phước (Bình Thành - Bình Sơn). Năm 1906 tham gia Duy Tân Hội, 1907 được chọn đi xuất dương bị lộ, phải ở lại. Ông được cử cùng Trần Kỳ Phong đi Quảng Nam bàn việc duy trì phong trào kháng thuế ở đây để hỗ trợ cho phong trào Quảng Ngãi. Nhưng bị địch vây bắt, ông phải trốn trong nhà nhân dân. Đến ngày 23-10-1908 thì bị địch bắt ở Hội An, kết án tù 6 năm- Hết tù ông về tham gia phong trào Việt Nam quang phục Hội. Phong trào thất bại ông tự sát năm 1916.

2. Trần Kỳ Phong (1872-1941) quê Châu Me (Bình Châu-Bình Sơn), đỗ tú tài năm Mậu Tý (1888) lúc 17 tuổi. Dạy học, rồi tham gia phong trào Cần Vương do Trần Du lãnh đạo (1896). Gặp Phan Bội Châu, cùng nhiều người lập hội đồng bào (Duy Tân) ở Quảng Ngãi. Tham gia phong trào kháng thuế, được cử đi Quảng Nam cùng Lê Ngung và cùng bị bắt ở Hội An, bị kết án tử hình, sau đổi thành khổ sai chung thân, năm 1909 bị đày đi Côn Đảo. Gấu già mới được về quê, lại tham gia phong trào Mặt trận Bình dân (1937-1938). Mất tại quê nhà.

4. Nhưng đến việc cử người đứng ra trực tiếp lãnh đạo phong trào thì có nhiều ý kiến khác nhau. Một số cho rằng đã có phong trào và ở phủ huyện nào cũng do người của Hội làm nòng cốt nên không cần có ban lãnh đạo chung nữa. Số đông lại thấy cần thiết có ban lãnh đạo chung để dẫn dắt quần chúng đấu tranh thật đúng hướng, ngăn chặn những hành động quá khích gây tổn thất cho phong trào. Lê Tựu Khiết là người phát biểu hăng hái nhất và có nhiều lý lẽ sắc bén nhất đối với chủ trương này. Cuối cùng cuộc họp cử các ông Lê Tựu Khiết, Nguyễn Bá Loan, Phạm Tuấn (Tĩnh Hoà - Sơn Tĩnh), Phạm Mỹ (Nghĩa Trang - Tư Nghĩa) vào ban lãnh đạo cuộc đấu tranh; cử ông Nguyễn Công Phương (Hoà Vinh - Nghĩa Hành) phụ trách việc liên lạc giữa các thành viên trong ban lãnh đạo. Địa điểm liên lạc đặt tại nhà đội Trường và nhà Ký Sự¹.

Cuộc họp đã kết thúc trong không khí khá căng thẳng lúc trời đã tối. Các đại biểu nhân ban đêm đã ra về kín đáo, an toàn. Những người được phân công đi các ngã cũng cấp tốc lên đường trong đêm ấy.

Ngày hôm sau, được chỉ đạo trực tiếp của ban lãnh đạo, hàng ngũ dân chúng các phủ huyện đang bao vây thành tỉnh được sắp xếp có nề nếp, có phân công, phân nhiệm rõ ràng hơn. Các yêu cầu được viết thành những yết thị lớn cả bằng chữ Hán, cả bằng chữ Quốc ngữ treo dân khắp nơi, một số được ném lên mặt thành và yêu

1. Không rõ tên họ, viết theo tự thuật của cụ Nguyễn Công Phương.

câu lính nộp cho Công sứ. Đặc biệt, lần này phong trào quần chúng nổi dậy đều khắp ở các làng xã, trong *Quảng Nghĩa tỉnh chí* của Nguyễn Bá Trác đã viết: "Ở thôn quê lại còn náo nhiệt lắm... lần này cả tỉnh đều nổi lên, dân chúng tự do nhóm họp ở các đình, chùa, đánh mõ, đánh trống luôn ngày, luôn đêm...". Khí thế như trời long đất lở, bọn thống trị thực dân phong kiến chơi vơi như nằm trong biển lửa. Công sứ Daudet thực sự hoảng sợ, vừa tăng thêm lực lượng trên mặt thành, súng đạn lăm lăm chia ra ngoài thành, vừa điện báo khẩn cấp cho Khâm sứ Trung Kỳ điều động nhanh đội lính khố đỏ vào (đã điện xin ngày 27-3-1908, đơn vị này đang trên đường đến Quảng Ngãi) và yêu cầu gửi ngay vào Quảng Ngãi một đại đội lê dương với vũ khí đầy đủ để cứu viện. Mặt khác chúng tung thêm bọn mật thám dò tìm cụ thể các cốt cán chỉ đạo phong trào ở từng phủ huyện, đặc biệt là dò tìm người lãnh đạo chung- người đã tạo cho phong trào có sự thống nhất, có tổ chức chặt chẽ trong hai ngày vừa qua - mà chúng vừa đánh hơi được. Qua kiểm tra và phân loại, tối ngày 5-4-1908 chúng phát hiện thấy thái độ hoảng hốt, khiếp sợ của Nguyễn Thượng Huyền, liền đưa ngay vào thành và suốt đêm khống chế buộc Nguyễn Thượng Huyền khai những người về dự họp và nội dung cuộc họp tại nhà y¹. Tin đó được báo ngay cho tên quản cơ

1. Như trên đã viết, không phải như Bùi Định đã viết trong *Tìm hiểu các phong trào... Sđd*, tr.71: "...ông Lê Tự Khiết bị tên quản cơ lính khố xanh Phạm Kế Năng thuyết dụ, ông đã đem hết mọi chủ trương của hội Duy Tân Quảng Nghĩa đã bàn ngày 3-4-1908 nói lại với nó...".

lính khố xanh Phạm Kế Năng (quê Thanh Hoá). Tên này ngay trong đêm lập tức đến báo ngay cho Daudet. Daudet nghe báo cáo mà tái mặt đi, vì biết, phong trào quần chúng đã có người lãnh đạo, ban lãnh đạo lại là của Hội Duy Tân mà lâu nay hắn vừa căm ghét, vừa hết lòng nể sợ, nhưng vẫn chưa làm gì được. Hắn lo lắng và lặng đi một lúc lâu, vì biết có sự lãnh đạo này thì phong trào đấu tranh của quần chúng sẽ rất khó dập tắt, càng nguy hiểm hơn khi dùng súng đạn để đàn áp, như kế hoạch hắn đã dự định trước đây. Daudet quyết định chuyển sang kế hoạch phân hoá, mua chuộc nhằm tách những người lãnh đạo Hội ra khỏi quần chúng. Hắn giao cho Phạm Kế Năng tung lưới mật thám theo dõi, không chừa ngay từng người lãnh đạo, cắt đứt mọi mối quan hệ với quần chúng để mong đảo ngược lại tình thế.

Rạng ngày 6-1-1908 Daudet lần lượt nhận được tin bất ổn từ các nơi báo về. Đình Tâm ở Sơn Hà đã tập trung quân và đang ra sức nã tìm bọn chánh tổng, chỉ xêng. Đình Tâm đang cho quân phục kích bao vây, bắn tỉa đồn Ô Gió (Minh Long), quân lính đi lại không được phải nằm đi trong đồn. Nghiêm trọng nhất là Đình Đoàn và Đình Dầu ở Ba Tơ đang kéo nghĩa quân và đồng bào dân tộc đi rất đông đánh phá khắp nơi và "đang kéo đến đồn Đức Phổ, quân lính nhiều người bị tên thuốc độc giết chết, súng đạn bắn ra như mưa nhưng không cản nổi". Daudet chỉ kịp ra lệnh phải đổi phó bằng mọi cách¹ và thâm độc nghĩ đến phương sách

1. Theo *Quảng Nghĩa tinh chí* thì theo lệnh Daudet, bọn lính đã bắn giết 96 đồng bào. *Sđđ*, tr. 43.

cuối cùng "chặt đầu rắn" càng sớm càng đỡ nguy hại hơn.

Chiều ngày 6-4-1908, được tin bọn mật thám lùng sục, bọn lính tập được bố trí theo dõi, không chế từng nhà, Nguyễn Bá Loan đang ở nhà đội Tường biết tình thế đã đến lúc bức bách, ông tin cho mọi người lãnh đạo Hội hãy tìm cách tạm lánh đi mấy ngày. Về phần mình, lợi dụng lúc vừa tối, ông cải trang và về ngay Tỉnh Phú.

Trong lúc đó, Phạm Kế Năng thực hiện chỉ thị phân hoá mua chuộc của quan thầy đã đến hiệu Quảng Trí gặp Lê Tựu Khiết. Vì đã có một vài lần đến nhà làm quen và biết tính tình khăng khải bộc trực của Lê Tựu Khiết nên Phạm Kế Năng vừa ra về quan tâm bảo vệ tước lộc, danh dự cho ông vừa tìm cách kích động:

"Quan lớn đã làm đến Bố Chánh, danh giá tước lộc dâu phải là ít. Dân chúng ngu dại, làm bậy, sao quan lớn lại đi theo dân, chống lại Nhà nước. Việc võ lữ ra rồi thế nào?"

Trao đổi qua lại, biết Phạm Kế Năng đã biết tất cả mọi việc, không còn gì để giấu giếm nữa, Lê Tựu Khiết quát mắt bảo:

"Ông hiểu gì là danh giá? Ông biết gì mà dám bảo dân làm bậy? Dân làm phải thì ta phải theo. Đã làm thì lo gì việc võ lữ? Ông theo lệnh quan trên của ông đến dọa tôi đấy à!?"

Bị dồn vào thế bị động, không thể nào trả lời được, Phạm Kế Năng âm ừ, lúng túng, rồi bèn lên ra về. Lê Tựu Khiết đã nhận được tin Nguyễn Bá Loan yêu cầu

tạm lánh đi nơi khác, nhưng chưa kịp đi đã gặp Phạm Kế Năng vào, nên không đi được. Lúc Phạm Kế Năng ra về thì trời đã khuya, Lê Tựu Khiết đi nghỉ định đến sáng hôm sau mới lên đường.

Nhưng ngay sáng ngày 7-4-1908, Daudet đã ra lệnh bắt các ông Lê Tựu Khiết, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Đình Quảng, Phạm Cao Châm và một số các ông tú cử khác. Tìm mãi không thấy ông Nguyễn Bá Loan ở nhà Đội Tường - như chúng đã theo dõi và cho lính canh gác từ trước - chiều hôm đó chúng phái một đội lính lên thẳng trại canh nông Tỉnh Phú vây bắt ông tại đây¹; đồng thời Daudet cũng thông báo cho Quảng Nam đón bắt Trần Kỳ Phong, Lê Ngung; thông báo cho Bình Định đón bắt Phan Long Bằng đang phát động phong trào chống sưu, thuế ở đây².

Vừa tối, dân chúng biết Phạm Kế Năng đã báo cho công sứ bắt các nhà lãnh đạo Hội Duy Tân, liền hò reo, phản nộ khắp xung quanh thành, yêu cầu thả ngay những người bị bắt; đồng thời phái một bộ phận dân chúng kéo lên Làng Rí bắt vợ con Phạm Kế Năng³ và

1. Không phải bắt ở hiệu Quảng Trị như *Sao Sáng sông Trà*, *Ssd* viết.

2. Phan Long Bằng cũng 30 học trò của mình vào Bình Định, đi qua huyện nào cũng phát động phong trào đòi giảm sưu thuế, được nhân dân hoan nghênh ủng hộ cùng kéo vào Bình Định. Ông bị bắt và bị xử chém ở đây.

3. Nguyễn Phạm Kế Năng người Thanh Hoá, làm quản cơ lính khố xanh ở đồn Làng Rí, nên đưa vợ con vào đây ở. Sau này nhờ công phục vụ đặc lực cho Pháp trong vụ này nên được thăng lên chức lãnh binh.

đến nhiều nơi khác bắt vợ con các cai, đội lính khố xanh về chốt ở làng Xuân Quang (Nghĩa Hà - Tư Nghĩa), cách tỉnh thành 4 km về phía đông¹.

Cũng trong đêm ngày 7-4-1908 đó, đội quân lê dương và đại đội khố đỏ từ Quảng Nam vào đến nơi. Daudet điều đội lính tập đóng ở Núi Bút trở về Trung Hoà, chờ mệnh lệnh ở đó; đưa đội khố đỏ đến đóng tại Núi Bút, còn đội lê dương chúng tăng cường bảo vệ tỉnh thành.

Sáng ngày 8-4-1908, Daudet mừng rỡ ra mặt vì đã chủ động được tình hình. Lực lượng quân sự được tăng cường, mọi sắp xếp bố trí đều đúng với kế hoạch dự định. Những lãnh đạo đầu não của phong trào đã bị hấn cầm giữ. Quân chúng như rẫu mất đầu, hấn quyết mạnh tay trong vài ngày để dẹp tan cuộc nổi dậy. Daudet liền tiếp ra ba mệnh lệnh nhằm tấn công vào phong trào:

- Tiếp tục sai người đi lùng bắt ông Nguyễn Công Phương và các vị lãnh đạo Hội ở các phủ, huyện.

Thay lê dương đến đóng các chốt ở các góc thành và canh giữ ở các cổng thành với lưỡi lê, súng đạn hướng thẳng vào quân chúng; điều số lính canh giữ trước đây về canh giữ các công sở trong thành, vì Daudet nghi số binh lính này có cảm tình với dân chúng nổi dậy.

1. Theo *Quảng Nghĩa tỉnh chí, Sđd*, thì bộ phận quân chúng kéo lên Làng Rí bắt vợ con Phạm Kế Năng có đến "hơn 4.000 người".

- Ra lệnh cho Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan lên mặt thành kêu gọi quân chúng giải toả, về quê làm ăn. Hấn tướng lệnh hấn ai cũng phải nghe theo, hấn chỉ còn yên tâm ngồi chờ kết quả. Không ngờ tên tuý phái được Daudet giao cho việc truyền mệnh lệnh đến báo lại: Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan đều nhất quyết không đi (mỗi người bị giam một chỗ khác nhau, nhưng đều thống nhất nhau trong hành động). Daudet trợn mắt đập bàn quát tháo, nhưng rồi cũng dịu đi vì biết đối thủ của mình không phải là những người dễ dọa nạt. Hấn ra lệnh cho lính đưa từng người đến gặp. Lúc đầu, đối với ai hấn cũng tỏ ra ân cần mời ngồi, hỏi thăm sức khoẻ, rồi cố khơi lại dòng dõi quan lại đã được triều đình nhà Nguyễn trọng vọng, các quan bảo hộ kính nể, mong mỗi người hồi tỉnh, kêu gọi dân chúng giải toả, về quê làm ăn. Tiếp đó hấn đề cập tới vấn đề thuế máu, cho rằng nếu có nặng thì chờ triều đình, Chính phủ bảo hộ xem xét rồi thông tư sau. Nghe mãi luận điệu cũ rích đó, và cũng có ý định chẳng tranh luận gì với hấn, nên cả Lê Tựu Khiết cũng như Nguyễn Bá Loan trước sau đều giữ thái độ lạnh nhạt, không nói năng nhiều, không trả lời thẳng vào vấn đề. Chỉ khi nghe Daudet nhắc đến công lao trước kia dẹp quân Cần Vương, được Nhà nước bảo hộ kính nể, cơn giận của Lê Tựu Khiết như trào lên đến tận cổ, ông trừng trừng nhìn Daudet định quát thẳng vào mặt hấn, nhưng rồi ông cố kiềm tính bực trực vốn có của mình, nhả mặt nói chẳng ra lời:

- "Công lao giúp quân cướp nước ư! Được các ông kính nể ư!" Mắt ông đỏ lên, nước mắt ứa ra và không nói lời nào nữa.

Đến lần gặp Nguyễn Bá Loan, khi Daudet nhắc đến vị thế quan lại đại thần của Nguyễn Bá Nghi (cha Nguyễn Bá Loan) đã từng thương thảo với Đại Pháp trước kia. Nguyễn Bá Loan bình tĩnh cải chính lại:

- "Ông đừng nhầm. Cha tôi là quan đại thần của triều đình nhà Nguyễn, chứ không phải của Nam triều...", ông dừng lại định nói tiếp "bán nước", nhưng nghĩ sao ông lại thôi, rồi ông lại tiếp "Với các ông thì chẳng có gì mà thương thảo cả".

Biết khó thuyết phục, mua chuộc được, Daudet ra lệnh đem giam hai ông, với người nào hẳn cũng nói với theo một câu:

- Ông nghĩ kỹ đi, ông muốn kêu gọi dân chúng giải toả lúc nào thì báo lại. Chính phủ bảo hộ không quên công các ông!

Đến trưa, Daudet mới nhận được tin báo là cả gia đình vợ con Phạm Kế Năng ở Làng Rí đã bị bắt đưa đi chỗ nào chưa rõ. Daudet lại lo sợ vì tiếng hô ngoài thành lúc nào cũng kèm theo yêu cầu thả những người bị bắt. Chiều đến, hẳn ra lệnh đưa cả hai ông Lê Tự Khiết và Nguyễn Bá Loan đến công đường cùng một lúc. Không tỏ vẻ niềm nở, chào hỏi như trước, hẳn buông thông một câu:

- Các ông đã nghĩ chưa?

Không ông nào trả lời. Hẳn nhắc lại:

- Các ông đã đồng ý kêu gọi dân chúng giải tán chứ?

Có lẽ Nguyễn Bá Loan hiểu rõ tính bộc trực, thẳng thắn nhiều khi không phải chỗ của Lê Tựu Khiết, nên ông tranh thủ trả lời trước:

- Xấu cao, thuế nặng dân chúng đóng không nổi nên họ phải kêu xin giảm. Nhà nước chấp thuận giảm theo yêu cầu của họ, họ sẽ giải tán ngay. Chúng tôi có quyền gì, mà làm sao kêu gọi họ giải tán được.

Trả lời câu sau, Nguyễn Bá Loan ở trong tâm trạng khó xử. Đổ hết trách nhiệm cho quần chúng nhân dân có điều gì đó là không phải, mà bọn chúng cũng chẳng nghe đâu. Còn tình thế thì quần chúng đã ở vào thế bất lợi, vì trong hai ngày qua do thiếu sự lãnh đạo nên đã tỏ ra nhiều sơ hở, manh động. Đã không đấu tranh giải thoát được người lãnh đạo nào, mà còn để chúng lần lượt bắt giam tất cả. Đáng trách nhất là việc di vây bắt vợ con Phạm Kế Năng. Vợ con họ có tội tình gì, nhất là vợ con các cai đội. Việc làm nguy hại đó chẳng những tạo ra sự phân hoá sâu sắc trong hàng ngũ quần chúng nổi dậy, mà còn tạo cơ để kẻ thù đàn áp. Dòng suy nghĩ của Nguyễn Bá Loan vừa đến đó thì Daudet quát lên với giọng đầy đe dọa:

- "Các ông không kêu gọi dân chúng giải tán thì ta sẽ giải tán bằng súng đạn!..."

Biết đã đến lúc căng thẳng, quyết liệt nhất, không thể nào tránh khỏi tổn thất, Nguyễn Bá Loan vẫn bình tĩnh nói như vừa gọi ý, vừa đe dọa nhằm hạn chế bớt sự

thiệt hại cho quần chúng:

- "Các ông sai rồi! quần chúng không đóng thuế xâu nổi thì họ di xin, họ có tội tình gì mà sử dụng súng đạn với họ. Các ông bảo họ tập trung tại đây là do có người lãnh đạo. Hãy tìm cho ra người lãnh đạo đó mà xử. Đừng đụng chạm đến quần chúng. Các ông nên nhớ, đốt nhà là tự đốt mình đấy"

Daudet đang hậm hực, nhưng rồi lại lắng nghe khi Nguyễn Bá Loan bảo "Các ông sai rồi..." Không rõ tên thông ngôn phiên dịch lại thế nào, chỉ thấy hắn chăm chú nghe, gật gật đầu, nhưng khi nghe hết câu, hắn quắc mắt thốt lên: "Ồ!" rồi nhìn về phía Lê Tựu Khiết hắn hất hàm:

- Còn ông?

- Dùng súng đạn là hèn hạ! Đồ cướp nước độc ác! Lê Tựu Khiết trừng trừng nhìn lại Daudet, giọng gay gắt như muốn trút ra mọi nỗi căm hờn¹.

Daudet đứng dậy đi ngay, đến chỗ ba tên lính truyền tin đang dập chân đứng thẳng, giơ tay chào chờ lệnh. Một giây suy tính, hắn chỉ ra lệnh cho một tên. Tên lính này lập tức chạy về phía cửa nam. Daudet

1. Theo *Khuôn mặt Quảng Ngãi* của Phạm Trung Việt, *Sđđ*, tr.186, thì Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan có lên mặt thành, nhưng không kêu gọi dân chúng giải tán mà lại kêu thuế cao xâu nặng, dân chúng đói khổ và "Khốc lục phủ huyện dân chi tiền" (Khóc trước dân chúng sáu phủ huyện). Chưa có tài liệu đầy đủ, chúng tôi xin ghi lại để nghiên cứu thêm.

cũng bỏ đi, mặc kệ hai tên lính còn lại vẫn đứng yên như trời trồng. Năm phút sau tiếng súng nổ ở mặt thành phía nam, tiếp theo là tiếng gào thét, la ó, khóc lóc vang lên cả một góc trời. Bốn mặt thành xô vào: "Quân lê dương tàn ác, chúng bắn vào đồng bào" và gào lên "Chống khủng bố". Sau một lúc kiểm tra lại đầy đủ mới biết rõ là được lệnh của Daudet, đơn vị lê dương ở trên mặt thành phía nam đã đứng trên mặt thành bắn thẳng vào bộ phận dân chúng đang vây thành ở gần "trường tập", bảy người chết và mấy chục người bị thương.

Tách được những người lãnh đạo ra khỏi quần chúng, Daudet định dùng biện pháp mạnh nhằm đạt cả hai mục đích: đàn áp phủ đầu hồng lâm mất tinh thần Lê Tự Khiết, Nguyễn Bá Loan (nhưng khi nghe Nguyễn Bá Loan nói lời cuối cùng, hẳn có tinh ra một phần nào, nên chỉ hạ lệnh bắn vào một điểm tập trung của quần chúng ở phía nam thành); và trấn áp tinh thần quần chúng trong lúc quần chúng đang xô vào và có phần hoang mang khi mất người lãnh đạo. Không ngờ trước sự đàn áp dã man của Daudet, chẳng những quần chúng không giải tán mà càng căm phẫn, siết chặt hơn vòng vây xung quanh thành, tiếng gào thét, đòi thả những người bị bắt, đòi giảm thuế càng dữ dội hơn. Một cảnh tượng mới xuất hiện ở phía nam thành. Quần chúng phấn công nhau tổ chức khám liệm những người bị hy sinh, băng bó cho những người bị thương và đồng loạt đội khăn tang, rồi như hầu khắp

bốn phía thành đều thiết lập bàn thờ tế những người đã khuất. Khí thế căm thù lại bốc lên dữ dội qua những tiếng gào thét liên tiếp trong cả ngày 9-4-1908. Kết quả đau thương của cuộc đàn áp gây phản ứng tiêu cực trong hàng ngũ nha lại làm ở các công sở và đội ngũ lính tập người địa phương. Thuế, sưu nặng nề làm cơ cực cuộc sống của bà con anh em, họ hàng của họ. Họ thấy việc dân chúng kéo nhau đi xin giảm thuế sưu có phần hợp lý, thế mà Chính phủ bảo hộ đã không chịu giảm mà còn đàn áp quần chúng. Họ thấy hoang mang lo sợ, vì rồi đây về quê hương thăm vợ con, họ còn làm sao dám nhìn mặt bà con, làng xóm. Lòng họ lại càng xao xuyến dao động hơn, mỗi khi nghe quần chúng ngoài thành hát vang bài "Kêu gọi binh lính" nghe đâu do ông Cử Nguyễn Thụy làm ra. Daudet nắm được tình hình đó, bắt tổng giam một số người, giao cho bọn tay sai đặc lực theo dõi, phân loại và khống chế từng người. Khí thế đấu tranh ngày càng căng thẳng, quyết liệt và diễn biến phức tạp thêm, cả ở tỉnh thành, cả ở từng thôn xóm xa xôi. Có nơi quần chúng đã bắt giam bọn lý hương theo giặc, cả bọn lý hương trước đây cũng dân chúng kéo nhau đi xin giảm sưu, thuế, thế mà bây giờ quay về là tỏ ra tiêu cực, sợ giặc, tự tách ra khỏi hàng ngũ đấu tranh của quần chúng. Cũng có nơi quần chúng bắt cả vợ con lính tập, lính khố dỏ giam giữ. Công sở ở các phủ huyện hầu như đều bị quần chúng xông vào đập phá. Đội khố xanh đang hành quân giám sát ở Thu Xà (Nghĩa Hoà - Tư Nghĩa), ở Nghĩa Hành,

Sơn Tịnh bị quân chúng "áp đánh"¹. Quân chúng đông Tư Nghĩa cùng nhau kéo đến đập phá đình cơ Nguyễn Thân ở làng Phú Thọ (Nghĩa Phú - Tư Nghĩa)².

Sáng ngày 11-4-1908, Daudet ra lệnh phong toả các ngã đường Phú Nhơn (Sơn Tịnh), Xuân Phổ (Tư Nghĩa), Núi Bút không cho quân chúng ở các phủ huyện kéo về tỉnh, nhất là tịch thu tất cả lương thực, thực phẩm từ các nơi mang về tiếp tế cho số người đang bao vây tỉnh thành. Những cuộc xô xát diễn ra dữ dội ở các nơi này, và chỗ nào cũng có 5, 3 người chết và bị thương. Một số đi theo đường khác vào được tỉnh thành, nhưng lương thực mang đến cũng chẳng được bao nhiêu. Trưa hôm đó đã có nơi ăn cháo, có nơi cạn kiệt lương ăn đành chịu dứt bữa. Hàng ngũ quân chúng xôn xao, lo lắng, có nơi hoang mang thực sự vì chưa tìm được lối giải thoát khỏi sự bế tắc, và cũng không biết ai đủ tài năng sáng suốt để thỉnh cầu phương án giải cứu. Trong lúc đang hoang mang đó lại được tin Lê Tự Khiết và Nguyễn Bá Loan - hai người lãnh đạo cao nhất của phong trào được quân chúng một lòng tin tưởng, kính nể đã bị bắt giam từ ngày 7-4-1908 nay đã giải về Huế. Mọi người không tin lắm vào cái tin đột ngột này, vì từ ngày hai ông bị bắt quân chúng đã đặc

1. Chữ dùng của Nguyễn Bá Trác trong *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, *Sđđ*, tr. 40.

2. Theo *Lịch sử 80 năm đấu tranh chống Pháp* của Trần Huy Liệu.



*- Nhà thờ cụ Nguyễn Bá Nghi (cha) cụ Nguyễn Ba Loan (con)
tại Lạc Phố, xã Đức Nhuận, Mộ Đức, Quảng Ngãi*



*Ngày giỗ nhà yêu nước Nguyễn Bá Loan (23/3AL)
(tại nhà thờ họ Nguyễn ở thôn Lạc Phố, xã Đức Nhuận,
Mộ Đức, Quảng Ngãi)*

biệt quan tâm theo dõi và cử đội canh gác nghiêm ngặt ở các cửa thành, để phòng việc Daudet cho giải hai ông đi giam ở nơi khác. Cổng thành vẫn mở, người vẫn qua lại bình thường. Lính lê dương canh gác với súng đạn lười lười ở trước cổng thành. Quân chúng cũng canh gác chỉ cách chưa đầy 5m cách cổng thành. Thế thì giải Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan về Huế bằng đường nào¹? Có người không tin và cho là Daudet đã thủ tiêu,

1. Hiện nay vẫn tồn tại hai ý kiến:

a) Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan đều bị giải về kinh thành Huế để xử tội như *Quảng Nghĩa tỉnh chí, Sđđ*, tr.48 viết: "Loan Khiết tống ra Huế". *Khuôn mặt Quảng Ngãi, Sđđ*, tr.186 viết: "... Lê Khiết và Nguyễn Bá Loan bị giải Kinh giam"...

b) Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan không bị giải về Huế, mà đó chỉ là tin phao của Công sứ Daudet, trong lúc Daudet chỉ giam kín Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan trong thành - và cắt mọi quan hệ giao tiếp.

Chưa có tư liệu đầy đủ về vấn đề này, người viết xin ghi lại đầy đủ hai loại ý kiến trên, chờ xác minh thêm.

Nhưng việc chuyển hồ sơ và lời đề nghị kết án Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan về Huế thì còn có đủ tư liệu như:

- Tờ trình của quan lại ở Quảng Ngãi gửi cho triều đình Huế ngày 14-4-1908 kết tội hai ông rằng: "Hành động của Lê Tựu Khiết và Âm Loan hiện nay là dụ hoặc hạt dân tụ họp tại 3 cửa ngoài thành, ngồi nằm huyền não từ ngày 28 tháng trước đến nay, tuy nói rằng kêu thuế, mà lời lẽ khích bác, dưới mắt không người, khiến sáu viên phủ huyện đều phải về tỉnh trực hậu, những kẻ làm cần trong hạt hiếp người lấy của, tự bảo rằng quyền về nhân dân, muốn làm gì thì làm, đều do Lê Khiết và Âm Loan xui khiến gây nên". Theo *Bản*

hoặc đã giấu kín trong thành và phao tin để giải toả bớt áp lực quần chúng mà hẳn hẳn lo sợ. Hẳn lo ngại quần chúng xông vào thành để đánh tháo cho hai ông Mật khác cũng với việc bị bao vây kinh tế, bị đói khát, hẳn hy vọng quần chúng phải tự giải tán. Nhưng quên cả đói khát, quần chúng bôn mạt thành phần nộ gào thét đòi thả những người bị bắt, đòi giảm sưu, giảm thuế suốt cả đêm 11-4-1908 cho đến sáng ngày 12 hôm sau. Nhưng rồi cái đói, cái khát cứ đè nặng dần, đến trưa chỉ còn một phần ba số người còn cố trụ lại, nhưng đến chiều thì số người bị rơi hẳn đi, và đến tối hôm đó thì quần chúng tự giải tán; cuộc đấu tranh ngừng lại.

Lợi dụng lúc quần chúng bắt đầu rối loạn, ngày 11-4-1908 quân cơ Phạm Kế Năng xin Daudet cấp cho 100 lính khố đỏ, bọn chúng theo đường cống trong thành chui ra phía cửa bắc thành, kéo đến làng

tấu của phủ Phú chính ngày 22-4-1908. (Châu bản triều Duy Tân).

- Công sứ Daudet cũng gửi một thông báo mật cho triều đình Huế với nội dung: "Ngày mồng 3-4 năm nay Tây lịch, quý trú sứ sức nã Bồ Khiết và Ấm Loan, chúng là những người thủ tướng cho nhân dân náo động từ một năm rưỡi đến nay, thường thấy chúng đi các xã xin tiền, mọi người đều sợ, không dám nói rõ họ tên. Ngày 7-4 quý trú sứ mời hai đại quan Nguyễn Hồng các Trương Quang Dân, Lê bộ Thượng thư Võ Duy Tinh đến tỉnh, hai đại quan này mật nói với quý sứ rằng hai tên ấy làm bậy, đã bắt chớ thả, nếu thả thì dân sẽ loạn; Quý sứ nhân tiện hỏi tên hai người ấy, nhưng hai đại viên không dám nói rõ. Cần Chánh thân (Nguyễn Thân) nói rõ đích danh là Bồ Khiết và Ấm Loan" - (*Bản tấu của Phủ phú chính*).

Xuân Quang giải thoát cho vợ con hẳn đang bị giam giữ tại đó. Một cuộc đụng độ lớn nổ ra xung quanh làng Xuân Quang. Bọn Năng xả súng bắn bừa vào quần chúng đang ra sức cản phá làm chết hơn 150 người và nhiều người khác bị thương. Binh lính của Phạm Kế Năng cũng bị thương 8 tên. Nhân dân Xuân Quang, rồi nhân dân các vùng xung quanh nối tiếp nhau nổi dậy, mở lâm thanh viện. Không khí vang động, náo nhiệt cả một góc trời.

Daudet đang vui mừng với thắng lợi "buộc quần chúng phải tự giải tán ở tỉnh thành" thì nghe được tin trên, và sau đó không lâu lại được tin Phạm Kế Năng dựa vào súng đạn đã đưa được vợ con vào thành cùng với đội quân tởm tử vừa bị vây đánh. Ngày hôm sau, 13-4-1904 Daudet lại nhận được tin báo là khoảng 200 nghĩa quân người dân tộc thiểu số ở Minh Long do Đinh Tâm chỉ huy đã tấn công và tiêu diệt đồn Ô Gió, nhiều binh lính bị giết, cả tên quan Một chỉ huy đồn và tên tay sai Chánh Tranh, cũng chết tại trận, nghĩa quân thu được nhiều súng ống, đạn dược, lương thực, rồi kéo sâu vào rừng núi¹.

Tỉnh thành tạm yên vắng được ba ngày. Daudet tưởng như thế là đã ổn và hẳn hy vọng sẽ đánh dẹp yên dân phong trào ở các nơi, bằng cách tăng cường việc bắt giam các cốt cán của phong trào.

1. Theo Hồng Nhân: *Quảng Ngãi đất nước - con người - văn hoá*, tr.69.

Nhà lao tỉnh Quảng Ngãi "đẩy cả tù, ước tám, chín nghìn người..."¹, và nhà giam không đủ buộc chúng phải giam ở ngoài trời nắng bằng cách "gông chung 3, 4 người vào một gông"². Chính sách truy bắt tràn lan, và chế độ giam giữ khắc nghiệt đã làm chết một vài người. Tin ấy loan ra, sáng ngày 15-4-1904 nhân dân các phủ huyện lại tập hợp kéo nhau về bao vây tỉnh thành đông hơn gấp bội. Khí thế rất quyết liệt và tập trung vào hai mục tiêu: đòi thả tất cả những người bị bắt và đòi giảm thuế, giảm sưu. Rút kinh nghiệm lần trước, Daudet ra lệnh khống chế các con đường đi vào tỉnh thành và được bắn thẳng vào ai dám chống lại chúng. Ở cả bốn chốt trong cả ba ngày, nơi nào cũng có vài chục người bị bắn, bị thương và có đến năm người chết.

Mặc dù bị ngăn chặn, bị chết chóc, quân chúng vẫn quyết tâm tiếp tục kéo đến. Đến sáng ngày 16-4-1904, một toán lính hơn 100 người súng được nạp sẵn đạn, lưới lê tuốt trần kéo ra cổng thành dàn hàng ngang, chia súng về phía quân chúng. Loa trong thành rao lệnh Daudet buộc quân chúng phải giải tán, nếu không sẽ bị bắn chết tất cả. Quân chúng vẫn hô to, "Thả tất cả những người bị bắt", "Yêu cầu giảm ngay sưu, thuế" để trả lời. Chúng ra lệnh bắn hết loạt đạn này đến loạt đạn khác, người chết, người bị thương nằm chồng chất

1. Theo *Quảng Nghĩa tỉnh chí*, *Sổđ*, tr. 49.

2. Theo *Phong trào Duy Tân* của Nguyễn Văn Xuân, Lá Bối, xuất bản năm 1970.

lên nhau. Theo *Quảng Nghĩa tình chí* thì "dân bị thương và chết hết 150 người"¹, và theo *Khuôn mặt Quảng Ngãi* thì "Nhiều người bị chết, hàng trăm người bị thương vì phải chen lấn, dẫm lên nhau, ban đầu phân tán mỏng theo các ngã đường, rồi cuối cùng phải giải tán vì hoả lực của quân Pháp và lính tay sai quá mạnh..."². Thế là cuộc đấu tranh của quần chúng đòi giảm sưu, giảm thuế, bao vây thành tổng cộng trước sau được 24 ngày đã bị kẻ thù dùng chính sách tàn sát, khủng bố đẫm máu làm cho kiệt sức, suy yếu dần và chấm dứt vào ngày 17-4-1908.

Cuộc đấu tranh của quần chúng đã chấm dứt, nhưng tù ngục lại tiếp tục giam cầm những người lãnh đạo, và máu vẫn tiếp tục chảy với bốn cái án tử hình thi hành vào ngày 24-4-1908³, gồm các ông Lê Tự Khiết, Nguyễn Bá Loan, cùng hai ông Trần Chót và Nguyễn Đền (hai ông này đã chỉ huy dân chúng kéo lên Làng Rí bắt vợ con Phạm Thế Năng). Hai án tử xử tử giam hậu gồm các ông Phạm Mỹ và Phạm Tuấn⁴ là

1. *Sđđ*, tr. 49.

2. *Sđđ*, tr. 186.

3. Viết theo *Quảng Nghĩa tình chí* và *Khuôn mặt Quảng Ngãi*. Còn *Tìm hiểu các phong trào*, *Sđđ*, tr. 71 lại viết là ngày 23-4-1908 (?). *Khuôn mặt Quảng Ngãi* viết "Bị giam 3 tháng" là không đúng.

4. Phạm Tuấn người làng Tịnh Hoà - Sơn Tịnh cũng bị địch xử giam hậu như ông Phạm Mỹ, song không xử tử. Sau ông tham gia phong trào Việt Nam Quang phục Hội, bị địch xử tử năm 1916.

những người trong ban lãnh đạo chung (không kể ông Phan Long Bằng và một số người bị xử tử ở Bình Định như đã chú thích). Sáu án tù chung thân và đầy đi Côn Đảo: Trần Kỳ Phong, Nguyễn Đình Quảng (chung thân); Nguyễn Tuyên, Phạm Cao Chấm, Nguyễn Thụy, huyện Mai (còn gọi là huyện Sầm, người làng Kim Giao, Liên Chiêu, Đức Phổ) đều bị chín năm, nhưng vẫn đầy đi Côn Đảo. Ông Lê Đình Cẩn đang ở trong tù, không tham gia phong trào chống sưu, thuế vẫn bị kết án như đã nói trên. Còn lại hàng trăm người ở các phủ huyện bị kết án tù từ 7 đến 9 năm và đầy giam ở các nhà tù Lao Bảo, Phan Thiết, Ba Tơ, Làng Rí...

Nói về cuộc xử tử ngày 24-4-1908, cả hai ông Lê Tựu Khiết và Nguyễn Bá Loan đều bị buộc tội kích biến lương dân (kích động dân lành gây biến). Riêng Nguyễn Bá Loan bị khép vào án; "Là tên phỉ cừ cựa xuất thú mong được khỏi tội, cho về làm ăn..., thế mà dám đem lòng quan vọng, du hoặc hạt dân..., bị buộc tội "là người thủ xướng cho dân náo động..." bị khép vào hình án "xử tử tại nơi sự phát là tỉnh Quảng Nghĩa... để cho bọn xuân động biết sợ"...¹.

Người ta truyền rằng lúc Lê Tựu Khiết, Nguyễn Bá Loan cùng hai đồng nạn bước ra pháp trường là lúc cuối xuân, đầu hạ, mấy hôm trước trời đang lúc nắng vàng rực rỡ, bỗng hôm đó trời đất tối sầm lại, mây mù

1. *Bản tấu của phủ Phú chính* đệ ngày 22-4-1908 (Châu bản triều Duy Tân).

kéo kín cả bầu trời. Các ông Trần Chót và Nguyễn Đến tuy có giảm sút thân sắc, nhưng vẫn giữ được phong độ của người chiến sĩ phải nuốt hận trong cơn nghịch cảnh. Ông Lê Tựu Khiết có khác hơn, ông bước đến đoạn đầu dài với những bước chân chắc nịch, đầu ngẩng cao đồng dục. Về ông Nguyễn Bà Loan, người ta thấy ông hiên ngang, bất khuất bước đến pháp trường như bước tiếp vào giai đoạn mới trong sự nghiệp cứu nước của đời ông. Ông lặng lẽ không nói một lời. Người ta chỉ thấy ông lần lượt cúi gập người ra cả bốn phía vừa như xin lỗi mọi người về sự bất tài, bất lực, không xoay chuyển được trời đất của mình, vừa như từ tạ công ơn đất nước, quê hương, đồng bào, đồng chí đã cứu mang mình trong những năm gian khổ cứu nước. Rồi người ta thấy ông ngẩng cao đầu - cao hơn dấng đấng bình thường vốn có của ông, với hào khí tràn trề của hai câu thơ ông viết ngay từ ngày đầu bước vào con đường chiến đấu đầy hy sinh:

*"Quất ngựa, vung gươm, trừ bạo tặc
Anh hùng trải mặt cứu giang sơn"*

Lưỡi gươm oan nghiệt cắt đứt cuộc đời ông. Bất chấp súng đạn của bọn binh lính, cả 8, 9 nghìn tù phạm và hàng nghìn nhân dân có mặt ở pháp trường đều oà lên khóc vì xót thương và kính trọng. Đúng là giang sơn chưa cứu được, nhưng ông quả là tấm gương sáng chói của một con người suốt đời "trải mặt" vì đất nước, vì nhân dân.

Và người ta cũng kể rằng cả 8, 9 nghìn "tù phạm" và nhân dân vùng tỉnh lỵ Quảng Ngãi đã bằng mọi cách để tang những người đã ngã xuống vì đất nước trong 10 ngày. Thi hài của các ông đã được nhân dân tắm liệm, chôn cất chu đáo. Riêng thi hài Nguyễn Bá Loan, ngay tối hôm đó đã được các đồng chí và các học trò của ông¹ bí mật đưa về núi An Đại (Nghĩa Phương - Tư Nghĩa) tắm liệm, chờ ba ngày sau lấy được dầu ông (bị chúng bêu có canh gác nghiêm mật trong suốt ba ngày) đưa về sắp xếp lại ngay ngắn, tắm liệm lại và chôn cất chu đáo ngay tại đây. Ba mươi tám năm sau, ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, người học trò, người đồng chí xuất sắc của ông - ông Nguyễn Công Phương lúc bấy giờ là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi - cho chuyển thi hài ông về chôn tại Tỉnh Phú - mảnh đất đã gắn bó đời ông với phong trào Duy Tân và phong trào chống sưu thuế.

Ở tuổi 52, Nguyễn Bá Loan đã ngã xuống vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân, nhưng Nguyễn Bá Loan là con người của hai thế kỷ và đều có tác động tích cực vào hai thế kỷ ấy. Ở cuối thế kỷ XIX ông là người đại diện cho tinh hoa cao đẹp nhất của các văn thân sĩ phu phong kiến Việt Nam dưới ngọn cờ "Tiểu tặc, trừ gian, bình quốc loạn". "Quất ngựa, vung gươm" chưa cứu

1. Là Lê Văn Hoà và một số người khác, chủ không phải là Nguyễn Công Phương như một số sách đã viết, vì lúc đó Nguyễn Công Phương cũng bị bắt và bị tù đầy.

được nước, song đầu thế kỷ XX ông lại là người đại diện cho trí tuệ sáng suốt của thời đại, tiếp thu tư tưởng mới - và nếu nói là sĩ phu thì ông cũng thuộc lớp sĩ phu đầu tiên tiếp thu sâu sắc và vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng dân tộc, dân chủ, dân sinh vào tình nhà, và sống chết đến cùng với tư tưởng đó. Tuy đứng dưới ngọn cờ khác nhau, nhưng Nguyễn Bá Loan vẫn trước sau là một Nguyễn Bá Loan yêu nước, yêu dân sâu sắc, và cương quyết xả thân cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân, được Lê Văn Quát xem là "kho báu về lòng yêu nước"¹ và Nguyễn Quang Trung Tiến trân trọng khẳng định "Lòng ái quốc vĩ đại" của ông².

Với vốn kinh lịch sẵn có, lại được tư tưởng mới soi rọi, Nguyễn Bá Loan nhận thức khá sâu sắc về thảm cảnh của đất nước, của nhân dân và về kẻ thù cơ bản của dân tộc, nên trong phong trào Duy Tân hay phong trào chống xấu, thuế ông đều sáng suốt vạch rõ mọi thủ đoạn thâm độc xảo quyệt của bọn thực dân cướp nước và bọn phong kiến tay sai bán nước, hướng mọi hoạt động vào việc cứu dân, cứu nước... Từ những việc làm cụ thể nhằm "khai dân trí, nâng cao dân khí" đến việc đòi quyền dân chủ, dân sinh trong cuộc đấu tranh đòi giảm xấu, thuế, không bao giờ ông xa rời mục tiêu cứu nước cao cả của mình. Do đó, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các phong trào đồng thời rơi vào con

1. Bài "Vân thân Cẩn Vương?" in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học...*, *Sđđ*.

2. Bài "Nguyễn Bá Loan, một lãnh tụ tiêu biểu", *Sđđ*.

đường cạnh tân xã hội, cải lương chế độ, thì ông trước sau vẫn kiên định con đường "tự lực tự cường", "cây hắt nhân dân" để:

*Đời nô lệ đặng cay quét sạch
Đất tự do hạnh phúc xây nên¹*

Vì thế, dù ông ở vị trí nào, là phó hay là chánh trong lãnh đạo phong trào, ông đều góp phần xuất sắc trong việc hoạch định phương hướng, chọn lựa hình thức đấu tranh làm cho phong trào Duy Tân và phong trào chống sưu, thuế mang đậm ý thức dân tộc và tính nhân dân sâu sắc.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào dân tộc, dân chủ, lại một lần nữa ông xuất hiện như một nhà tổ chức xuất sắc, biết tiếp thu, biết vận dụng phương hướng mới, biết phát động phong trào quần chúng, xây dựng cốt cán cho phong trào, biết tập trung sức lực vào những việc làm khó nhất, vào những điểm quyết định nhất. Đặc biệt ông có sự cảm nhận nhạy bén hơn tất cả mọi người xung quanh, trong việc theo dõi, nhận định từng diễn biến của phong trào, dự đoán tình hình phát triển tiếp theo và có phương án đối phó kịp thời, thích hợp. Từ phong trào tự phát của quần chúng nhân dân chống sưu, thuế, ông uốn nắn thành phong trào đấu tranh tự giác có sự lãnh đạo² thực sự chỉ trong 3 ngày đã tạo được thế trước, sau, trong, ngoài phối hợp, hỗ trợ

1. Trích "Xin đúc một chữ đồng" Xem phần phụ lục.

2. Xét trên phạm vi toàn tỉnh.

cho nhau trên quy mô toàn tỉnh, toàn miền, làm chủ được hầu hết nông thôn, tạo nên sắc thái của một cuộc nổi dậy của nông dân giành lấy quyền làm chủ khá đặc sắc trong lịch sử thời bấy giờ. Tất nhiên, kết quả cuối cùng còn do sự phản ứng của đối phương, hoặc do sự hạn chế không thể nào vượt qua được của hoàn cảnh lịch sử. Nhưng trí tuệ sáng suốt của ông, tài năng tổ chức sắc sảo của ông đã để lại cho các thế hệ sau những bài học cần nghiên cứu vận dụng trong suốt thời gian chống chế độ thống trị của thực dân Pháp và các đế quốc xâm lược mấy chục năm qua.

Cuối cùng cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân đã bị kẻ thù dim trong bể máu, cuộc đời Nguyễn Bá Loan cũng bị kẻ thù cướp mất. Nhưng chúng ta nghĩ gì khi thấy bọn thực dân thống trị buộc phải bãi chức Tuần vũ Lê Từ, xử phạt một loạt quan lại tay sai khác, và Khâm xứ Leveque thông qua đám tay sai trong Phủ Chính đã ra một đạo dụ sửa đổi chính sách thuế, sưu, mỗi tháng đình hàng năm chỉ còn đi xâu 15 ngày công ích và 5 ngày tư ích, so với trước giảm 8 ngày¹, thuế thân giảm xuống 2,1 đồng, bớt so với trước 5 hào, bỏ chế độ phụ thu gia tăng đối với thuế điền thổ ngay trong vụ thu thuế năm 1908. Đó chẳng phải là những thắng lợi đáng kể do cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân đưa lại hay sao? Chúng ta không hề mơ hồ

1. Theo bài "Chống xâu thuế..." của Lê Văn Quát (Tạp chí *Cầm Thành*, số 13, tr.57) thì không phải là ba ngày như *Tim hiểu các phong trào yêu nước ... Sđd*, tr.78.

xem đó là thành quả của riêng nhân dân Quảng Ngãi, và càng không thể xem đó là những thành quả to lớn so với máu xương đã đổ ra. Nhưng nếu nhìn xuyên suốt sự nghiệp trường chinh cứu nước thì phong trào dân chủ, dân sinh Quảng Ngãi - một bộ phận của phong trào đấu tranh của nhân dân các tỉnh Trung kỳ - đã góp phần buộc kẻ thù phải lùi một bước, chế độ thống trị của chúng một phen rung chuyển, bản thân chúng phải lo lắng, khiếp sợ, buộc chúng phải kính nể nghị lực ý chí quật cường của dân tộc ta. Thành quả đó đáng được lịch sử ghi chép trân trọng bằng những chữ vàng. Phong trào Duy Tân và phong trào chống sưu thuế của Trung Kỳ nói chung, và của Quảng Ngãi nói riêng là cuộc diễn tập đầu tiên của quần chúng nhân dân ở đầu thế kỷ, và cũng là cuộc diễn tập đầu tiên của quần chúng nhân dân trong cách mạng dân tộc, dân chủ chuẩn bị những cuộc diễn tập tiếp theo trong những năm 1916, 1930, 1945 với tư tưởng ngày càng tiên tiến hơn, với quy mô ngày càng rộng lớn hơn, từng bước giành lấy thắng lợi nhiều hơn. Vui mừng với Cách mạng Tháng Tám thành công (1945) chúng ta không quên lớp máu xương của người đi trước đã trải ra làm nên con đường đi đến thắng lợi cuối cùng. Ý nghĩa lịch sử to lớn của phong trào Duy Tân, phong trào chống sưu thuế và vai trò lịch sử sáng chói của những lãnh tụ của phong trào, trong đó có Nguyễn Bá Loan là ở chỗ đó.

III. KẾT LUẬN

Chúng ta chưa có đủ tài liệu để hiểu biết đầy đủ hơn, trọn vẹn hơn về con người Nguyễn Bá Loan, nhưng với hành động đầu tiên "Quất ngựa vùng gươm" và hành động cuối cùng vì sự nghiệp "Khai dân trí, chấn dân khí", chống xấu, thuế và anh dũng hy sinh dưới lưỡi gươm ác nghiệt của kẻ thù, chúng ta hoàn toàn có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Bá Loan đã giành trọn cuộc đời mình - hay nói như lời nguyện của ông là "trải mật" - cho sự nghiệp cứu nước.

1. Nặng nợ sinh thành với thế kỷ XIX, với nhận thức "Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách", ông cũng như mọi sĩ phu giàu lòng yêu nước cùng thời đã tiến hành "tiểu tặc, trừ gian, bình quốc loạn" theo lý tưởng "trung quân ái quốc". Ông sinh ra, lớn lên trong lò đào luyện của học thuyết Khổng-Mạnh, trong chế độ phong kiến Việt Nam đã tồn tại, ngự trị hàng nghìn năm. Suốt đời ông đã xuôi ngược để quy tập những người yêu nước, cố công, cố sức tạo lập sự liên kết rộng lớn trong toàn tỉnh, toàn miền, xây dựng thế trận bao vây, chia cắt để tiêu diệt sinh lực địch, tiến gần đến ranh giới một cuộc chiến tranh nhân dân. Đánh giặc không nề thất bại, chẳng ngại hy sinh, đến lúc cuộc chiến đấu rơi

vào cảnh tuyệt vọng. Ông cũng không tỏ ra nao núng, sờn lòng. Ông là người kế thừa được những tình hoa tốt đẹp nhất của các văn thân sĩ phu trong các thời kỳ chế độ phong kiến Việt Nam đang lên. Có những người như ông, chế độ phong kiến Việt Nam trong những ngày suy tàn của nó đỡ bớt phần bi thảm, lịch sử đất nước những năm cuối thế kỷ XIX đỡ đen tối hơn. Nói một cách khác, ông đã tác động tích cực vào lịch sử và để lại những dấu son sáng chói trong giai đoạn đang bế tắc về đường lối cứu nước. Sống trong giai đoạn lịch sử đặc biệt, vừa chuyển đổi thời gian, vừa chuyển đổi tư tưởng cứu nước đầy ý nghĩa của lịch sử dân tộc, ông xuất hiện như một con người tự chuyển biến, và là một trong những người có tác động tích cực vào sự chuyển biến lịch sử từ "vì vua" sang "vì dân". Về mặt này, giai đoạn chiến đấu sau giúp chúng ta hiểu sâu tư tưởng chỉ đạo chiến đấu của Nguyễn Bá Loan ở giai đoạn trước. Tuy chiến đấu vũ trang dưới ngọn cờ Cần Vương, nhưng ông vì "ái quốc" nhiều hơn là "trung quân". Vì "ái quốc", cho nên dù vua Hàm Nghi, hay một ông vua yêu nước nào khác còn hay không còn thì mục đích chiến đấu của ông vẫn không thay đổi. Và cũng vì "ái quốc" nên ông đi đến tư tưởng "ái dân" một cách tự nhiên. Tư tưởng của ông ở giai đoạn trước làm cơ sở cho giai đoạn sau. Nhưng phải nhận rằng, sự tự chuyển biến đó thật sự không dễ dàng, nếu không có quyết tâm tìm hiểu, học hỏi, quyết tâm cởi bỏ tư tưởng phong kiến còn rơi rớt lại trong nhiều sĩ phu yêu nước hồi bấy giờ.

Ngày nay, nhìn lại chủ trương và phương pháp hoạt động của phong trào Duy Tân, và sau đó là phong trào chống sưu thuế, chúng ta thấy "còn có điều chưa ổn"¹. Như không xác định lực lượng nào là nòng cốt, trung kiên của phong trào, không nhìn thấy vai trò khác nhau của mỗi tầng lớp trong đấu tranh, để nhiều hành động quá khích diễn ra trong phong trào Duy Tân. Phong trào chống sưu, thuế đã phát triển tự phát trong một thời gian dài cả về nội dung và hình thức đấu tranh, và cũng có nhiều hành động quá khích... Nhưng bên những thiếu sót mà hầu như các cuộc diễn tập đấu tranh nào của quần chúng cũng khó tránh khỏi ấy, phong trào đấu tranh của quần chúng ở Quảng Ngãi đã tránh được xu hướng dựa vào ngoại viện của phái Đông du, tránh được lệch lạc "ý Pháp cầu tiến bộ" của phái Canh tân, hoặc chỉ thiên về tuyên truyền, giáo dục ít chú ý việc tổ chức hành động, xây dựng phong trào quần chúng như phái Đông kinh nghĩa thực. Phong trào đấu tranh của quần chúng ở Quảng Ngãi có nét đặc sắc riêng. Phong trào đã giáo dục được lòng yêu nước sâu rộng trong quần chúng nhân dân trên cả hai mặt: yêu nước kết hợp với hành động. Yêu nước thì phải hành động cứu nước. Hành động yêu nước mới là thước đo lòng yêu nước của mỗi người. Yêu nước thì phải tự lực tự cường, phải tự mình đứng lên cứu nước.

1. Nguyễn Văn của Bùi Đình, tác giả *Tìm hiểu các phong trào yêu nước*, *Sổđ*, tr. 57.

Tư tưởng đó hình như đều thấm triệt trong các lãnh tụ của phong trào, mà nổi bật nhất là ở Nguyễn Bá Loan, một con người có lòng yêu nước thiết tha sâu sắc và bao giờ cũng bằng hành động thể hiện lòng yêu nước của mình.

Tư tưởng yêu nước ấy đã thể hiện sâu sắc trong từng lời kêu gọi, trong từng tổ chức hành động của phong trào Duy Tân, và càng nổi bật trong phong trào chống sưu, thuế và ăn sâu vào quần chúng nhân dân. Bản lĩnh yêu nước - hành động - được diễn ra ở các thời kỳ khác nhau, càng về sau càng rõ, trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ suốt 3/4 thế kỷ XX: Khởi nghĩa Ba Tù 3-1945, Khởi nghĩa Tháng 8-1945, khởi nghĩa Trà Bồng 1958, tổng tấn công nổi dậy giải phóng tỉnh nhà 24-3-1975.

2. Ngay từ buổi đầu phong trào đã mang tính nhân dân sâu sắc, được quần chúng nhân dân hưởng ứng nghe theo và tự giác thực hiện như chính yêu cầu của bản thân mình. Quần chúng cũng tin yêu, gắn bó và bảo vệ những người lãnh đạo của phong trào, tạo nên uy thế lớn lao khiến những người ở phe đối lập phải run sợ. Hai đại quan hưu trí Trương Quang Đản, Vũ Duy Tỉnh đều không dám nói tên (hai người lãnh đạo của phong trào là Bó Khiết và Ấm Loan) khi sứ Daudet hỏi vào ngày 7-4-1908¹. Phong trào đã được tổ chức,

1. Thông báo của Daudet gửi cho triều đình Huế. *Bản tấu của phủ Phụ chính* ngày 22-4-1908 (Châu bản triều Duy Tân).

dẫn dắt biến thành một cao trào đồng loạt nổi dậy giống với hình thế một cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân giành quyền làm chủ nông thôn, làm chủ xóm làng. Cho mãi đến 25 năm sau, Nguyễn Bá Trác mặc dù đứng trên lập trường thống trị vẫn phải viết về khí thế của phong trào bằng những lời lẽ như sau: "Lần này, cả tỉnh đều nổi lên, dân chúng tự do nhóm họp ở các đình chùa, đánh mõ, đánh trống luôn ngày, luôn đêm, giấy thông tri với nhau thì viết trác để "lục phủ huyện dân..."¹. Tinh thần dân của phong trào không phải tự nhiên mà có, mà do công sức của các lãnh tụ phong trào thời bấy giờ, trong đó trí tuệ tuyệt vời sáng suốt của Nguyễn Bá Loan đã góp phần xuất sắc, khiến cho mọi người cùng thời đều nể phục. Trong cách mạng dân tộc, dân chủ ở Quảng Ngãi sau này, Nguyễn Bá Loan cũng có đóng góp lớn trong việc tạo thế chiến lược tiền hậu hô ứng, hậu phương tiền tuyến phối hợp hành động; mở rộng địa bàn chiến đấu, tạo sự phối hợp phong trào các tỉnh với nhau trong sự nghiệp cứu nước thiêng liêng. Phong trào yêu nước mang tính nhân dân sâu rộng đến như vậy lại có thể giữ được thế hợp pháp công khai trong phần lớn hành động suốt một thời gian dài, đó cũng là điều đáng cho chúng ta suy nghĩ về tài năng tổ chức của những người lãnh đạo. Nguyễn Bá Loan, một trong những đầu não của phong trào, đã góp phần xuất sắc vào việc tạo thế công khai, hợp pháp để

1. Trích nguyên văn trong *Quảng Nghĩa tỉnh chí, Sđd*, tr.48.

phong trào có điều kiện phát triển rộng lớn và cảm rữ vững chắc trong quần chúng.

3. Đất nước nguy vong, tiếng gọi cứu nước vừa vang lên, Nguyễn Bá Loan đã có mặt ngay trong hàng ngũ xung kích cứu nước. Quất ngựa vùng gươm ông xông pha dũng cảm, tận tâm, tận lực không ngại gian nguy, kiên trì chiến đấu không ngại hy sinh. Thất bại trong cầm gươm, ông không hề tỏ ra mõi mệt, nản lòng, sẵn sàng chuyển hướng đấu tranh. Để cho quần chúng nghe theo và hành động, ông sẵn sàng làm mọi cách không tiếc công, tiếc sức. Không ham mê chức tước hoặc bị chức tước làm mê hoặc, bất cứ ở cương vị nào ông cũng sẵn sàng gánh lấy trách nhiệm lớn lao nặng nề nhất. Lúc phong trào gặp khó khăn, ông sẵn sàng lao vào đem hết sức mình giữ thế chủ động của phong trào, mở rộng diện đấu tranh để làm nhẹ bớt sức ép của kẻ thù và bằng mọi cách, kể cả hy sinh thân mình, để hạn chế bớt tổn thất của phong trào. Cả cuộc đời của Nguyễn Bá Loan là một chuỗi nghĩa khí cao thượng, tinh thần cống hiến, hy sinh tất cả cho nhân dân, đất nước, không một chút bản khoán, đòi hỏi.

Lòng yêu nước sâu sắc, trí tuệ sáng suốt và nghĩa khí cao cả đã tạo nên những tác động tích cực của Nguyễn Bá Loan trong mọi tình huống. Tác động tích cực trong những năm cuối thế kỷ XIX, Nguyễn Bá Loan để lại dấu ấn không phai mờ; tác động tích cực trong những năm đầu thế kỷ XX, ông góp phần mở ra cục diện mới của sự nghiệp cứu nước theo con đường cách

mạng dân tộc, dân chủ. Nguyễn Bá Loan để lại cho người đời sau chẳng những một tấm gương tự chuyển biến mà còn có tác động tích cực trong sự chuyển biến đó.

Từ khi Nguyễn Bá Loan hy sinh đến nay đã tròn 90 năm. Đất nước Việt Nam và tỉnh Quảng Ngãi yêu thương của ông đã trải qua nhiều biến đổi. Cách mạng Tháng Tám thành công (1945), tên ông được nhân dân Mộ Đức trân trọng đặt tên cho huyện mình: Huyện Nguyễn Bá Loan. Nhưng rồi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ lại gieo rắc bom đạn suốt gần 30 năm hòng cướp lại đất nước ta một lần nữa. Quyết không chịu làm nô lệ, con cháu ông, đồng bào Quảng Ngãi ruột thịt của ông, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh đã tiếp tục noi gương ông, tắm trong máu lửa, vượt qua bom đạn để giải phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đất nước đã được độc lập, giang sơn đã thu về một mối như khát vọng mà suốt cả cuộc đời ông đã "trải mặt" phụng sự và hiến dâng. Ngày nay, con cháu ông đang bước tiếp trên con đường xây dựng một cuộc sống "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh". Trong sự nghiệp vinh quang mới, mọi người đều không quên công ơn ông. Tên tuổi, sự nghiệp của ông được mọi người làm sáng rõ và trân trọng ghi vào lịch sử oai hùng của dân tộc, trân trọng đặt tên cho các đường phố, trường học với lòng biết ơn vô hạn của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau đối với các thế hệ người Việt Nam đã lần lượt kế tiếp nhau chiến đấu vì sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

PHẦN PHỤ LỤC

Xung quanh cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Bá Loan có rất nhiều giai thoại và thơ ca hò vè còn lưu lại. Đặc biệt phong trào Duy Tân và phong trào chống sưu thuế ở Quảng Ngãi đã xem thơ ca hò vè là phương tiện chủ yếu trong việc truyền bá giáo dục tư tưởng yêu nước, bồi dưỡng ý chí tự lực tự cường, kêu gọi thống nhất trong từng hành động cụ thể đối với quần chúng nhân dân. Thơ ca hò vè cũng vạch rõ âm mưu thâm độc của bọn thực dân thống trị và bè lũ tay sai Nam triều, tố cáo tội ác của chúng, đặc biệt là chính sách vơ vét của chúng bằng sưu thuế.

Thơ ca hò vè có một số lượng rất lớn, gồm những tác phẩm do người trong tỉnh sáng tác, hoặc do người ở các tỉnh khác viết, rồi được mang về lưu truyền trong tỉnh. Chúng ta chỉ có thể tuyển chọn một số tiêu biểu nhất - số có nội dung sâu sắc nhất, được lưu truyền rộng rãi nhất - trong phong trào với mục đích vừa lưu giữ những di sản vô cùng quý giá này, vừa cung cấp thêm tư liệu để các bạn đọc rộng thêm đường kiến giải.

Để tiện cho sự liên hệ, suy nghĩ của người đọc, chúng tôi lần lượt trình bày làm hai phần:

a) Giai thoại

b) Thơ ca hò vè.

Trong phần thơ ca hò vè, chúng tôi xin trích dẫn thành một nhóm đối với những tác phẩm còn biết rõ tên người sáng tác. Còn các tác phẩm khác, chúng tôi xin trình bày theo trình tự thời gian mà tác phẩm ấy xuất hiện trong phong trào.

GIAI THOẠI

1. Tấm lụa may cờ

Tương truyền, lúc còn là thanh niên ở với cha là Nguyễn Bá Nghi quan đại thần tại triều đình Huế, Nguyễn Bá Loan di học và kết bạn bè thân thiết với Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp (Con của quan Phụ chính đại thần và Binh bộ Thượng thư Tôn Thất Thuyết).

Lúc này bọn xâm lược Pháp đã chiếm xong Nam Kỳ, Bắc Kỳ và đang chuẩn bị chiếm nốt Trung Kỳ. Triều đình Huế phân hoá thành hai phe, phe chủ chiến và phe chủ hoà. Nguyễn Bá Loan nghe cha mình theo phái chủ hoà, mà chủ hoà tức là đầu hàng, nên tranh luận gay gắt với cha, rồi bỏ sang nhà Đạm, Thiệp tâm sự.

Đạm, Thiệp đưa Loan vào ra mắt Tôn Thất Thuyết, được Thuyết nắm tay an ủi và giao cho mật kế. Loan mặt mày hớn hở, từ biệt ngay các bạn, quay về Quảng Ngãi với quyết tâm xây dựng lực lượng, sẵn sàng cùng

các tỉnh nhất tề nổi lên đánh đuổi thực dân Pháp khi có lệnh.

Trên đường giục ngựa về quê, Loan ghé thăm Cử Đình và truyền đạt mật kế, cùng nhau phân công: Đình phụ trách phía bắc tỉnh, Loan phụ trách phía nam tỉnh và liên lạc với Bình Định.

Loan về thăm nhà gặp mẹ, trình bày ý định tự nghĩa giữ nước. Mẹ Loan mừng rỡ vì thấy con biết làm nghĩa lớn, nhưng muốn làm việc lớn, trước tiên phải có lá cờ nêu cao danh nghĩa. Tuy chống làm quan to, nhưng nhà nghèo, bà phải nuôi tằm, ươm tơ để sống. Bà suy nghĩ rồi tháo khung cửi lấy tấm lụa đang dệt dở trao cho con, rồi nói:

- Mẹ nghèo không có gì góp phần. Còn tấm lụa này con đem đi may cờ. Cờ có nêu rõ chính nghĩa mới tập hợp được mọi người làm việc lớn. Cha con không có ở nhà. Con lớn rồi, việc gì phải, con cứ làm.

Loan xúc động rướm rướm nước mắt, quỳ xuống thưa:

- Thưa mẹ vận nước đang khó khăn, con đã lớn, mẹ cho phép con được làm những việc đáng làm. Mẹ lại trao cho con lá cờ để tập hợp anh hùng hào kiệt bốn phương. Thế là đủ. Mọi thứ khác con xin tự lo liệu. Con xin hứa với mẹ, con của mẹ không bao giờ làm hoen ố lá cờ đại nghĩa này. Xin mẹ cứ yên lòng!

Hôm sau, nhà riêng Loan đã thành doanh trại, đình làng trở thành trụ sở chỉ huy. Giữa sân đình lá cờ đại nghĩa được giương cao. Lá cờ màu đỏ thêu 7 chữ

vàng: "Tiểu tặc, trừ gian, bình quốc loạn". Trong không khí sôi sục đánh Tây của cả nước, quan lĩnh triều đình lại án binh bất động, mọi người chưa biết phải làm gì, nay có ngọn cờ tập hợp thì cùng kéo về ứng nghĩa. Cả Lê Lân, Nguyễn Quý, những cử nhân võ cũng có mặt dưới cờ.

Loan tuy còn rất trẻ, nhưng mưu lược sâu sắc, võ nghệ cao cường, nên được mọi người tin phục, cử làm Tấn tướng quân vụ (tham mưu quân sự). Lê Lân, Nguyễn Quý được cử làm chánh, phó tướng chỉ huy đội Hương binh và đội Võ Kiệt, ra sức tập luyện và mong chờ lệnh ở Kinh đô.

Thời gian ngắn sau, được tin Kinh đô thất thủ, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi xuất bôn và ra lệnh các nơi dấy nghĩa Cần Vương. Nguyễn Bá Loan bàng hoàng trước những diễn biến mới; nhưng có sẵn lực lượng trong tay, ông kéo quân ra giúp Lê Trung Đình chiếm thành Quảng Nghĩa, ứng nghĩa Cần Vương.

Nhờ lực lượng đã được tập luyện và có sự phối hợp nhịp nhàng nên việc chiếm thành thuận lợi, lá cờ đại nghĩa của Loan hiện ngang trong nắng gió¹.

Nhưng sau mấy ngày, Nguyễn Thân kéo quân đến. Không lường được ý đồ phản trắc của y, nên sau khi bị tấn công bất ngờ và dữ dội, lực lượng nghĩa quân bị tàn

1. Chi tiết này không đúng với lịch sử, Nguyễn Bá Loan chưa kịp đưa quân ra thì Lê Trung Đình đã chiếm được thành, nhưng bốn ngày sau thì bị quân Nguyễn Thân kéo đến đánh bại. Mặc dù vậy, giai thoại trên vẫn được lưu hành.

sát dã man. Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân, những người chủ soái của phong trào đều bị bắt và bị giết. Lực lượng nghĩa quân còn lại chạy tản mát khắp nơi. Nguyễn Bá Loan trốn được ra ngoài, với lá cờ quán tròn quanh cổ và cho người cấp báo với Án sát Nguyễn Duy Cung. Sau đó Nguyễn Bá Loan lại giương cao cờ, cùng Bùi Điển, Đỗ Diệt do Nguyễn Duy Cung sai phái đem quân từ Bình Định ra, cùng nhau đánh Nguyễn Thân. Quân Bùi Điển, Đỗ Diệt nhanh chóng bị quân Nguyễn Thân đánh bại. Vòng ra phía bắc, Nguyễn Bá Loan lại giương cao cờ tập hợp lực lượng chiếm giữ miền bắc Sông Trà, cùng lực lượng nghĩa quân của Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm ở Quảng Nam liên kết yểm trợ cho nhau. Nguyễn Thân lại kéo quân ra đánh bại. Nghĩa quân thua chạy tản mát, không tìm thấy Nguyễn Bá Loan ở đâu. Có người nói Loan đã hy sinh trong chiến trận, hai tay còn ôm chặt tấm lụa may cờ mẹ đưa...

Nhưng ít lâu sau, người ta thấy Nguyễn Bá Loan xuất hiện trên bãi bể Kỳ Tân¹ với lá cờ quán ở cổ, lên ghe buồm vào Nam. Gần 20 năm sau, tuy không còn lá cờ quán ở cổ nữa, nhưng Nguyễn Bá Loan đã quay về quê, sống hiên ngang trước kẻ thù, rồi cùng Lê Khiết lãnh đạo phong trào kháng thuế ở Quảng Ngãi.

1. Kỳ Tân tên một thôn sát biển, nhân dân ở đây chuyên làm nghề đánh cá, làm mắm và mua bán giao dịch với trong Nam ngoài Bắc. Thôn Kỳ Tân nay thuộc xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức.

Phong trào bị đàn áp, Nguyễn Bá Loan cũng như Lê Khiết đã ngã xuống, tô thắm thêm lá cờ bất khuất, giữ trọn lời hứa với mẹ ngày xưa.

2. Phương thuốc chữa bách bệnh¹

Muốn tỏ ra chăm sóc đến đời sống nhân dân và muốn lung lạc các nhân sĩ trí thức trong tỉnh, công sứ Daudet mời Nguyễn Bá Loan đến công đường, tỏ vẻ ân cần, tha thiết mời ông giữ một chức vụ trong Hội đồng Vệ sinh tỉnh. Daudet bảo:

- Nhân dân trong tỉnh nhiều bệnh tật, lại quá nghèo khổ, thiếu sức khỏe nên sinh ra ốm đau, nay cần lập Hội đồng Vệ sinh giúp nhân dân ngăn ngừa bệnh tật.

Nguyễn Bá Loan vừa tỏ ra tán thưởng, vừa ra vẻ ngạc nhiên nói:

- Quan lớn nhận xét phải lắm. Dân chúng tôi nghèo lắm, khổ lắm, nhiều đau ốm, bệnh tật lắm! Nhưng cái Hội đồng Vệ sinh này thì làm được cái gì?

Daudet cố tỏ ra nhã nhặn, giải thích rằng Hội đồng sẽ làm thế này, thế kia để giúp nhân dân ngăn ngừa bệnh tật. Nguyễn Bá Loan cười nụ, giọng từ tốn, rạch ròi:

- Dân chúng nghèo vì sưu cao, thuế nặng, khổ vì quan lại lý hương tham ô, cướp đoạt. Nghèo khổ nên sinh bệnh tật. Để ngăn ngừa bệnh tật, không cần phải có Hội đồng nào cả, mà phương thuốc tốt nhất là ở quyết định của quan lớn thôi!

1. Thời điểm của giấc thoại là vào khoảng 1905, 1906, lúc Nguyễn Bá Loan từ miền Nam trở về quê được một thời gian.

Daudet quát mắt hỏi:

- Tôi phải làm gì?

Được dịp, Nguyễn Bá Loan giữ thái độ trầm tĩnh, nói thẳng:

- Chỉ cần quan lớn trưng trị bọn quan lại, lý lương bất lương, bỏ xấu, giảm thuế để dân bớt đói khổ. Bớt đói khổ sẽ bớt bệnh tật.

Daudet biết mình bị lái sang hướng khác, và ngạc nhiên về thái độ ung dung, bất khuất của một con người dám nêu thẳng yêu cầu đấu tranh cách mạng trước mặt mình. Đôi mắt xanh lè của hắn trợn tròn, nhìn dăm dăm vào Loan. Loan cười nhẹ, nghiêm túc nói nốt ý mình:

- Căn bệnh nặng nhất của dân tộc Việt Nam chúng tôi hiện nay là bệnh mất nước. Người Pháp các ông trả lại nước cho chúng tôi, đó là phương thuốc chữa bách bệnh đấy!

Cặp mắt Daudet hạ xuống, chớp chớp lộ rõ nét nham hiểm khó hiểu, nhưng hắn cố im lặng, giữ bình tĩnh tiễn Loan ra về.

3. Hộ quốc mẫu nghi¹

Bà Võ Thị Đệ sinh trong một gia đình yêu nước ở

1. Túc bà Võ Thị Đệ (1860 - 1930). Bà tham gia đủ các phong trào yêu nước chống Pháp, phong trào Cần Vương, phong trào Duy Tân, phong trào chống xấu, thuế đều do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo. Sau đó bà tham gia Việt Nam Quang phục Hội, Việt Nam Thanh niên cách mạng Hội.

thôn An Điền (xã Bình Chương, huyện Bình Sơn hiện nay), có chồng là Đoàn Như Thiện, đậu cử nhân, nhưng không thêm nhận bằng, ở nhà dạy học và làm thuốc. Ông Thiện thừa kế tài sản rất giàu có của tổ tiên để lại. Tuy không tham gia hoạt động, nhưng ông Thiện ủng hộ nhiều lúa gạo, tài sản giúp nghĩa binh Cần Vương do Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân lãnh đạo. Ông Thiện chết sớm, bà Đệ trực tiếp tham gia các phong trào hoạt động cứu nước tiếp theo. Thời Cần Vương, bà ở trong Ban chỉ huy, đi khắp đó đây giúp Nguyễn Bá Loan lo việc quân lương, vũ khí.

Phong trào Duy Tân, tự tay bà kéo mái tóc dài, đen nhánh của mình cắt ngắn và cổ động mọi người cùng làm. Trong phong trào chống sưu thuế bà chỉ huy đội tiếp tế lương thực cho dân chúng Bình Sơn. Bà vừa xuất của nhà, vừa đi quyên góp, tập trung được nhiều lương thực không ai bằng bà. Nhà bà là chỗ lui tới, gặp gỡ của những người có tâm huyết với đất nước, dân tộc. Bà nuôi nấng, che giấu các nhà hoạt động yêu nước đang bị thực dân Pháp truy bắt; tích cực đóng góp tiền của ủng hộ phong trào; đưa thanh niên xuất dương do cụ Phan Bội Châu bí mật tổ chức; trực tiếp che giấu, nuôi nấng dài thọ cho Võ Quán (cháu gọi bà bằng cô ruột) và Nguyễn Bá Trác, một thanh niên có học, được người ta giới thiệu đến và nhờ bà giúp đỡ đưa ra nước ngoài (Nguyễn Bá Trác sau này phân bội phong trào ra làm quan với triều đình và phục vụ đắc lực bọn Pháp).

Năm 1916, việc tập hợp nghĩa binh, chuẩn bị khởi

nghĩa cần rất nhiều tiền gạo, vũ khí. Nhân ngày giỗ họ của dòng dõi họ Đoàn, những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa mượn cơ ăn giỗ để cùng nhau bí mật hội họp bàn về quân lương. Cuộc tranh luận trở nên sôi nổi khi bàn đến việc cử người "Biện lương sứ" lo liệu thu gom, vận chuyển quân lương. Mọi người đều đề cử bà Đệ vào ban chỉ huy phụ trách công tác hậu cần quan trọng ấy. Bà từ chối vì sợ là dân bà, đi lại khó khăn, không gánh nổi trọng trách, làm lỡ việc của muôn người. Không thấy ai có thể hơn bà, cử Thuy chủ trì cuộc khởi nghĩa vui vẻ nói:

- Bà thím nhận lời làm cho cái trọng trách "Hộ quốc mẫu nghi" để các bạn đồng nhân và thiên hạ nhờ chứ!

Bà nghiêm túc nói: Tôi chỉ sợ không gánh nổi việc lớn, nhưng nếu được mọi người tin cậy thì già này cũng xin cố sức.

Chức danh trang trọng "Hộ quốc mẫu nghi" gắn liền với tên tuổi bà Võ Thị Đệ và thường được nhắc đến trong hàng ngũ nghĩa quân và các nhà cách mạng kể từ đó. Bà đem toàn bộ lúa gạo có trong nhà, bán tất cả những gì bán được nộp vào kho chung. Bà đi khắp đó đây, có lúc mặc áo thâm, tay cầm tràng hạt, có lúc lại gánh hàng, có khi đeo tay nải làm người đi bán hàng tơ lụa để vận động lương thảo. Nhà có ba con, ngoài Đoàn Triết con trai thứ sung vào nghĩa quân luyện tập, còn con trai lớn Đoàn Cổ, bà giao cho việc vận chuyển bí mật lương thực đến các nơi quy định. Còn gái út 15 tuổi giúp bà ghi chép mọi thứ thu chi.

Quân lương đã được chuẩn bị đủ. Ngày khởi sự cũng sắp đến. Không may chủ trương khởi nghĩa bị bại lộ, kẻ thù bao vây truy nã, tàn sát. Bà cũng bị bắt và bị liệt vào số 10 người chỉ huy phong trào. Cũng may, trước khi bị bắt, bà đã kịp thủ tiêu mọi giấy tờ ghi chép, nên thực dân Pháp chỉ cướp đoạt lúa gạo, thực phẩm hiện có, chứ không biết tên tuổi những người quyên góp và cũng không biết người chỉ huy quân lương. Không có bằng cứ, sau 3 năm liền giam giữ, tra tấn không tìm được tài liệu nào, địch phải thả bà về nhà. Đau khổ vì nhiều đồng nhân, đồng chí bị xử tử, bị tù đầy, thương xót con trai đầu bị đẩy ra Lao Bảo và mất tại đây, con trai thứ còn bị giam giữ, bà còn đau khổ hơn khi biết tin Võ Quán, người cháu trai duy nhất của dòng họ bà hoạt động cách mạng đã bỏ mình ở nước ngoài. Và Nguyễn Bá Trác, người được bà cứu mang nuôi giấu, bảo lãnh đi cho đi nước ngoài đã phản bội, trốn về nước, ra đầu hàng địch và làm quan. Đau khổ càng nhiều, bà càng tích cực vận động và ủng hộ các phong trào cách mạng tiếp theo như Hưng Nam Hội, Việt Nam Thanh niên cách mạng Hội.

Khoảng năm 1930, Nguyễn Bá Trác làm Tuần vũ Quảng Ngãi nghe tin bà vẫn tham gia các phong trào cách mạng, mượn cớ đi hành hạt đến nhà bà gọi là đến thăm nhưng cốt để đe nẹt. Trác vào nhà, ra vẻ thân quen, đến ngồi ngay trước mặt bà. Bà giả vờ mắt kém, nhìn không rõ, hỏi:

- Ai đó?

Trác ra hộ vốn vĩa, không ra trân trọng, không ra đe dọa:

- Trác đây. Bá Trác đây! "Hộ quốc mẫu nghi" không nhớ sao? Nghe nhắc đến danh hiệu thiêng liêng mà các đồng chí, đồng nhân đều đã ngã xuống trước kia trao tặng, nhưng đau đớn thay lại từ miệng một tên phản bội thốt ra, bà giận đến tím ruột, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình thân. Bà hỏi tiếp: Trác đã bốn ba những nơi nào, có gặp Võ Quán cháu bà hay không? Rồi như không biết gì chức vụ hiện tại của Trác, bà hỏi:

- Còn sự nghiệp của thầy thành đạt ra sao mà coi bộ mập mạp sang trọng quá vậy!

Trác lúng túng chưa biết đáp sao. Tên thừa phái theo hầu không hiểu gì về quá khứ, cũng không hiểu được ý nghĩa mỉa mai trong câu hỏi, lại thấy bà già này từ nãy đến giờ ngang nhiên coi thường quan trên của mình, vội đỡ lời và cố ý nhấn mạnh chức vụ của Trác:

- Hôm nay! Quan lớn Tuần vũ hạ cố đến thăm bà đấy! Bà ra vẻ ngạc nhiên nói:

- À ra đây là ông Tuần vũ, ông Tuần vũ Trác! Lớn quá! Ông làm lớn quá! Nhờ đâu mà ông làm lớn đến thế?

Mỗi lời như mũi tên xoáy sâu vào tâm khảm Trác, nhưng Trác đành ngậm câm, không nói được một lời nào. Bà rành rọt nói tiếp:

- Ông Tuấn học rộng, biết nhiều, chắc còn nhớ tích bà Phiếu mầu nuôi Hàn Tín trừ bạo Tần để cứu dân, an thiên hạ đấy chứ! Già này chỉ tiếc mình chọn không phải mặt để gửi vàng, bây giờ nghĩ lại thấy hổ thẹn quá!

Không ngồi được nữa, Trác đứng dậy, mặt tái mét, ray hơi run, bèn lên bước ra khỏi cửa. Tên thừa phái theo sau nghe Trác lẩm bẩm:

- Bà già lẩm cẩm!

Khi bà Võ Thị Đệ mất, công đức của "Hộ quốc mầu nghi" được ca ngợi trong nhiều liên, đối:

"Đáo tận quần thoa lưu, bát thập xã thôn trung
xuất nhân đầu địa;

Túc vi phụ nữ giám, nhị thập thế kỷ hậu, vãn giá
tác hưng".

(Tìm hết trong hàng khăn yếm ở tám mươi làng xã, chỉ thấy một người xuất hiện; Nêu tấm gương sáng cho nữ giới của thế kỷ hai mươi, làm giá noi theo)

- Xã hội hữu từ tâm, bát cổn hoàn qui hiền lão ấu;

Môn phương tổn nghĩa khí, thiên thu hoài ức nữ
anh thư;

(Xã hội sáng từ tâm, tám mươi tuổi qua đời người
mẹ nghĩa;¹

Đấu nhà còn khí tiết, nghìn thu nhớ mãi nữ anh
hùng).

1. Căn cứ vào câu liên này có thể bà Võ Thị Đệ sinh trước năm 1860.

4. *Đả thượng quan*¹

Cử Cảnh (tức Lê Đình Cảnh) làm huấn đạo Mộ Đức được 3 tháng. Không chịu cuộc đời làm quan nô lệ, ông viết bài thơ tự thân:

*"Con hầu mà cứ ngỡ là quan
Luôn đi thẳng Tây tờ chẳng màng
Cân đai vứt sạch, về vui phận
Cấy cà, bè bạn với giang san"*

Ông bỏ chức về nhà dạy học và giao du với các chí sĩ cách mạng. Bọn thống trị thực dân cho mật thám bí mật theo dõi. Nghe báo Cử Cảnh cất giấu nhiều tài liệu chống Pháp, công sứ Daudet sai lính tức tốc đến khám nhà. Gặp lúc Cử Cảnh đi vắng, bọn lính lục soát khắp nơi, nhưng không tìm được một tài liệu nào.

Vài hôm sau về nhà, biết rõ sự việc, Cử Cảnh đến thẳng công đường của Tuần vũ Lê Từ, hỏi:

Tôi có tội gì mà quan cho lính đến khám nhà và đòi bắt tôi!

Lê Từ biết người làm cách mạng coi trời bằng vung, muốn né tránh, ra vẻ lịch sự, phân trần:

- Việc này chắc ở quan công sứ. Tôi có biết gì đâu? Ông sang toà sứ hỏi xem.

Cử Cảnh đi ngay đến toà sứ, thấy Daudet đang ngồi oai vệ giữa công đường. Cử Cảnh bước tới trước mặt, nghiêm giọng hỏi đúng như câu đã hỏi Lê Từ. Sau một

1. Đánh quan trên.

phút ngạc nhiên, lấy lại vẻ nghiêm nghị. Daudet nói như quát:

- Màý không có tội à? Thế mấy hôm nay màý đi đâu? Thái độ hách dịch của viên công sứ Pháp đã thật sự làm Cử Cận nổi giận. Mặt ông đỏ thêm, hỏi vặn lại:

- Thế còn ông, ông đi đâu mà tôi cũng thấy đi luôn?

Daudet vẫn giọng hách dịch đáp:

- Tao đi có việc. Màý có quyền gì hỏi tao?

Cử Cận bộp chát lại ngay:

- À! Thế thì tôi cũng đi có việc của tôi.

Daudet quát mắt, giọng danh lại:

- Màý đi rủ người ta làm giặc, chứ có việc gì?

Cử Cận cười mỉa mai, nói thông thả, nhấn mạnh từng ý:

- À, à, ông chó vôi dùng quyền lực sớm buộc tội cho người. Còn thế nào là làm giặc? Kẻ cướp nước và người cứu nước, ai là người làm giặc, còn phải trao đổi dài dài đấy. Mát Daudet đỏ quàng những má, nhưng chưa có bằng cớ gì để buộc tội, đành đập tay mạnh xuống bàn để trút bớt cơn tức giận, rồi thét lên để giữ oai vệ:

- Lính, lôi nó sang giao cho Tuần vũ!

Tuần vũ cũng không có chứng cứ buộc tội, đành phải để cho Cử Cận ra về, với lời khuyên ra về ăn cần:

- Ông nhớ đừng đi đâu để Tây nó nghi!

Nhưng Cử Cận làm sao không đi được. Vài hôm sau ông đi Sơn Tịnh, về đến Bầu Giang thì gặp công sứ Daudet đang ngồi trên chiếc xe nhà, có người kéo, còn có thông phán, lục sự theo sau. Thấy Cử Cận, Daudet

bắt dừng xe lại, bước xuống quắc mắt hỏi:

- Máy đi đâu?

Cử Cận phớt tỉnh, nhổ nước bọt rồi quay mặt đi chỗ khác, không thêm trả lời.

Daudet tức uất, lao đến tát Cử Cận một tát. Không chịu thua, sẵn cầm gậy trong tay. Cử Cận phang cho công sứ hai gậy liên tiếp như trời giáng. Daudet ôm đầu. Bọn tuý tưng áp lại bắt Cử Cận đưa về tỉnh huộc tội "Đá thượng quan"¹.

5. Câu đối phúng

Trước đây nhân dân Quảng Ngãi lúc hội hè, đình đám, nhất là những lúc trao đổi về nhân tình thế thái, thường đọc cho nhau nghe đôi câu đối:

"Ông vội đi đâu, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ vợ bỏ con, bỏ gánh hát, bỏ chùa chiền, bỏ hưu bổng, bỏ lộc diên, bỏ hết trần duyên rồi một kiếp;

Tôi còn ở lại, còn trời còn đất, còn nước còn non, còn kẻ tài, còn người trí, còn anh hùng, còn hào kiệt, còn nhiều sự nghiệp với muôn thu".

Ài cũng khám phục văn tài lưu loát, nhất là ý nghĩa châm biếm và khí vị tự hào toát ra từ câu đối trên. Nhưng ai là tác giả câu đối trên thì nhiều người không biết. Riêng các cụ nho học trong các buổi đàm đạo về thế sự thường gật gù tán thưởng với nhau và khẳng định:

1. Lần này Lê Đình Cận bị chúng bắt giam, kết tội và đưa đi Lãng Rí - Sơn Hà.

- Hay quá, dầy đủ quá, chữ Nguyễn Thân không bỏ sót một điều gì. Còn ai vào đó nữa, khí vận đó là khí vận của Cử Cảnh. Các cụ truyền với nhau rằng Cử Cảnh tham gia phong trào đồng bào (Duy Tân) phong trào chống xấu, thuốc bị bắt, bị kết án lưu đày chung thân. Bị giam giữ và ăn uống đói khát nên ông bị lao phổi rất nặng; bọn thống trị phải đưa về giam ở nhà lao tỉnh. Mặc dù thân xác ông ngày một kiệt quệ, nhưng lúc nào ông cũng sống rưng rục hào khí, khi nghe tin Nguyễn Thân chết, ông chép miệng nói với mọi người:

- Đáng tiếc, thật đáng tiếc! Con sâu đó nó lại chết trước mình. Chưa kịp lấy máu nó rửa nhục cho non sông, nói giống! Rồi ông làm câu đối phúng trên gửi đến để viếng. Mấy tháng sau ông cũng qua đời.

Không biết câu đối phúng đó có đến được đám tang hay không, nhưng vận tài khí phách Cử Cảnh còn truyền mãi đến ngày nay.

THƠ CA HỒ VÈ

... *Quất ngựa, vung gươm, trừ bạo tặc*
*Anh hùng trái mặt cứu giang sơn.*¹

Nguyễn Bá Loan

1. Hai câu thơ nổi tiếng có lẽ nằm trong một bài thơ hoàn chỉnh thời ông chiến đấu vũ trang dưới ngọn cờ Cần Vương, nay đã thất truyền.

Nỗi ngậm ngùi

*Núi liếm chân mây, mây ấp núi,
Tình trong như nước, nước trong thơ.
Lên cao còn thấy cao cao nữa,
Một vùng đất thánh của tự do.
Ngóng về đồng nội mây che khuất,
Nghe tiếng quân reo dậy côi bờ.
Thanh gươm tuyết hận rơi đầu giặc,
Bóng nàng lỏng lẻo giữa trời mơ¹*

Bài thơ hiện đang có hai ý kiến khác nhau về thời điểm ra đời.

- Ý kiến thứ nhất cho Nguyễn Bá Loan đã làm bài thơ trên ngay sau khi chiến đấu vũ trang thất bại, đang trốn tránh và đi tìm Trịnh Thị Tuyết Anh.

- Ý kiến thứ hai cho Nguyễn Bá Loan làm bài thơ sau khi ở miền Nam về với tư tưởng mới dân chủ tự do hai câu (3 và 4) lúc đang thăm lại chiến trường xưa nhớ đồng đội cũ.

*

* *

1. Hai câu cuối ông nhắc lại hình ảnh Trịnh Thị Tuyết Anh - người yêu dang dở của ông - và thanh gươm tuyết hận của nàng.

Dệt đường thơ

*Một mảnh trăng thu rọi côi bờ,
Nửa trong hòn nước, nửa đục nhơ,
Thân gái dậm trường gương báy thướt
Quyết trừ bạo tặc dệt đường thơ.*

Đẹp má đào

*Khoác áo nam nhi, vượt sóng trào,
Hồn ôm đất nước rục trời sao.
Tuốt gương trừ tiệt phường bạo tặc,
Thoả chí bình sanh, đẹp má đào*

Trịnh Thị Tuyết Anh

(1860 - 188...?)

Hai bài thơ trên là của Trịnh Thị Tuyết Anh có lẽ làm vào những năm 1885 hay 1886, bà mất trong chiến đấu, nhưng năm nào không rõ.

Xin đúc một chữ đồng¹

Lê Đình Cẩn

*Hạ bút thảo đôi dòng Quốc ngữ,
Gởi đồng bào, chư vị sĩ phu,*

1. Chép lại nguyên văn theo phần Phụ lục của *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*, Sở Văn hoá thông tin Nghĩa Bình, 1985, tr. 266.

"Xin đúc một chữ đồng" được Lê Đình Cẩn viết ra, có sự góp ý bổ sung của Nguyễn Bá Loan, và được xem là lời kêu gọi chung của phong trào "Khai dân trí, chấn dân khí..." của Quảng Ngãi và được phổ biến rộng rãi.

Nước ta trải mấy nghìn thu,
Gian truân phải nhượng giặc thù phải co.
Bãi sức mạnh cơ đồ Phù Đổng
Từ Lạng Sơn đến vũng Hà Tiên,
Thuở xưa vua thánh tôi hiền,
Đủ tài dưới giặc giữ quyền an bang.
Giờ, trên chín bệ lầu vàng hủ mục,
Dưới trâm quan giặc ngủ im lim,
Lát lay hồn quế bên đèn phù dung.
Mặc nói giống lao lung tù hãm,
Chôn triều đình trải gấm lay Lang sa.
Than ôi một cõi sơn hà,
Nghìn năm vẫn hiển thành ra ngục tù.
Nước Đại Việt mây mù phủ kín,
Giống Lạc Hồng điêu đứng tang thương,
Vì chưng giặc Pháp xâm lăng,
Vì chưng nhà Nguyễn bán mình cầu thân.
Giờ ta tự cứu lấy mình,
Vứt đường khoa mục, treo danh hoạn đồ,
Quyết ngăn chống sóng to vào cửa,
Cứu dân ta khỏi bể trầm luân,
Cả kêu tất thầy bà con
Sự cơ đường ấy ngồi nằm sao an?
Lẽ nào để lâm than rên xiết,
Có mắt mà chẳng biết thấy nghe.
Há đâu cứ để hồn mê,
Cam làm nô lệ một bề mà thôi.
Hồn ái quốc mê rồi lại tỉnh,

Nỗi hận thù phải tính làm sao?
Chờ đem sinh lực tiêu hao.
Ham mùi lợi lộc chúi đầu quyền môn.
Kìa chẳng phải thiên hôn địa ám,
Nước ta từ Nguyễn Ánh đến nay
Dân nghèo, vua lại no say
Lợi quyền tóm vét về tay cường đồ.
Cơ vận hội ai xui đến đó,
Vì du hoan quyền rũ xa hoa,
Đem thân đổi lấy sơn hà
Làm vua nước Việt, tôi là Pháp Lan¹
Hai mươi triệu thành dân trâu ngựa,
Xô xuống hầm không cửa không la.
Cướp của nước, tịch của nhà,
Dắt đầu đi đó thật là nhuốc nhơ.
Thế rồi nói rằng nhờ tế độ,
Được danh là bảo hộ Viêm bang²
Nghĩ thôi luống những giữa gan,
Giặc Nguyên thừa trước nghênh ngang hoàn cầu.
Chỉ mấy trận ôm đầu chạy trốn,
Hướng thẳng Tây có đáng là bao!
Oán hèn càng lặc càng cao,
Chẳng lo rửa nhục lại nhào mua danh.
Hỡi những kẻ tài danh quốc sĩ,
Chữ kinh luân xin nghĩ cho sâu,

1. Chỉ nước Pháp (phiên âm chữ France là Pháp lang sa).

2. Chỉ nước Việt Nam.

Đợi trời, trời có hay đâu,
Là người, người phải cùng nhau cứu đời.
Trước thế cuộc chờ ngồi mà ngó,
Hoạ diệt vong nào có bao xa!
Triệu, Trưng vốn phận dân bà,
Nêu gương anh kiệt chói lò non sông.
Ta đây đã sỏi sành kinh sử,
Dạo ở đời còn đợi chờ ai?
Nước nhà gặp lúc nạn tai,
Sao không ra sức diệt loài thù chung?
Mà để vậy ngó chừng nhau mãi,
Uốn lưỡi mềm bàn cãi chuyện xưa,
Đưa cây ra địch với cửa,
Thịt nào mà chịu cho vĩa thốt dao.
Giữ thân phận kẻ nào người ấy,
Đoái trông ra càng thấy đau buồn.
Quan nha ra cúi vào luôn,
Triều đình làm mướn ra tuồng chi đâu.
Nghĩ như vậy còn đau còn nhục,
Còn vinh chi xung khắc với nhau,
Năm tay tỉnh dậy cho mau,
Đổi lòng mê muội mà trau tinh thần.
Đổi hủ tục, thuần phong trở lại,
Đổi điểm đảng, bỏ thói điều ngoa.
Đổi lòng gian nịnh tinh ma
Đổi nòi đại chợ khôn nhà bấy nay
Đổi dựa thế hại người nghĩa khí,
Đổi thị phi theo lý sự cùn.

Đôi khăn, đôi áo lòng thông,
Đôi răng trắng lợi, bỏ long đen di
Bao thù tình chi chi cũng đối,
Sợ tức dài bởi rồi bày lâu,
Lược cái trăm giắt chi đầu,
Nặng nề sừng gác trên đầu thối hôi.
Bỏ chề rửa, bỏ mùi nha phiến,
Bỏ hồng tâu vài quyển trắng đăm,
Bỏ nghề đồ bạc gian tham,
Bỏ mè phù thủy¹, bỏ nhâm tung kinh.
Bỏ cho hết nhục tình cứu chế²
Đều ở ăn theo lối vấn mình.
Sao cho phù hợp với mình,
Đừng dưng xa xỉ, đừng bày rình rang.
Phải tìm học khôn ngoan làm trước,
Phải kết đoàn cả nước với nhau,
Nông công hai nghiệp làm đầu,
Khóa danh đứng chuông, công hầu đứng ham.
Cuộc tự lập chằm làm cho nổi,
Thì nước nhà mới trời đất lên
Giang sơn thu phục về mình,
Danh vang bốn biển tiếng rền năm châu.
Đừng phò mặc tì đầu hay đó,
Đừng ngử đôn dọi cò người to,
Cũng đừng thì thọt nhỏ to,

1. Cờ bạc

2. Chế độ cũ

Ở ... ở ... lỗ miệng, bo bo việc nhà.
Xin cả thầy gái, trai, già, trẻ,
Khấp mọi nhà cha mẹ, anh em,
Chung lòng đầu sức lo chăm,
Đừng chờ vận hội, đừng thêm dôi gian.
Bỏ hết thói chí đang làm ngô,
Bỏ sạch tuồng nói có làm không,
Mạnh giàu vì sức người đồng,
Gặp khi gánh nặng tâm đồng chung vai,
Đường kinh quốc đường dài dằng dặc,
Đừng quay lưng kẻ bắc người nam.
Cũng đừng lực bất khả kham,
Sớm sớm đo đò, tối tối chăm xanh xanh.
Đừng lẩn lớt rằng mình hiểu biết,
Vênh mặt mày nói ngược làm xuôi.
Việc này cũng chẳng riêng ai,
Gặp cơn quốc nạn ghé vai đỡ đỡ.
Cũng phải tránh đừng đâm đừng thọc,
Đừng mưu toan nịnh dục hại nhau,
Gió đưa chẳng trước thì sau,
Trí khôn lẩn mở đâu đâu cũng đều.
Nòi giống ta chung nhau mà giữ,
Để kẻ thù găm gở thịt da,
U mê chi lắm vậy mà,
Phải sao chịu vậy hư đà quá hư.
Cũng có kẻ lùa dư tiền đủ,
Những lo bề ăn ngủ mà thôi,
Miễn sao thông thả cái đời,

Vẫy vùng miệng châu, đùa bơi trong lồng!
Cúi một đồng chất chống trên lửa,
Để vẫy ngòi mà ngỡ rằng an,
Thương thay chim sẻ một đàn,
Chạy thiêu phải chịu thờ than đặng nào?
Khớp trong nước anh hào chẳng thiếu,
Để vẫy ngòi mà chịu nhục nhơ.
Đạp đầu nên óc tra tra,
Sai đâu đi đó mong chờ người thương.
Kìa thử hỏi ai thương ta đó,
Ai giết người, giày xéo non sông,
Ai gieo tử nhục lấm than,
Ai gieo tang tóc ngập tràn máu xương.
Lại còn bảo rằng sang bảo hộ,
Kéo qua đây khai hoá văn minh!
Làm cho nòi giống điêu linh,
Luân thường điên đảo, nghĩa như lộn phèo!
Mà có kẻ chạy theo lay lục,
Thờ làm thấy đôi nhục làm vinh.
Nghĩ thôi càng giận như tình,
Bập bênh vận nước, chênh vênh mái chèo.
Nghĩ mà giận những người theo giặc,
Nghĩ mà đau, nước mắt nhà sao!
Đôi lời nhắn với đồng bào,
Ở đời ta phải tỉnh sao với đời.
Kẻ biết trước chỉ người chưa biết,
Đừng để dân bị giết không hay,
Đau lòng nên phải nói ngay,

*Dòng máu nóng còn trôi chảy
Để đồng loại hấp thụ văn minh.*

Bài thơ đã được nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng dịch:

*Non sông ơn vẫn nặng,
Sóng gió cuộc đời xoay.
Vạc lửa lòng quên sợ,
Tâm kinh mộng đuổi ngay.
Khóc đời Cao¹ chưa chán
Hồng việc Cát² nào hay!
Máu nóng còn trôi chảy
Văn minh hấp cả bấy,*

Để rồi xem³

*Năm Tân Sửu tuổi vừa hăm tám⁴
Kể niên ba cũng chưa đáng bao lâu.
Gắng công đèn sách bấy nhiêu năm,*

1. Cao sơn - Chính - Chí, nhân vật trọng yếu của phong trào Duy Tân ở Nhật Bản.

2. Cát - Điền - Tùng - Âm, cũng là nhân vật Duy Tân, người mở đường xuất dương ở Nhật.

3. Để rồi xem - bài thơ của Nguyễn Thụy là nhân vật trọng yếu của phong trào Duy Tân, ông đã kích việc học chữ quốc ngữ mà ông cho là "Lang sa pháp tự". Bài này ông viết năm Tân Sửu (1901).

4. Nếu "Năm Tân Sửu tuổi vừa hăm tám" như ông đã viết thì ông phải sinh vào năm 1873, chứ không phải 1880 như nhiều sách đã viết.

Khoa bảng để danh chưa thoả chí,
Câu tất nghiệp đã ngậm nơi vị thủy,
Chốn để kiêu nào phải chí nam nhi,
Gặp mặt ngày xuân khi cờ, khi kiêu,
Khi chén rượu ngậm nga ba bữa tết.
Lặn lội với đời chi cho mệt,
Chi bằng vô sự tiêu thân tiên.
Gẫm lại nhà mình ít của, ít tiền,
Sớm rượu cúc, tối trà long, vui với phần
Chỉ rằng: phong lưu như vật đông tây cân,
Dài các văn chương đã tiêu đồ.
Cấp bút nghiên mình mà theo lữ Tô Hồ,¹
Cùng chúng bạn học thêm năm bảy chữ.
Học làm chi chữ Lang Sa Pháp tự,
Hội công danh nào ai dám nhường ai.
Chớ cười rằng ta không trí, không tài,
Dẫu không trí, không tài, thôi cũng mặc.
Để xem thế rồi đây ai đắc thất,
Thử chờ xem, ai đại với ai khôn.
Học làm chi mà lắm kẻ bôn chôn,
Kẻ trông biển nọ người dòm non kia!
Dường ai kia đêm khuya thanh vắng,
Để rồi xem vàng trắng lộn nhau.
Đời dâu bể, vui dâu mà lặn lội,
Nhục non sông lo gọi cho xong,
Mới rõ mặt tang bồng hồ thủy,
Ấy mới là phải chí nam nhi!
Vinh hoa danh lợi chi chi?

1. Tô Hồ: Không rõ nói ai

Kêu gọi đồng bào¹

... Hô đồng bào, liên khí huyết,
Liệu tử tiết, tử tiết tử cường,
Dương cơ hội mấy nẻo lòng thương,
Quân sơn đấm, binh khổ đỏ,
Linh giã nhưn kinh,
Hãy quên mình, lòng sắt dinh, dạ dinh.
Người tập binh cũng An Nam sinh,
Đâu nở lại chinh chiến, chiến chinh.
Chữ thình đồng thình, thình đồng thình...
Anh em ta thầy cả (chừ) xin khuyến ngã,
Khuyến ngã dân quyền,
Rãng rứa chừ không khai trí hoá!
Sao cho khá với người, để tiếng cười xấu hổ nghìn năm.
Nghìn năm lâu dài, ai hãy là ai
Cũng mất cũng tai trong cuộc trần ai
Sáu phủ huyện anh em ta gắng sức...

Vô đế²

Phong lôi, trập phục để tinh trâm,
Hải khiêu sơn đế, hổ báo cần,

1. Bài ca viết theo điệu nhạc dân tộc, để mọi người cùng hát lúc vây quanh thành Quảng Ngãi trong phong trào chống thuế 1908.

Nguyễn Thụy viết nhằm kêu gọi đồng bào, kêu gọi cả lính tập (lính nguy của bọn thống trị) cùng đứng về phía đồng bào đấu tranh.

2. Bài thơ còn có tên là *Căm hờn*. Sau phong trào chống thuế, Cử nhân Nguyễn Thụy bị kết án tù, đày đi Côn Đảo. Trong thời ở Côn Đảo ông viết bài thơ này.

Nhất phó đầu lô mãn sơn huyết,
Miên niên Trà tân nô triều âm

Tạm dịch

Sao chìm, sóng lạnh cảnh buồn tèo,
Núi khóc, sóng rền, vắng cạp beo
Một thớt đầu lô đầy bụng huyết
Bến Trà cơn giận sóng thường reo

NỢ NƯỚC DĀ VAY THÌ PHẢI TRẢ

Phan Long Bằng

Sóng gió mệnh mỏng!
Nhìn cảnh vật càng thêm ảo não.
Biển trần lai láng,
Đoái non sông chỉ xiết ưu sầu!
Nào ai có thấy cảnh này đâu,
Kìa trăm họ lâm than trong vũ trụ.
Một gánh giang sơn là nghĩa vụ,
Phải cùng nhau xây dựng lại trần ai.
Tạo thời mới gọi là trai,
Chớ găm ghè vào trường danh lợi.
Tới! bước tới! chớ nên chờ đợi,
Tung trời xanh cho thoả chí mây râu.
Vẫy vùng bốn biển năm châu,
Gian nguy chi sợ, khổ đau chẳng nài.
Cũng mất mũi, cũng tóc tai,
Há để khoanh tay ngồi ỷ lại.
Ngược sóng gió vững vàng tay lái,

Dầu phong ba nào ngại tử sinh,
Làm cho bể khô tan tành,
Để cứu vớt chúng sinh, lên đài hạnh phúc.
Dù đời no chiu chắt,
Đừng tham vông lọng, ngựa xe,
Sóng tang thương dôn dập bốn bề,
Người chiến sĩ có nghe chãng tá?
Hay là ý lầu cao vách đá,
Chẳng đang tay tế độ trăm luân
Hay là tham vóc ngọc càn vàng,
Chẳng ra sức phá tan đời dâu bể!
Thôi, nên gấp hy sinh thân thể,
Đem nó ra mà bồi đắp non sông.
Làm trai nặng gánh tang bồng,
Nợ nước đã vay thì phải trả!
Thế cuộc đang cơn mưa tầm tã,
Nước nhà đang đợi sóng bất bình.
Hô lên một tiếng đồng tình,
Đẩy thuyền tế độ chúng mình bước qua.
Sao cho rõ mặt con nhà.

Phan Long Bằng viết bài này năm 1907. Ông được phân công vào hỗ trợ cho phong trào chống thuế ở Bình Định. Ông bị bắt và bị xử chém gần thành Bình Định. Các nhân sĩ Bình Định có bài thơ điệu ông như sau:

Đồng bào kháng thuế dậy cơn giông,
Nói đến Đỗ Bàn, nói đến ông,
Cây bút nhà văn gây sóng gió,

*Soi gương cửa võ rang non sông!
Tấm gương anh kiệt to tây bể,
Lưỡi kiếm quân thù nhẹ tựa lông!
Hoa cỏ Thanh sơn thơm khí tiết,
Trăng nước sông Trà rạng nghĩa nhân*

Nguyễn Đình Ân, người xã Phú Cường, huyện Đức Phổ gọi Phan Long Bằng bằng cậu. Vào Đảng năm 1930, hoạt động đến năm 1931 thì bị địch bắt và bị kết án tù giam. Bị tra tấn đến dập phổi, bị đau yếu mãi, sau 3 năm tù về nhà thì mất. Ông đã làm hai đôi câu đối sau đây để viếng cậu mình:

- Từ Bắc thuộc tới Tây giao, giống da vàng so với bốn phương trời, mặt thẹn hoàn dinh, thân thể đem thể gương một lưỡi.

Xưa Bàn Thành¹ nay Cẩm Quận², nắm xương trắng dập vùi ba tấc đất, hồn ngoài cương toả, anh hùng lưu lại tiếng nghìn thu!

- Nghĩ mà thương! Kiếp phù sinh gặp phải lúc phong trần, phận bạc riêng anh, sách số toan kêu toả Ngọc diện.

- Thôi chỉ tiếc! Xác nó lệ trả về trong tạo hoá, xuôi vàng cùng cậu, đem hồn chung đức khí Thanh Sơn³.

1. Bàn Thành (hay Đồ Bàn) chỉ tỉnh Bình Định.

2. Cẩm Quận hay Cẩm Thành là tên văn học của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thôn Thanh Sơn quê hương của Phan Long Bằng.

Tố cáo thuế nặng¹

...
Các hạng thuế các làng tăng mãi,
Hết thuế đình điền rồi lại trâu bò,
Thuế chó củi, thuế lợn lò,
Thuế diêm, thuế rượu, thuế đồ, thuế xe,
Thuế chợ, thuế chè, thuế thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước thuế đèn,
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,
Thuế rừng tre gỗ, thuế quyền bán buôn,
Thuế đến cả phán sơn đường phố,
Thuế những anh thuốc lợ gầy mòn
Thuế gò, thuế bãi, thuế cồn,
Thuế dầu, thuế củi, thuế mộc, thuế sơn,
Thuế gạo rau, thuế lúa, thuế bông,
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá khắp trong lương kỳ,
Các hạng thuế kể chi cho xiết,
Thuế xưa kia mới thiệt lạ lùng,
Làm cho thập nhất cửu khung²
Làm cho xơ xác khốn cùng chưa thôi!

....

1. Đây là một đoạn trích của bài ca *Á tế á* của Phan Bội Châu từ miền Bắc đưa vào và được phổ biến rất rộng rãi ở Quảng Ngãi, nhất là trong thời gian chống sưu, thuế (1908). Bài này còn thường được gọi là *Đề tình quốc dân ca* nhưng chính tên do Phan Bội Châu đặt là *Nam Hải bá thần ca*.

2. Nghĩa là trong số 10 nhà thì đến 9 nhà bị vợ vét đến không còn một cái gì.

Về thuế nặng¹

Hỡi trời cao đất dày,
Thuế xâu nặng thế này,
Xôm lung danh bộp bộp
Bán địa tao nạp thuế Tây.
Tứ hương mục, hạ hào²
Trông mò nèn lao xao,
Tiền phải mau đem nộp,
Ba đồng thêm 6 hào
Tuần dinh như thiên lôi,
Lý trưởng mắt óc nhồi,
Mồm đe nạt quát chửi,
Sao ra tiền ông xối,
Mục hào³ thực chó má,
Quát máng suốt đêm ngày,
Làm dân mình bới xối,
Chỉ ường¹ độc quan Tây.

1. Không rõ tên tác giả, có lẽ từ miền Bắc đưa vào. Được phổ biến rộng rãi trong thời gian chống sưu thuế.

2. Hương mục, hạ hào, tuần dinh là những chức vụ ở thôn xã ngày trước, do địch đặt ra để quản lý hương thôn cho chúng.

3. Mục hào: những người có chức vụ, quyền thế ở thôn xã.

Tâm sự¹

Phạm Cao Đàm²

*Ai bày ai biểu sự xin xâu,
Tội báo thân hào cực bấy lâu,
Mưa nắng chỉ sồn gan dạ sắt,
Đặng cay phải trả nợ mây râu.
Đã đánh gánh vác cho non nước,
Bao quân lao đao sự dãi dầu,
Nghĩ lại làm trai nên phải vậy,
Xưa nay thành bại lạ gì đâu!*

Dặn dạ³

Nguyễn Đình Quảng⁴

*Dân cực ta nay sướng được nào,
Dân làm ta chịu cũng không sao.*

1. Bài thơ còn có tên là *Chi sồn*.

2. Phạm Cao Đàm (1886-1928) Người làng Xuân Phổ (Nghĩa Kỳ - Tư Nghĩa) tích cực tham gia phong trào Duy Tân và chống sưu thuế. Ông bị bắt và làm bài thơ này. Qua bài thơ ta thấy rõ phong trào chống sưu thuế không phải là do Hội Duy Tân chủ trương. Nhưng việc đã xảy ra, các thân hào sẵn sàng gánh chịu.

3. Có sách đề: *Dặn mình*

4. Nguyễn Đình Quảng người Sung Tích (Tĩnh Châu, Sơn Tịnh) là yếu nhân trong phong trào Duy Tân. Ông mở trường ở Sung Tích rất đông học sinh, trường ông luôn dạy về lòng yêu nước, tố cáo sưu cao thuế nặng. Trong chống thuế, ông bị bắt bị kết án chung thân, đày đi Côn Đảo và mất tại đây. Hai câu thơ trên còn chứng minh rõ lúc đầu phong trào chống sưu thuế là tự phát, không phải hội Duy Tân chủ trương.

*Đặng cay dạn dạ đừng nản nỉ,
Non nước trên lòng phỉ ước ao.
Đi ở chớ nài chân rã riết,
Áp ui đâu phải mặt chao vao
Gặp cơn sóng gió còn cơn tạnh
Cầm lái dòng sâu lướt tới ào!*

Non sông đẹp bởi chí người

Nguyễn Quang Mao¹

*Thành Gấm non sông đẹp chí người,
Càng phô sắc thắm cảnh vui tươi,
Ấn trời tô điểm sâu linh nước,
Bút ngọc tuôn mây thắm nghĩa đời.
Luỹ xưa quanh quẽ ngăn giông tố,
Vách đá long lanh quét bụi mù,
Rồng vờn réo nước tươi khai hoá,
Đá bủa sông giăng xác giặc vùi.
Non mây thao thức phun mưa móc,
Đêm cát êm đềm dưới dậm khơi,
Cửa sớm thung dung câu thế cuộc,
Đò chiều nhọn nhịp điệu hò vui.
Rừng rậm chành vênh con nai giỡn,*

1. Nguyễn Quang Mao (1888-1958) người thôn Văn Hà (xã Đức Phong - Mộ Đức). Tham gia phong trào Duy Tân lúc còn rất trẻ. Năm 1930 được kết nạp vào Đảng, Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng tổng Ca Đức. Óm mắt năm 1958.

*Ao sen man mác chị Hằng chơi,
Cảnh này hà dễ ai vui đáp,
Quyết trai thân ra giữ, đắp bồi.*

Năm 1906

Quảng Ngãi quê ta

*Sông Trà nước dội dôi cơn,
Cao Muôn khí uất cuộn lên bạc đầu.
Sa Huỳnh biển hận thành châu,
Cò thôn nổi sóng cơ đầu giết Tây.
Quê Bồng chứa đựng đắng cay,
Đường phèn Vạn Tượng ngọt rày thủy chung.
Lửa lòng Châu Ổ nấu nung.
Thieu loài cường bạo nướng quán gian tà.
Ai ơi Quảng Ngãi quê ta,
Đất dầm nước mắt, nước phu máu đào.
Sông dài, biển rộng, non cao,
Cũng không đựng hết xiết bao nhọc nhằn.
Dân làm, Tây cướp, tua án,
Thuyền tràn sì khi, bướm căng oán thù.
Đông tàn mây ám trăng lu,
Xuân sang, gió dậy sương mù ất tan¹.*

Năm 1907

1. Hai bài thơ trên của cùng một tác giả có đầu đề khác nhau, nhưng cùng một chủ đề, viết trong hai năm 1906, 1907 và đều lấy các địa danh ở Quảng Ngãi. Bài trước nhắc đến 12 cảnh đẹp, bài sau nêu nét đặc biệt của mỗi vùng với lòng quyết tâm gìn giữ.

Tin ở tương lai

Nguyễn Công Phương¹

*Lo tình mà chi các bạn ơi!
Khuyên nhau nâng nói giữ gìn lời,
Non sông cân lại, thôn bao nặng?
Sóng gió đưa qua chí chẳng đời!
Tra tấn chớ nao lòng cứu nước,
Phình phờ đừng chuyển dạ yêu đời!
Thân này dầu bị sao chẳng nữa,
Còn cô tương lai, cô giống nòi.*

Lao Quảng Ngãi 1908

1. Nguyễn Công Phương (hiệu Phụng Can), quê ở Hoà Vinh (Hành Phước - Nghĩa Hành), xuất thân trong gia đình Nho học yêu nước. Tham gia hội Duy Tân lúc còn rất trẻ, rồi phong trào chống thuế, bị bắt và bị tù. Ra tù lại tham gia Việt Nam quang phục Hội (1916). Năm 1930 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, Bí thư Huyện uỷ Nghĩa Hành, rồi Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, bị bắt và tù đầy nhiều năm. Cách mạng Tháng Tám thành công, là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Mặt trận Liên Việt Liên khu V, Uỷ viên Chủ tịch đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Uỷ viên Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Mất ngày 14-8-1972.

Hai bài thơ do ông viết lúc bị tù, bị giam sau phong trào chống sưu, thuế năm 1908.

Quyết giữ trọn tấm lòng

Một mình hai lính tới Ba Tơ
Kẻ đón người đưa sẵn đợi chờ.
Mỗi lúc ra vào quân bảo vệ,
Thường khi ngơi nghỉ lệnh canh giờ.
Uống ăn thức ngủ theo giờ giấc,
Làm lung, lại qua chẳng lững lơ.
Cảnh ấy tình này, cơn thử thách,
Quyết cùng giữ trọn tấm lòng thơ.

Lao Ba Tơ 1908

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi*, Sở VH TT Quảng Ngãi xuất bản năm 1997.

2. Bùi Đình - *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi*, Sở VH TT Nghĩa Bình xuất bản năm 1985.

3. Phạm Trung Việt - *Nước non xứ Quảng*, xuất bản năm 1973.

4. Phạm Trung Việt - *Thi ca và giai thoại miền Ấn Trà*, Cẩm Thành thư xã xuất bản năm 1973.

5. *Đại Nam chính biên liệt truyện*.

6. Nguyễn Văn Xuân - *Phong trào Duy Tân*, xuất bản năm 1970.

7. *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi - Hội văn nghệ Nghệ An* xuất bản năm 1975.

8. Nguyễn Bá Trác - *Quảng Nghĩa tỉnh*, tạp chí *Nam Phong* (bản đánh máy lưu tại thư viện Quảng Ngãi).

9. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 1991.

10. *Phan Bội Châu niên biểu*, Nxb. Văn Sử Địa, 1957.

11. Nguyễn Đình Chú - *Văn thơ Phan Bội Châu*, Nxb. Giáo dục, 1968.

12. *Dại Nam thực lục*, t.37, Nxb. Khoa học xã hội, 1977.
13. *Tư thuật hoạt động cách mạng của cụ Nguyễn Công Phương*, Đoàn Chí Toàn ghi, tài liệu đánh máy, lưu tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.
14. *Tư thuật của Nguyễn Công Phương*, Hải Phương ghi, tài liệu đánh máy lưu tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi.
15. *Bản tấu của Phủ Phụ Chính (Châu bản triều Duy Tân)*.
16. Thế Kỳ - Hà Thanh - *Quảng Ngãi giai thoại-truyền thuyết*, xuất bản năm 1994.
17. Hồng Sinh - Hồng Phú - *Sao sáng Sông Trà*, Nghệ An, 1995.
18. Nguyễn Tiến Lực - *Phan Bội Châu và Lương Khải Siêu ở Nhật Bản*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số tháng 3 và 4-1996.
19. Tạp chí *Cẩm Thành*, số 1 và số 13.
20. Charles Fourniau - *Anname Tonkin*, Pari, 1989.
21. Phan Khoang - *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Sài Gòn, 1971.
22. *Từ điển tiếng Việt*, 1992.
23. Hoàng Ngọc Phách - *Nguyễn Khuyến*, Nxb. Giáo dục, 1957.
24. Vũ Ngọc Khánh - *Về yêu nước chống xâm lược*, Nxb. Hà Nội.
25. Hồng Nhân - *Quảng Ngãi, Đất nước - con người - văn hoá*, Sổ Văn hoá thông tin Quảng Ngãi.
26. Hồ sơ gia tộc của họ Nguyễn Lạc Phố.
27. Một số tư liệu di sản dã thu thập khi về Lạc Phố (Đức Nhuận - Mộ Đức và Tinh Phú (Hành Minh - Nghĩa Hành).

MỤC LỤC

	Trang
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
I. TIỂU SỬ	11
1. Quê hương, gia thế	11
2. Vài nét về cuộc đời	15
II. SỰ NGHIỆP CỨU NƯỚC	26
- Thời kỳ đấu tranh vũ trang (1885-1888)	26
1. Nguyễn Bá Loan với cuộc khởi nghĩa Cần Vương do Lê Trung Đình lãnh đạo	29
2. Nguyễn Bá Loan trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang (1885-1888)	37
- Thời kỳ liên hệ với các chiến sĩ yêu nước tìm phương kế cứu nước (1889-1904)	66
- Thời kỳ xây dựng phong trào "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" và cùng nhân dân chống sưu thuế (1904-1908)	71
1. Thời kỳ xác định nội dung phong trào đồng bào (1904-1905)	71
2. Thành lập Hội, đẩy mạnh các hoạt động "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" (4-1906 - 2-1908)	83

3. Thời kỳ Nguyễn Bá Loan trực tiếp lãnh đạo phong trào Duy Tân, rồi cao trào chống sưu, thuế (9-1907 - 4-1908)	99
III. KẾT LUẬN	149
PHẦN PHỤ LỤC	156
- Giai thoại	157
- Thơ ca hô vè	171
TÀI LIỆU THAM KHẢO	195

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: **LÊ CÔNG NHƯ**

ĐÌNH LỤC

Trình bày, vẽ bìa: **NGUYỄN THỊ HOÀ**

Sửa bản in: **NGA MY**

In 1.500 cuốn khổ 13x19cm, Tại Nhà xuất bản Thế giới.
Giấy phép số 122-49/XB-QLXB cấp ngày 20-1-1999.
In xong, nộp lưu chiểu tháng 9 năm 1999.



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ C

24 Quang Trung - Hà N

DCN.000943

ĐT : 8252008 FAX : 84 - 4 - 251881

TÌM ĐỌC :

- DUNG QUẤT - HÀNH TRÌNH VÀO THẾ KỶ XXI

- TRUNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN - ĐẶC SẮC
LIÊN VÙNG VĂN HÓA

Ban chấp hành Đảng bộ Thị xã Quảng Ngãi:

- PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VÀ
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI
(1930 - 1975)

40.000

Giá : 19.500đ